

Số: 1122/QĐ-BV199-KD

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Danh mục thuốc
sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 - 2027

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN 199

Căn cứ Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thuốc và Điều trị trong bệnh viện;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuốc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 37/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuốc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-TTMS ngày 14/11/2024; Quyết định số 97/QĐ-TTMS ngày 12/12/2024; Quyết định số 52/QĐ-TTMS ngày 11/02/2025 của Trung tâm mua sắm tập trung thuốc Quốc gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu cung cấp thuốc cho các tỉnh miền Trung và khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2024 - 2026;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025; Quyết định số KQ2500043818 2506271448 ngày 29/06/2025; Quyết định số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025; Quyết định số 449/QĐ-SYT ngày 09/9/2025; Quyết định số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025 của Giám đốc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thuốc dự toán/Dự án mua sắm tập trung thuốc cấp địa phương cung ứng thuốc giai đoạn năm 2024 - 2026 cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục thuốc sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 - 2027, bao gồm:

- Danh mục thuốc hoá dược (Phụ lục I đính kèm)



- Danh mục thuốc cổ truyền (Phụ lục II đính kèm)
- Danh mục vị thuốc cổ truyền (Phụ lục III đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng thuốc & Điều trị, Trường khoa Dược, Trường các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám đốc (để chỉ đạo)
- Lưu: VT, HĐT&ĐT, KD (Tỉnh-03b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Thượng tá Trần Quang Pháp



PHỤ LỤC I:
DANH MỤC THUỐC HOÁ DƯỢC
(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BV 199-KĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025)

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên loại chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Dạng dùng (5)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nuôi từ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quỹ định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tuy chọn mua sắm (18)	Mã số, vị trí thành lưu của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)	
1. THUỐC GÂY TÊ, GÂY MÊ, THUỐC GIÃN CƠ, GIẢI GIÃN CƠ																			
1.1. Thuốc gây tê, gây mê																			
1	Atropin sulfate	Atropin sulfate	0,25mg/ml	Tiền	Dạng dịch tôn	Hộp 100 ống x 1ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phúc	Viet Nam	Ông	12.150	310	6.439.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN VINH PHÚC	5.645			
2	Marctaine Spinal Heavy	Bupivacaine hydrochloride	5mg/ml	Tiền	Dạng dịch nôn tủy sống	Hộp 5 ống x 4ml	Nhóm 1	Cereol	Pháp	Ông	3.240	41.600	139.276.800	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG LƯƠNG 2	1.004			
3	Bupivacaine Agonoxone Steroid	bupivacaine hydrochloride monohydrate 5,28mg tương đương với bupivacaine hydrochloride anhydrous (bản) 5,00mg tương đương	5 mg/ml	Tiền	Dạng dịch tôn	Hộp 10 ống, tương đương chứa 20ml dạng dịch thuốc	Nhóm 1	Dupharum Texas	Pháp	Lô	4.410	49.449	218.465.082	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI NÂNG	1.225			
4	Bupivacaine Heavy	Bupivacaine HCl 21,12mg tương đương bupivacaine HCl bản 20mg/ml	0,25mg/ml	Tiền	Dạng dịch thuốc tủy	Hộp 5 ống x 4ml	Nhóm 2	Tonkan Pharmaceuticals Ltd	An Độ	Ông	75	17.200	1.290.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG CÔNG 3	22			
5	Bupivacaine	Bupivacaine hydrochlorid	20mg/ml	Tiền	Dạng dịch tôn	Hộp 1 x 5 ống x 5ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phúc	Viet Nam	Ông	1.000	16.439	16.439.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN VINH PHÚC	300			
6	Suprane	Bupivacaine	100% (v/v)	Dạng bột	Cả liều đi kèm hạt dạng bột nó trong bộ lọc	Chai 300ml	Nhóm 1	Baxter Healthcare Corporation	Mỹ	Ông	142	2.700.000	383.400.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐẠI NÂNG	42			
7	Pecarys B-Dexan 0,1mg/2ml	Pecarys (dạng dung truyền tiêm)	0,1mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tôn	Hộp 10 ống, dạng 2ml	Nhóm 1	B-Dexan Mallapexen AG	Đức	Ông	9.890	17.010	168.330.960	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN TRUNG LƯƠNG CÔNG 1	2.968			

11/000

STT (1)	STT theo YT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên mã phân của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VND) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 30/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
8	11	Levobupivacaine 50 mg	Levobupivacaine (dạng dung dịch Levobupivacaine Hydrochloride)	50mg/10ml	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 10 lọ x 10 ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân phối CPC1 Hà Nội	Nội Nam	Lô	7.000	88.000	616.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM NHẢ KHOA PHAM VIỆT NAM	2.100		
9	12	Lidocaine	Lidocaine HCl	40mg/2ml	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 100 ống x 2ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân phối Hải Dương	Nội Nam	Ống	3.240	500	1.620.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	1.372		
10	12	Falipon (Cơ sở xuất sản: Dörmann GmbH & Co. KG; Ernst-Wagner-Weg 1-5 72766 Rudersdorf Germany)	Lidocaine hydrochloride	100mg/10ml	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 5 ống x 10ml	Nhiệm 1	Industria Farmaceutica Galeries Seneca S.R.L.	Italy	Ống	598	39.600	21.322.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT NAM	179		
11	12	Lidocaine	Lidocaine hydrochloride	200mg/10ml	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 50 ống x 10ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân trung ương 2	Nội Nam	Ống	3.514	13.984	70.633.776	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	Công ty TNHH được phân phối Hải Dương	1.034		
12	12	Nylidone Jelly	Lidocaine hydrochloride khô (dạng Lidocaine hydrochloride monohydrate) 2%	2%	Dùng ngoại	Gel	Hộp 10 tuýp x 30 gam	Nhiệm 4	Reichmann Karlshagen AB	Thụy Điển	Tuýp	644	60.720	42.907.080	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG CƠ SỞ 2	190		
13	12	Lidocaine	Lidocaine	3,5g (dạng dung dịch dịch 10% trong cồn)	Phân mủ	Thước phân mủ	Hộp 1 Lox x 38 gam	Nhiệm 1	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Lô	101	159.000	16.059.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM NHẢ KHOA PHAM VIỆT NAM	50		
14	13	Adrevido	Adrenaline 0,001 % (w/v), Lidocaine hydrochloride 2 % (w/v)	0,001% (w/v) + 2 % (w/v)	Tiền	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 1,4ml	Nhiệm 5	Công ty cổ phần được phân trung ương 2	Nội Nam	Ống	2.000	4.200	8.400.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	500		
15	13	Lignocaine Standard	Lidocaine Hydrochloride + epinephrine	Lidocaine Hydrochloride 30mg; epinephrine 0,01mg	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 3 vi x 10 ống cartridge x 1,4ml	Nhiệm 3	Septodont	Pháp	Ống	500	15.300	7.650.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM NHẢ KHOA PHAM VIỆT NAM	150		
16	13	Zodolan	Midazolam (dạng dung dịch) Midazolam HCl 5,75mg/ml	5mg/1ml	Tiền	Dung dịch tĩnh	Hộp 10 ống x 1ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược Dạng	Nội Nam	Ống	1.000	15.750	15.750.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM NHẢ KHOA PHAM VIỆT NAM	200		
17	13	Midazolam B. Braun Sengst	Midazolam (dạng dung dịch) midazolam HCl	5mg/ml	Tiền, Troyen tĩnh mạch	Dung dịch tĩnh, troyen tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 1ml	Nhiệm 1	B Braun Melsungen AG	Đức	Ống	2.500	20.100	50.250.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM NHẢ KHOA PHAM VIỆT NAM	750		

Handwritten signature

Handwritten mark

STT theo TT (1)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, ý kiến thành viên của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài trẻ (20)	
18	18	Doughine	Morphin sulfate	10mg/ml, ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 10ml	Nhãn 4	Công ty cổ phần dược phẩmawang song 1 - Pharmaco	Viet Nam	Ông	5.600	6.000	31.980.000	1075/QĐ-Phân Dược SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	-		
19	21	Fresfrel 1% Meflolex Propofol	1% (10mg/ml)	Tiền hoặc tiêm tĩnh mạch (IV)	Nhũ trong bình hoặc tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 20ml	Nhãn 1	Fresfrel Kabi Austria GmbH	Áo	Ông	4.400	25.000	154.000.000	511/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	1.330			
20	21	Propofol	10mg/ml	Tiền	Nhũ trong bình	Hộp 5 ống x 20ml	Nhãn 2	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	903	24.000	21.600.000	311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	297			
21	21	Propofol	10mg/ml	Tiền hoặc tiêm tĩnh mạch (IV)	Nhũ trong bình hoặc tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 20ml	BIGC	Carden Pharma S.P.A.	CSSN V.	Ông	2.700	118.100	319.053.600	798/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	810			
22	23	Serofluran	Serofluran	250ml	Hô hấp	Dạng dịch gây mê đường hô hấp	Hộp 1 chai x 250ml	Nhãn 1	Praxair Critical Care, Inc.	USA	Chai	1.000	1.523.500	1.523.500.000	311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	300		
1.2. Thuốc gần cơ, thuốc giải gần cơ																			
23	26	Asiaron 25mg/2,5ml solution for Injection/Intramuscular	Asiaron 25mg/2,5ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 2,5ml	Nhãn 1	Cơ sở sản xuất, dược phẩm, nghiên cứu: HBM Pharma S.R.O.; Cơ sở sản xuất, dược phẩm, nghiên cứu: Stock Company "Kalsco"	Slovenia, Hungary, Serbia; Latvia	Ông	914	44.800	23.475.200	311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	157			
24	26	Narixin	Acetaminophen	250mg/2,5ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 2,5ml	Nhãn 2	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	2.000	25.512	51.064.000	311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	600		
25	27	815-Neutrogena	Neodigene nevirapine	0,25 mg/ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 5 ống x 1ml	Nhãn 4	Công ty cổ phần dược phẩm EPCI Hà Nội	Viet Nam	Ông	2.990	5.440	16.374.540	311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	899		
26	29	Arduon	Pyrenestron Benzoate	4mg	Tiền	Bột dạng viên	Hộp 24 viên x 20mg	BIGC	Gordon Richter Plc	Hungary	Ông	28	81.800	2.310.400	798/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN UYÊN (CPCI)	8		

STT (1)	STT TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thước (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trong báo (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tổng cộng mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh sản của Quỹ BHYT tức Tổng từ 30/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
2. THUỐC GIẢM ĐAU, HẠ SỐT, CHỐNG VIÊM KHÔNG STEROID; THUỐC ĐIỀU TRỊ GÚT VÀ CÁC BỆNH XƯƠNG KHỚP																			
2.1. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid																			
27	35	BV Celex 200	Celecoxib	200mg	Lồng	Viên nang cứng	Hộp 30 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 1 Chai x 100 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược phẩm BV Pharma	Viet Nam	Viên	6.495	312	2.036.440	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 09/10/2023	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC KHANG	1.948		x
28	35	Celebrex	Celecoxib	200mg	Lồng	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDG	CSXN; Mỹ, Công ty có phần vốn và xuất xưởng: Pfizer Manufacturing Deutschland GmbH	Đang chờ và xuất xưởng Đức	Viên	268	11.913	3.204.577	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 1	89		
29	37	Diclofenac	Diclofenac natri	75mg/3ml	Tiền	Dạng dịch thuốc tiêm	Hộp 10 ống x 3ml	Nhóm 4	Công ty có phần vốn và xuất xưởng: Hái Dược	Viet Nam	Ống	1.008	750	750.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HÀI DƯỢC	300		
30	37	Diclofenac	Diclofenac natri	50mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 50 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Viên	200	75	15.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VĨNH PHÚC	60		
31	27	Valtaren	Diclofenac natri	100mg	Bột trực tràng	Viên đạn	Hộp 1 vỉ x 5 viên	BDG	Delpharm Haringhoe S.A.S	Pháp	Viên	380	15.600	5.928.000	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	114		
32	37	Valtaren 75mg/2ml	Diclofenac natri	75mg/2ml	Tiền	Dạng dịch thuốc tiêm	Hộp 1 vỉ x 5 ống 3ml	BDG	Lek Pharmaceuticals d.d.	Slovenia	Ống	148	18.056	2.673.768	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	44		
33	37	Valtaren	Natri diclofenac	75mg	Lồng	Viên nén phôi giải phóng chậm	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BDG	Sorantin Farma S.p.A	Ý	Viên	148	6.135	915.280	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	64		
34	38	Tamuran	Etoricoxib	300mg	Lồng	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Incepta Pharmaceuticals Ltd	Bangladesh	Viên	15.000	4.600	69.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT	4.500		x
35	39	Etoricoxib Teva 300mg	Etoricoxib	300mg	Lồng	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	Teva Pharmaceutical Works Private Limited Company	Hungary	Viên	10.000	7.650	76.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	3.000		

12

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Dạng bào chế (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Khoản số (11)	Bên vi (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quy BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
36	Erast 90	Etoricoxib	90mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty Cổ phần S.P.M	Vĩnh Nam	Vĩnh	113	4.000	532.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 18/7/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM ĐO THÁNH	30		x
37	Etoricoxib 30 mg	Etoricoxib	30mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược Việt Nam	Vĩnh Nam	Vĩnh	12.000	3.738	44.856.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM BOSTON VIỆT NAM	3.600		x
38	ACETONIB 60	Etoricoxib	60mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 6 vỉ, 18 vỉ x 10 vỉ	Nhiệm 4	CN Công ty Cổ phần Aquapharm - Nhà máy SX DP Aquapharm	Vĩnh Nam	Vĩnh	2.108	461	1.013.278	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM AGNEPHARM	600		x
39	SAVI Etoricoxib 90	Etoricoxib	90mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Công ty CPDP Savi	Vĩnh Nam	Vĩnh	10.000	890	8.900.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM SANTI	3.000		x
40	Aceclofenac 100mg	Etoricoxib	100mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ	Nhiệm 4	CSSC: Bavi Pharma Industrial Services & A. CSDD và các hãng Organic Pharma (UK) Limited	CSSC: Bavi Pharma Industrial Services & A. CSDD và các hãng Organic Pharma (UK) Limited	Vĩnh	3.000	14.222	71.110.000	QB số 738/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	1.500		
41	Vibrafen	Ibuprofen	100mg/2ml	Lông	Hỗn dịch uống	Hộp 1 lọ x 60ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Vĩnh Nam	L.O	1.000	14.900	14.900.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM VINH PHU	200		x
42	Fasidon Gel	Ketoprofen	2,5g/100g gel, 30g	Hoa ngải da	Cát bụi ngải da	1 hộp 30g	Nhiệm 1	A. Menzies Manufacturing Logistics and Services S.L	V	Tuyr	2.000	49.803	99.606.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	600		x
43	Ketoprofen 100 mg	Ketoprofen	100mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	S.C. AC Helcor S.R.L	Romaria	Vĩnh	20.000	7.340	142.800.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	6.000		x
44	Algebral-N	Ketoprofen	30mg	Tính hoạt động	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống (lưu)	Nhiệm 1	Bentham Company SML	Romaria	Ông	226	24.000	7.684.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM SQUAD	67		
45	Fasidon 60 DT	Ketoprofen	60mg	Lông	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1- Pharmaco	Vĩnh Nam	Vĩnh	13.000	2.400	30.000.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM SANTI	4.500		x

100

100

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Ban vị tỉnh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chế mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 28/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
46	47	Gerodol Tab.	Levodopa sodium hydrate (tương đương Levodopa sodium 60mg) 60,1mg	Levodopa sodium hydrate (tương đương) Levodopa sodium 60mg) 60,1mg	Uống	Viên nén không bao	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Theragen Ex Co., Ltd.	Hà Quốc	Vĩnh	10.000	2.400	24.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SVT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM KIẾN PHÁT	3.000		*
47	48	Mexilan	Meloxicam	15mg	Tắm	Dạng dịch tắm tập	Hộp 5 ống x 1,5ml	Nhóm 1	Hệp S.A.	Green (Hy Lap)	Ong	2.000	21.588	107.940.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM OOH	1.500		
48	48	Meloxicam	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Vĩnh	200	175	122.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM KHANH HÒA	90		*
49	48	Trascan 7,5mg	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén phân tán tại miệng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Alpen Pharma S.A.	Switzerland	Vĩnh	10.000	4.950	49.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM MEZA	3.000		
50	48	Meloxan 15mg	Meloxicam	15mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm	Viet Nam	Vĩnh	2.410	290	2.889.600	QĐ số 1074/QĐ- SVT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TV PHARM	2.223		*
51	48	Coxib	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Vi Phú	Viet Nam	Vĩnh	1.584	154	243.936	QĐ số 87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG BÚC			
52	48	Coxib	Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Vi Phú	Viet Nam	Vĩnh	25.000	154	3.842.000	QĐ số 87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOANG BÚC			
53	48	Meloxicam 15mg	Meloxicam	15mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Viet Nam	Vĩnh	1.854	312	578.448	QĐ số 87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM DANAPHA			*
54	50	Morphin 30mg	Morphin sulfate	30mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm mang song 2	Viet Nam	Vĩnh	15.000	7.150	107.250.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TRUNG LƯƠNG COOPHA	-		
55	50	Morphin 30mg	Morphin sulfate	30mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm mang song 2	Viet Nam	Vĩnh	110	7.150	786.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM TRUNG LƯƠNG COOPHA	33		
56	51	Nalmefix	Nalmefexin	750mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	Công Ty CP D Sant	Viet Nam	Vĩnh	10.000	8.849	88.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM MINH TR	3.000		*

100

STT theo TT 29 (1)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên khác phải của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đơn vị tính (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sản xuất (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc gia trong nhà (16)	Tên chủ nhà (17)	Số lượng tự chọn mua (18)	Giá trị của Quy định 2008/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại lệ (20)
57	Preparin	Naproxen	500mg	Lịch	Viên nén	Hộp 10 x x 10 viên	Nhiệm 1	Rennafin Ltd	Cyprus	Viên	5.000	4.500	22.500.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC M&E DOOC PHARM PHARM	1.500		x
58	Naproxen 500	Naproxen	500mg	Lịch	Viên nén	Hộp 5 x x 10 viên	Nhiệm 2	CÔNG TY TNHH L&A DOANH S&P PHARM - C&P PHARM 1	Việt Nam	Viên	5.000	3.000	15.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM K&P DOOC PHARM	1.500		x
59	Acupan	Nefopam hydrochloride	20mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 5 x x 2ml	Nhiệm 1	Cơ sở sản xuất Diapharm Trans; Cơ sở sản xuất B&P DOOC PHARM	Châu Âu	Chai	7.000	25.000	175.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	2.100		
60	Efferalgan	Paracetamol	150mg	Efferalgan	Thuốc dán	Hộp 2 x x 5 viên	Nhiệm 1	UPSA SAS	Pháp	Viên	119	2.420	27.798.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	95		x
61	Efferalgan	Paracetamol	30mg	Efferalgan	Viên nén	Hộp 2 x x 5 viên	Nhiệm 1	UPSA SAS	Pháp	Viên	6	1.938	11.628.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC M&E DOOC PHARM K&P DOOC PHARM	1		x
62	Kemadol 650mg Tablet	Paracetamol	650mg	Lịch	Viên nén	Hộp 4 x x 10 viên	Nhiệm 1	Kemadon S.L.	Spain	Viên	25.000	1.000	25.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC M&E DOOC PHARM K&P DOOC PHARM	7.500		x
63	Paracetamol 650 mg	Paracetamol	650mg	Lịch	Viên nén	Hộp 10 x x 10 viên	Nhiệm 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM B&P DOOC PHARM	Việt Nam	Viên	25.000	825	20.625.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	7.500		x
64	Efferalgan	Paracetamol	500mg	Lịch	Viên nén	Hộp 4 x x 4 viên	Nhiệm 1	UPSA SAS	Pháp	Viên	27.872	3.375	93.940.250	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	8.361		x
65	Paracetamol 500mg/5ml	Paracetamol	500mg/5ml	Tiền	Thuốc tiêm	Túi 100ml	Nhiệm 4	CÔNG TY TNHH DIP ALBESOL	Việt Nam	Túi	25.000	7.875	196.875.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC M&E DOOC PHARM B&P DOOC PHARM	7.500		
66	Paracetamol 500mg/5ml	Paracetamol	500mg/5ml	Tiền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 01 x x 50ml	Nhiệm 4	CÔNG TY TNHH M&E DOOC PHARM	Việt Nam	Lô	1.138	9.465	10.771.170	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	241		
67	Paracetamol Macropharm	Paracetamol	500mg x 50ml	Tiền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 01 x x 50ml	Nhiệm 1	Agreement Macropharm	France	Túi	10.000	37.400	374.000.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DOOC PHARM THUỐC BI Y T&E B&A N&G	3.000		

Handwritten signature/initials.

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Đóng gói chủ (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng mua thêm (18)	Đã kiểm tra theo Quy định 26/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
68	55	Qipadol 500mg	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 04 vỉ x 04 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Quang Bình	Viet Nam	Viên	20.000	350	11.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUANG BÌNH	6.000		x
69	56	Thermadol	Paracetamol	lg	Tắm truyền	Dạng dịch truyền tĩnh mạch	Hộp 1 lọ x 100ml	Nhóm 2	Alkermis drugs & Pharmaceuticals Ltd.	An Độ	Lọ	11.501	15.000	172.115.000	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY THANH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SÀI GÒN			
70	56	Paracetamol 500	Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén sủi bọt	Hộp 4 vỉ x 4 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Sa/Vi	Viet Nam	Viên	13.707	1.640	22.479.880	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÀNH SÀI GÒN	4.112		x
71	56	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Liên doanh Sedapharm - Cis chính 1	Viet Nam	Viên	27.068	480	13.002.240	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN SAGIANV	7.526		x
72	56	Tatadol	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Uống	Mềm nén bào phân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Pyrepharm	Viet Nam	Viên	8.500	190	1.615.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN PYREPHARMCO	2.590		x
73	58	Cedalgia Forte	Paracetamol + Codeine phosphat (ức chế cường phosphate broad-based)	500mg + 20mg	Uống	Viên nén	Hộp 02 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Aspen Pharma Pty Ltd.	Australia	Viên	25.000	3.348	84.700.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯỜNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	-		x
74	61	Paracetmo DWP 200/588 mg	Paracetamol + methocarbamol	300mg + 380mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vestphar	Viet Nam	Viên	10.000	651	6.510.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHẨM THẾ ANH	3.000		x
75	61	Paralmax real	Methocarbamol Paracetamol	400mg; 500mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Biotron Việt Nam	Viet Nam	Viên	30.000	1.575	31.500.000	QĐ số 1674/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BUSTON VIỆT NAM	6.000		x
76	64	Huygic Fort	Paracetamol + Tramadol hydrochloride	325mg + 37.5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ, 2 vỉ, 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần US Pharma USA	Viet Nam	Viên	4.000	2.100	10.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯỜNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DUYNG	-		x
77	64	ULTRADOL	Paracetamol, Tramadol hydrochloride	325mg; 37.5mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên doanh Sedapharm - Cis chính 1	Viet Nam	Viên	11.500	890	10.304.000	QĐ số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN OONSA			x
78	64	Paracetamol	Tramadol hydrochloride + Paracetamol	37,5 mg + 325 mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Pharmaceutical Burka Polpharma S.A.	Ba Lan	Viên	11.500	2.480	28.520.000	QĐ số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY THANH MỘT THÀNH VIÊN VINCEDEX BINH DUYNG			x

100%

100%

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên nhãn phân của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Buồng đáng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm trước (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị đánh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trước thuế (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quyển trước thuế (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, lý do thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 30/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyên liệu (20)
79	68	Curatol alginatus	Paracetamol + diphenhydramine + phenylephrine HCl 10mg	650mg + Diphenhydramine hydrochloride 25mg + Phenylephrine HCl 10mg	Viên	Thuốc viên	Hộp 30 gói x 2g	Nhiệm 1	Công ty Cổ phần S.P.M	Viet Nam	Ghi	5.000	3.500	17.500.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	-		x
80	69	Curatol dayline	Paracetamol + phenylephrine + dexamethasone	650mg + Phenylephrine hydrochloride 10mg + Dexamethasone bình 110g 20mg	Viên	Thuốc viên	Hộp 30 gói x 2g	Nhiệm 1	Công ty Cổ phần S.P.M	Viet Nam	Ghi	5.000	3.500	17.500.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	-		x
81	69	Meyencol	Paracetamol + phenylephrine + dexamethasone	650mg Paracetamol + Phenylephrine HCl 10mg + Dexamethasone bình 110g 20mg	Viên	Viên nén bề mặt bề mặt	Hộp 10 gói x 10 viên	Nhiệm 1	Công ty TNHH Doan Myen JSC	Viet Nam	Viên	10.000	1.650	16.500.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO PHARM DO THANH	-		x
82	72	Tartican Capsules	Paracetamol	20mg	Viên	Viên nang	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	U.CHI Pharmaceutical Co., Ltd.	Bat Limon	Viên	7.000	4.400	30.800.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	2.100		x
83	73	Vitamin	Vitamin	20mg	Viên	Thuốc viên bề mặt bề mặt	Hộp 2 vỉ x 5 viên bề mặt bề mặt	Nhiệm 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Viet Nam	Lô	2.000	7.750	15.400.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHARM DO THANH	600		
2.2. Thuốc điều trị gout																			
84	76	Salsiprin 100	Allopurinol	100mg	Viên	Viên nén	Hộp 30 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Bernedon Ltd.	Cyprus	Viên	35.000	1.750	61.250.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	10.500		x
85	76	Salsiprin 300	Allopurinol	300mg	Viên	Viên nén	Hộp 30 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Bernedon Ltd.	Cyprus	Viên	10.000	2.300	23.000.000	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	2.000		x
86	76	Salsiprin 300	Allopurinol	300mg	Viên	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM DO THANH	Viet Nam	Viên	7.517	500	3.758.500	QB số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHARM DO THANH	2.345		x
2.3. Thuốc chống thoái hóa khớp																			

Ally

nh

STT TT	STT TT	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị danh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quỹ định trợ cấp (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng tự chi mua thêm (18)	Điều kiện, số lệ thành toàn của Quỹ BHYT theo Thông tư 26/2022/TT-BYT (19)	Cấp phải ngươi trả (20)
87	79	AGIDICERIN	Dacerein	50mg	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Chai 100, 200 viên	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Viet Nam	Viên	3.000	\$21	1.042.800	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	600	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị theo đơn kê khai bệnh hoặc ghi	x
88	80	Glucomin	Glucosamin hydrochloride (nước đường Glucosamin 415mg)	500mg	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	35.000	218	7.630.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	10.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị toàn bộ thời gian nằm viện do chấn thương khớp.	x
89	80	FLENSA 1500	Glucosamine Sulfate	1500mg	Thuốc bột uống	Hộp 3 gói x 3,7g	Nhóm 1	Mega Laboratories (Australia) Pty., Ltd	Australia	Gói	10.000	8.500	85.000.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIỆT BẠI Y TẾ HÀ NỘI	3.000	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị toàn bộ thời gian nằm viện do chấn thương khớp.	x
2.4. Thuốc khác																		
90	84	Manapon	Cymotriptan	4200IU	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Sa Vi	Viet Nam	Viên	35.000	608	21.280.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SA VI	10.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán trong điều trị đau nửa đầu mãn tính.	x
91	65	Rocable 160	Calcitonin (Salmon)	100IU/ml	Dạng dịch tiêm và pha trộn truyền	Hộp 5 ống x 1 ml	Nhóm 1	Papapharma GmbH	Bao	Ong	100	90.000	9.000.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM PHU LAM LINE	30	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán - Phòng nội khoa ngoại cấp cứu để bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bị chấn thương cột sống.	
92	85	Recalee 50	Calcium salmate	50IU/ml	Dạng dịch tiêm và pha trộn truyền	Hộp 5 ống x 1 ml	Nhóm 1	Papapharma GmbH	Bao	Ong	100	36.000	3.600.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM PHU LAM LINE	30	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán - Phòng nội khoa ngoại cấp cứu để bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bị chấn thương cột sống.	
3. THUỐC CHỐNG DỊCH VÀ DÙNG TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP QUẢ MÃN																		
93	94	Theleton	Alimentazin (dưới dạng Alimentazin tartrat)	5mg	Viên nén bao phim	Chai 500 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	5.000	60	315.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	1.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị theo đơn kê khai bệnh hoặc ghi	x
94	97	Canarino Sopharna 25mg	Cinarizin	25mg	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 50 viên, Hộp 2 vỉ x 30 viên, Hộp 4 vỉ x 30 viên	Nhóm 1	Sopharna AO	Bulgary	Viên	4.900	800	3.920.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI BẮC MIỀN TRUNG	1.471	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị theo đơn kê khai bệnh hoặc ghi	x
95	97	Cinnaron	Cinnarone	25mg	Viên nén	Hộp 04 vỉ x 30 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	15.000	40	600.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	4.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán điều trị theo đơn kê khai bệnh hoặc ghi	x

100

STT theo TT (1)	STT TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Những chỉ số quan trọng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng dự định mua (18)	Biên bản, ý kiến của Ủy ban BHYT (19)	Cấp phát (20)
96	98	Chlorpheniramine	(Chlorpheniramine hydrochloride)	Chlorpheniramine hydrochloride	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Hien Dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.663	1.025	2.729.575	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM META	708		x
97	101	Desferrioxal ODT 5	Desferrioxal	Desferrioxal	Uống	Viên nén phân tán trong nước	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Di Sơn	Việt Nam	Viên	5.000	1.260	6.300.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ERIC PHARM TÂN AN	1.500		x
98	101	Aerius	Desloratadine	Desloratadine	Uống	Siro	Hộp 1 chai 60ml kèm thìa dùng bằng nhựa 5ml	Nhiệm vụ 1	Cygnus Health Inc	Bỉ	Chai	1.200	78.980	94.680.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THANH BÌNH	360		x
99	101	Desera	Desloratadine	Desloratadine	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 3	Công ty Cổ phần Pharmaco Pharmacy	Việt Nam	Viên	30.000	1.500	45.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC PHẨM TÀI NGUYÊN	9.000		x
100	101	Aerius	Desloratadine	Desloratadine	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	BDC	Cygnus Health Inc	Bỉ	Viên	15.000	9.350	140.250.000	QB số 758/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÀI NGUYÊN	4.500		
101	101	DL-TP 0,5 mg/ml	Desferrioxal (0,075%)	Desferrioxal (0,075%)	Uống	Siro	Hộp 1 lọ x 45ml	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm SIDA Vietnam	Việt Nam	Lọ	2.000	29.560	80.015.200	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI GIAI THOẠI	614		x
102	103	Dipradoxol	Diphenhydramine hydrochloride	Diphenhydramine hydrochloride	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 100 mg x 1ml	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Thái	Việt Nam	Chai	1.186	770	891.180	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	-		
103	105	Madonalin longhai	Adrenaline	Longhai	Tiền	Dạng dịch thuốc tiêm	Hộp 30 mg x 1ml	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược Việt Nam Y tế Hải Dương	Việt Nam	Chai	8.000	1.100	8.800.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÀI NGUYÊN	2.400		
104	106	Danapha Tefedine	Desferrioxal hydrochloride	Desferrioxal hydrochloride	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Việt Nam	Viên	23.238	1.800	41.828.400	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	7.000		x
105	106	Desferrioxal 180	Desferrioxal hydrochloride	Desferrioxal hydrochloride	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Việt Nam	Viên	10.000	980	9.800.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	3.000		x
106	108	ACHTEL-10	Levetiracetam hydrochloride	Levetiracetam hydrochloride	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Việt Nam	Viên	278	2.990	831.230	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	83		
107	109	Chama	Lorazepam	Lorazepam	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 2	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT NAM	Việt Nam	Viên	7.388	194	1.433.460	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	2.316		x

STT (1)	STT thao TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Đang bảo chế (7)	Quy cách (8)	Nhân thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước củ (11)	Đơn vị đăng (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trưng thầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tổng cộng mua thêm (18)	Điều kiện, lệ phí thành toàn của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài trả (20)
108	109	SM-Lerostatin 10	Lerostatin	10mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 3 vi x 6 vi x 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Được phân HIA Tây	Viet Nam	Viên	3.000	860	4.260.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN VIBARCO	1.300		x
109	109	LORYTEC 10	Lorazepam	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 20 vi x 10 viên	Nhóm 1	Delorbin Pharmaceuticals Ltd	Áp	Viên	3.500	1.390	3.432.200	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TE KẾNH BẮN	1.170		x
110	109	Lerostad 10 Tab.	Lerostatin	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Liên Doanh Sialapham - Chi nhánh 1	Viet Nam	Viên	3.000	850	4.250.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN KHUÔNG DUY	1.500		x
111	112	Epelphon	Promethazine hydrochloride	50mg/2ml	Tiêm	Đang dịch nội	Hộp 100 ống x 2ml	Nhóm 1	Epil Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Ống	20	11.000	375.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN VIỆT HÀ	7		
4. THUỐC GIẢI ĐỘC VÀ CÁC THUỐC DÙNG TRONG TRƯỜNG HỢP NGỘ ĐỘC																			
112	114	Mucosacil	N-acetylcysteine	300mg	Tiêm	Đang dịch đông để tĩnh và khi đang	Hộp 10 ống x 2ml	Nhóm 1	Essei Pharmaceutical S.r.l.	Italy	Ống	8	42.000	336.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & ĐƯỢC PHÂN TÂM TOÀN PHÁT	2		
113	116	Grosypone 10%	Coler glucose	10%-10ml	Tiêm	Đang dịch tĩnh truyền	Hộp 10 ống x 10 ml	Nhóm 2	FARMAC JOINT STOCK COMPANY	Ukraine	Ống	3.100	32.500	28.550.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC SÀI GÒN	600		
114	131	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri bicarbonate	3,5g/250ml	Tiêm mạch đinh mạch	Đang dịch tĩnh truyền	Thùng 20 chai 250ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Pharmaceuticals Khai Việt Nam	Viet Nam	Chai	90	32.000	3.072.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN CÔNG SÁ	28		
115	131	NATRI BICARBONAT 1,4%	Natri bicarbonate	3,5g/250ml	Tiêm mạch đinh mạch	Đang dịch tĩnh truyền	Thùng 12 chai 500ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Pharmaceuticals Khai Việt Nam	Viet Nam	Chai	208	40.000	8.320.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN CÔNG SÁ	62		
116	134	Naradrenalin	Noradrenalin (hoặc đồng Noradrenalin tartrate)	1mg/1ml	Tiêm	Đang dịch tĩnh truyền	Hộp 5 vi x 10 ống x 1ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Được phân Việt Pháp	Viet Nam	Ống	401	3.170	1.271.170	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN VIỆT PHÚC	110		
117	134	Noradrenalin Base Aguestant 1mg/ml	Noradrenalin base (dạng đồng Noradrenalin tartrate)	1mg/1ml	Tiêm truyền	Đang dịch đông để tĩnh truyền đinh mạch sau khi phân liên	Hộp 2 vi x 5 ống x 4 ml, ống lấy tĩnh	Nhóm 1	Laboratoire Aguestant	Pháp	Ống	304	40.000	14.560.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	109		

11/10/2023

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Thang bậc chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định trong thảo (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, lệ lệ thanh toán của Quý BHYT (theo Thông tư 30/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
118	Phenylephrine Arginate 50 Microgrammes/ml	Phenylephrine (hoạt chất phenylephrine hydrochloride)	50mg/ml	Tiền	Thang bậc trên thang tiêm tĩnh mạch	Hộp 10 bơm tiêm 10ml x 10ml	Nhãn 1	Labonotec Argentina	Pháp	Bơm tiêm	250	104.500	44.075.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BÌNH DƯƠNG	105		
119	Vindolol 100 mg/ml	Serganides (hoạt chất Serganides 0,01%)	100mg/ml	Tiền	Thang bậc trên	Hộp 1 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phát	Viet Nam	Ong	432	1.570.000	678.240.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	129	Quý đơn vị vui lòng kiểm tra kỹ thông tin và hướng dẫn sử dụng của thuốc trước khi mua để tránh nhầm lẫn và đảm bảo an toàn cho người bệnh.	
5. THUỐC CHỐNG CƠ GIẬT, CHỐNG ĐỘNG KINH																		
120	Carbamazepin 200 mg	Carbamazepin	200 mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 lọ x 100 viên	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phát	Viet Nam	Viên	115	830	97.750	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	34		x
121	Topiramate CR 200	Carbamazepin	200mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhãn 4	Novartis Pharma S.p.A.	Viet Nam	Viên	1.000	2.694	2.694.000	798/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	300		x
122	SaVi Gabapentin 300	Gabapentin	300mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhãn 3	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phát	Viet Nam	Viên	7.000	785	5.495.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	2.100		x
123	Mexiprin 600	Gabapentin	600mg	Uống	Viên tròn	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phát	Viet Nam	Viên	2.000	2.490	4.980.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	600		x
124	Tekanol 300mg	Gabapentin	300mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhãn 1	Cedon Richter Pte.	Thụy Sĩ	Viên	400	5.000	2.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	150		
125	Gabapentin 400	Gabapentin	400mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhãn 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phát	Viet Nam	Viên	5.000	3.412	17.060.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	1.500		x

10/10/2025

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá cung cấp (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trúng thầu (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng trợ cấp mua sắm (18)	Điều kiện lệ lệ thành toàn của Quỹ BHYT theo Thông tư 30/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài trả (20)
126	149	Gabapentin 300	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 03 vỉ x 10 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Huan - Dermapharm	Việt Nam	Viên	233	2.795	706.625	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 08/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM VIỆT HÚC	75		
127	149	Gabapentin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 1000 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Được phẩm Khatib Huda	Việt Nam	Viên	10.000	349	3.490.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 08/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM KHÁNH HƯA	3.000		x
128	151	Marover	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Pharmathion S.A	Georgia	Viên	5.000	13.000	65.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUẬN MẠI ĐƯỢC PHẨM QUỐC TE HƯNG THANH	1.500	Chỉ bao gồm và danh sách mã định vào hàng để bán, hàng T, E và liên vận chuyển hàng để bán	
129	151	Levetiracetam 500	Levetiracetam	500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Doanh Sollapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	7.000	7.250	51.450.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM KHUÔNG HUY	2.100		x
130	152	Trileptal	Oxcarbazepine	600mg/ml	Uống	Nến dịch uống	Hộp 1 chai 100ml với 1 ống uống 1ml	Nhóm 1	Delpharm Hautecque SAS	Pháp	Chai	500	219.990	109.995.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIÊU TRUNG LƯƠNG 2	150		x
131	155	Beminar 40	Pregabalin	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CP (Được phẩm Savi)	Việt Nam	Viên	15.000	5.100	76.500.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM ĐƯỢC PHẨM VIỆT	4.300		x
132	155	Pro-Prepabalin	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Chai 100 viên; Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Pharmascience Inc.	Canada	Viên	11.501	2.688	31.214.888	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM ĐƯỢC PHẨM VIỆT			x
133	155	Baryce	Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 14 viên; hộp 4 vỉ x 14 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần Được phẩm Opt Vi Pharma	Việt Nam	Viên	11.501	638	7.337.638	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIỆT BI Y TẾ HOÀNG HƯC			x
134	157	Bepakine 200mg	Nam valproat	200mg	Uống	Viên nén không acid dễ chảy	Hộp 1 vỉ x 40 viên	Nhóm 1	Sasoli Avenia S.A	Tây Ban Nha	Viên	10.000	2.479	24.790.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIỆT BI Y TẾ HOÀNG HƯC	3.000		x
135	157	Dalckine 500	Nam valproat	500 mg	Uống	Viên nén bao phim lạt trong nước	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Được Dermapha	Việt Nam	Viên	5.000	2.380	11.900.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIỆT BI Y TẾ HOÀNG HƯC	1.500		x
6. THUỐC ĐIỀU TRỊ KÝ SINH TRÙNG, CHỐNG NHIỄM KHUẨN																			
6.1. Thuốc trị giun, sán																			
136	160	SaVi Albendazol 200	Albendazol	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 2 viên	Nhóm 2	Công ty CP ĐP Savi	Việt Nam	Viên	299	1.800	538.200	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM SÁVI	89		x

12

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/ thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Dạng dùng (6)	Dạng bao chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản súc (10)	Nước số (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tích (15)	Số quốc gia đăng nhập (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng mẫu được mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thành thời gian theo Thông tư 26/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát mẫu thử (20)
137	Salvaten 400	Alkylsulfate	400mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 1 viên	Nhiệm 2	Công ty CTEP SAVI	Vĩnh Nam	Vĩnh	1.275	5.138	4.314.750	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMASAVI	412		x
138	Docide	Paracetamol	600mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 1 vi x 4 viên	Nhiệm 4	Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoeng Dareco	Vĩnh Nam	Vĩnh	2.000	8.406	16.800.000	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM SHINPOENG DAEWON	600		x
139	Fabron 1g	Amoxicillin	1000mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 14 viên	Nhiệm 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbio	Vĩnh Nam	Vĩnh	6.500	3.300	21.450.000	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THUẬT MỸ TẾ BA NANG	1.950		x
140	Fabron 1000 DT	Amoxicillin	1000mg	Lỏng	Viên nén phân tán	Hộp 3 vi x 7 viên	Nhiệm 8	Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbio	Vĩnh Nam	Vĩnh	5.000	3.950	19.650.000	10/4/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH MỸ DƯỢC TRỊ TIN HÀ	1.500		x
141	Pravastatin 40mg	Amoxicillin	500mg	Lỏng	Viên nén chống chống	Hộp 100 vi x 10 viên	Nhiệm 1	S.C. Antibiotic S.A	Rotunda	Vĩnh	12.000	2.300	27.600.000	10/4/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH HÀNG PHARM AU CHAU	5.600		x
142	Amoxicillin 1000 mg (suspension)	Amoxicillin (dạng dung Amoxicillin trihydrate Acid Clavulanic (dạng dạng kết Clavulanat - Amoxicillin (1:1))	1000mg	Lỏng	Viên nén phân tán	Hộp 3 vi x 7 viên	Nhiệm 2	Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbio	Vĩnh Nam	Vĩnh	10.000	5.250	52.500.000	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMASAVI	5.000		x
143	Bisacodyl 500mg/5g, 5mg	Amoxicillin (dạng dung Amoxicillin trihydrate Acid Clavulanic (dạng dạng kết Clavulanat - Amoxicillin (1:1))	500mg + 62.5mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 7 viên	Nhiệm 2	Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbio	Vĩnh Nam	Vĩnh	14.000	8.025	113.950.000	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMASAVI	4.200		x
144	Bisacodyl 500mg/5g, 5mg	Amoxicillin (dạng dung Amoxicillin trihydrate Acid Clavulanic (dạng dạng kết Clavulanat - Amoxicillin (1:1))	500mg + 62.5mg	Lỏng	Viên nén phân tán	Hộp 3 vi x 7 viên	Nhiệm 2	Công ty Cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbio	Vĩnh Nam	Vĩnh	10.000	9.450	94.500.000	3/17/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMASAVI	3.000		x

Minh

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên chính phần của thuốc (4)	Năng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Biên kiện, tỷ lệ thành toàn của Quý BHYT theo Thông tư 36/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyệt trợ (20)
145	169	Biocenat SC 500mg/62,5mg	Amoxicillin + acid clavulanic	500mg + 62,5mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 1 túi nhỏ x 12 gói 1,2g	Nhóm 2	Chi nhánh công ty có phân dược phần IncoPharm Nha trung không ảnh cảng nghệ sao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	20.000	10.800	216.800.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM QIHO TE - WUSAKOM	6.000		x
146	169	Vigenin 500mg/62,5mg	Amoxicillin + acid clavulanic	500mg + 62,5 mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 2g	Nhóm 3	Công ty có phân dược phần Trung ương 1 - Pharbac	Việt Nam	Gói	15.000	3.423	51.345.000	QĐ số 217/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TSHH MTV DƯỢC TRÍ TÊN HAI	4.500		x
147	169	Curam 625mg	Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat 500mg; Acid clavulanic (dạng đơn Kali) clavulanat) 125mg	500mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 25 vi x 6 viên	Nhóm 1	Sandoz GmbH	Áo	Viên	50.500	3.948	199.764.852	QĐ số 80/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2			x
148	169	Inofor 500/125mg	Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat competed + Acid clavulanic (dạng đơn) Kali clavulanat-Axiol (1:1)	500mg + 125mg	Uống	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Hộp 12 gói x 1,6g	Nhóm 2	Chi nhánh công ty có phân dược phần IncoPharm Nha trung không ảnh cảng nghệ sao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Gói	45.000	9.600	423.000.000	QĐ số 1078/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ĐÔNG DUONG	13.500		x
149	169	Kaact 625	Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat; Acid clavulanic (dạng đơn Clavulanat kali)	500mg; 125mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 3 vi x 3 viên	Nhóm 2	Aurobindo Pharma Limited	Ấn Độ	Viên	57.499	3.000	172.497.000	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG CODUPHA			x
150	169	Vigenin 500/125 DT	Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat + Acid clavulanic (dạng đơn Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể n tỷ 0:1)	500mg + 125mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 2 vi x 7 viên	Nhóm 4	Công ty có phân dược phần Trung ương 1 - Pharbac	Việt Nam	Viên	100.000	8.678	867.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC VÀ PHAT TRIỂN TÂY AU	20.000		x
151	169	Bia-Mesia 1000mg/62,5mg	Acid Clavulanic (dạng đơn Kali clavulanat + cellulose vi tinh thể tỷ 1:1) 62,5mg; Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat; 1000mg	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 3 vi x 7 viên	Nhóm 4	Công ty có phân dược phần Trung ương 1 - Pharbac	Việt Nam	Viên	13.337	15.000	212.058.300	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TSHH DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG	4.001		x
152	169	Curam 1000mg	Amoxicillin (dạng đơn) Amoxicillin trihydrat 1000mg; Acid clavulanic (dạng đơn) Kali clavulanat 169mg 125mg	875mg + 125mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 10 vi x 3 viên	Nhóm 1	Sandoz GmbH	Áo	Viên	89.700	5.966	533.356.200	QĐ số 95/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRUNG ƯƠNG 2			x

10/10

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên danh phần của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (3)	Buồng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm định (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị sinh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong năm (VNĐ) (14)	Tính toán (15)	Số quốc gia trung tâm (16)	Tên chủ đầu tư (17)	Số lượng tổng cộng mua sắm (18)	Biên bản, lý do thành lập của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát mẫu thuốc (20)
153	660 Cephus Clue 875 mg/25 mg (1:1)	Amoxicillin (hoạt động Amoxicillin trihydrate compared); Acid Clavulanic (hoạt động bên Clavulanic - Avicel (1:1))	875mg ; 125mg	Lưỡi	Viên tròn bạc phân	Hộp 2 vỉ x 7 viên	Nhiệm 1	Chai nhựa cứng ly có phân được phân Incaplan Nha mỹ sang sản viên ứng dụng Vinh Lộc	Việt Nam	viên	28.148	5.230	150.977.000	QB số 97/QĐ- TTM6 ngày 12/12/2014	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG			x
154	660 Zerobit 1086	Amoxicillin (hoạt động Amoxicillin trihydrate) 875mg; Acid Clavulanic (hoạt động Clavulanic bên 125mg)	875mg + 125mg	Uống	Bột phân bạc phân	Hộp 14 gói x 2g	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân thị trường	Việt Nam	Gói	20.000	9.000	180.000.000	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	6.000		x
155	660 Clavulanic 1,2g	Amoxicillin (hoạt động Amoxicillin trihydrate); Acid Clavulanic (hoạt động bên Clavulanic)	1g + 0,2g	Tiền	Thuốc bột phân viên	Hộp 10 gói x 1,2g	Nhiệm 2	Chai nhựa 3 - Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	2.000	38.994	71.988.000	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	600		
156	172 Amoxicillin/Sulfam m 1,5 g	Amoxicillin + sulfamuron	1g + 0,5g	Tiền	Thuốc bột phân viên bên Dược	Hộp 01 gói x 1,5g; Hộp 10 gói x 1,5g	Nhiệm 1	Chai nhựa 3 - Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	10.081	57.900	590.028.900	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TRADING DƯỢC TÀI HAI	3.037		
157	172 Nerayon 1,5g	Amoxicillin + sulfamuron	1g + 0,5g	Tiền	Thuốc bột phân viên	Hộp 1 gói x 10 g	Nhiệm 2	Chai nhựa 3 - Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	3.000	40.000	140.000.000	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	1.038		
158	172 Nerayon 750	Amoxicillin + sulfamuron	500mg + 250mg	Tiền	Thuốc bột phân viên	Hộp 10 gói	Nhiệm 1	Chai nhựa 3 - Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	768	29.980	23.029.784	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	218		
159	172 Biposon 750	Amoxicillin (hoạt động Amoxicillin trihydrate) Sulfamuron (hoạt động bên Sulfamuron trihydrate)	500mg + 250mg	Tiền	Bột phân bạc phân	Hộp 10 gói	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	1.300	19.887	25.853.100	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	599		
160	172 Biposon 2g	Amoxicillin (hoạt động Amoxicillin trihydrate) Sulfamuron (hoạt động bên Sulfamuron trihydrate)	2g + 1g	Tiền	Bột phân bạc phân	Hộp 1 gói	Nhiệm 4	Công ty cổ phần được phân bên Dược	Việt Nam	Lô	8.000	51.994	415.968.000	QB số 317/QĐ-S/TT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM ĐẠI PHƯƠNG	2.400		

100%

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nặng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trung bình (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng mua thêm (18)	Đánh giá, ý kiến của Quý BHYT theo Thông tư 36/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
161	175	Medley	Cefalexin (dạng dung Cefalexin monohydrate)	375mg	Uống	Viên nén bảo quản gói phồng chân	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Medip	Việt Nam	Viên	7.000	9.900	69.300.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDIP	2.100		x
162	177	Prinolexin	Cefalexin	250mg	Uống	Bột pha nước uống	Hộp 10 gói x 1,5g	Nhóm 3	Công ty cổ phần được phân Trung ương 1 - Pharface	Việt Nam	Gai	5.000	2.750	13.625.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TINH MIỆU ĐƯỢC TRÍ TIN HAI	1.500		x
163	177	Cefanew	Cefalexin (dạng dung Cefalexin monohydrate)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	S.C. Antibiotica S.A.	Romania	Viên	11.501	2.795	32.145.295	317/QĐ-SYT ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHARM TV PHARM			x
164	177	Cephalexin PMP 500	Cephalexin (dạng dung Cephalexin monohydrate)	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần Pyrroplasco	Việt Nam	Viên	11.501	1.350	15.526.350	317/QĐ-SYT ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC TRÍ TIN HAI			x
165	177	Prinolexin 500	Cefalexin	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần được phân Trung ương 1 - Pharface	Việt Nam	Viên	7.000	2.700	18.900.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TINH MIỆU ĐƯỢC TRÍ TIN HAI	2.100		x
166	177	SM Cephalexin 500	Cefalexin	500mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần được phân Hui Tay	Việt Nam	Viên	30.000	2.040	58.800.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	6.000		x
167	178	Tenafarin 1000	Cefazolin	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty cổ phần được phân Tennayd	Việt Nam	Lọ	10.000	76.686	766.860.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC VAK	3.000		
168	178	Tenafarin 500	Cefazolin	500mg	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty Cổ phần được phân Tennayd	Việt Nam	Lọ	17.000	53.800	914.660.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	3.100		
169	179	Cefamandel 1g	Cefamandel (dạng dung Cefamandel natri)	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ x 1g; Hộp 10 lọ x 1g	Nhóm 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần được phân Incepheam tại Binh Dương	Việt Nam	Lọ	8.000	63.400	507.200.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHARM & THIET BỊ Y TẾ PHÚC LỘC	2.400		
170	179	Tenadar 2000	Cefamandel (dạng dung Cefamandel natri)	2g	Tiến	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty Cổ phần được phân Tennayd	Việt Nam	Lọ	5.100	120.000	612.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TINH THUẬN M&ĐƯỢC QUẢN TÂM TOÀN PHÁT	1.650		
171	179	Vicimandel 2g	Cefamandel (dạng dung hỗn hợp Cefamandel natri và natri carbonate với tỷ lệ 1:0,963)	2g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần được phân VCP	Việt Nam	Lọ	2.800	77.000	154.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TINH THUẬN M&ĐƯỢC PHARM QUỐC TẾ BÌNH THÀNH	600		

[Signature]

STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (6)	Đơn vị bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở (11)	Đơn vị (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định trong mẫu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng dự định mua thêm (18)	Điều kiện áp dụng mẫu của QCVN-BYT theo Thông tư 20/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
171	180	Cefazolin 2g	2g	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ x 2g	Nhóm 2	Chị em 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Interpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lô	7.000	57.880	265.923.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MẠI DƯỢC VIỆT PHARM PHARM	2.100		
172	180	Baniparin	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 1	Pharmaceutical Works PCL.PHARMA S.A.	Ba Lan	Lô	2.200	17.060	29.238.000	QĐ số 97/QĐ-TT&S ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIBIOMEX BÌNH DƯƠNG			
173	180	Cefazolin 1g	1000mg	Tiêm	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Chị em 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Interpharm tại Bình Dương	Việt Nam	Lô	5.731	17.212	99.636.075	QĐ số 97/QĐ-TT&S ngày 12/12/2024	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM BÌNH PHAM			
174	181	Ticagrelor 250 DT	250mg	Liều	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung Ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Viên	3.000	9.499	28.497.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BÌNH PHAM	900		
175	182	Minoxidil 1g	1000mg	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty cổ phần Dược phẩm Pyrexpharm	Việt Nam	Lô	1.152	26.383	30.333.216	QĐ số 87/QĐ-TT&S ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARM PHARM			
176	182	Amilorin 1g	2g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty TNHH Medpharm (Việt Nam)	Việt Nam	Lô	3.200	75.200	241.250.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.S.I VIỆT NAM	1.050		
177	182	Amilorin 1g	1g	Tiêm	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty TNHH Medpharm (Việt Nam)	Việt Nam	Lô	3.452	39.889	137.005.530	QĐ số 97/QĐ-TT&S ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.S.I VIỆT NAM			
178	183	Gaga 200	200mg	Liều	Còn ghi nhãn	Hộp 20 gói x 4g	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm M&D S&S	Việt Nam	Gói	10.000	4.100	41.000.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.S.I VIỆT NAM	3.096		

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên mã phân của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quỹ dự trữ thuốc (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng sử dụng mua thêm (18)	Điều kiện, cơ lý thanh t toán của Quý BHYT theo Thông tư 24/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn tài (20)
180	183	Inexime 200	Cefixim (dạng dạng cefixim trihydrat)	200mg	Lưỡi	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Incofarm tại Binh Dương	Việt Nam	Viên	25.000	7.800	197.250.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNIH THƯỜNG MẠI ĐƯỢC PHARM THANH ĐINH	7.500	x	
181	183	IME-BIXX 200	Cefixim (dạng dạng Cefixim trihydrat)	200mg	Lưỡi	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Incofarm tại Binh Dương	Việt Nam	Viên	2.926	15.400	45.122.400	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNIH ĐƯỢC PHARM HUY THINH	886	x	
182	183	Paridanet 1g	Cefoperazon	1g	Tiến	Bột pha nước	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty TNHH Medchemie (Việt Nam)	Việt Nam	Lọ	3.302	93.500	108.457.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.130		
183	185	Cefoperazone 1g	Cefoperazon	1g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	Nhóm 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Incofarm tại Binh Dương	Việt Nam	Lọ	5.000	42.000	210.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM	1.300		
184	185	Biogecoon 2g	Cefoperazon (dạng dạng Cefoperazon natri)	2g	Tiến	Bột pha nước	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Binhphat)	Việt Nam	Lọ	5.000	99.997	300.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDPHARM)	1.200		
185	186	Besalis 0,25g/0,25g	Cefoperazon (dạng dạng hỗn hợp bột và thuốc cefoperazon natri và sulbactam natri tỷ lệ (1:1); Sulbactam (dạng dạng hỗn hợp bột và khối cefoperazon natri và sulbactam natri tỷ lệ (1:1))	0,25g/ 0,25g	Tiến	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần Dược phẩm Incofarm tại Binh Dương	Việt Nam	Lọ	5.000	37.000	185.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNIH THƯỜNG MẠI ĐƯỢC PHARM HANG HUY	1.500		
186	186	Vibranet 1g/0,5g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 0,5g	Tiến tiêm truyền mạch	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	5.000	42.000	210.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNIH ĐƯỢC PHARM SALUD	1.500		
187	186	Budlan 2g	Cefoperazon + sulbactam	1g + 1g	Tiến	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ, Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Cơ sở nhân gia nhung Công ty TNIH Medchemie (Việt Nam)	Việt Nam	Lọ	10.000	184.000	1.840.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNIH ĐƯỢC PHARM ANH NGUYỄN ĐỨC	3.000		

187

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở (11)	Form (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc gia (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng sử dụng (18)	Mã hiệu, G-1 hoặc mã của Quỹ BHYT theo TT-BYT 2002/TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
186	Cefixim	Cefixim (dạng dung dịch)	1g	Tiêm, Uống	Thuốc tiêm bột	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Chi nhánh công ty cổ phần dược ương, Vialpha Bình Dương	Việt Nam	L.O	900	5.174	4.611.600	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIOPIHA	370		
187	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	688	11.261	7.816.368	QB số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG			
188	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	2.100	11.261	26.139.300	QB số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG			
189	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	2.100	6.997	16.083.960	QB số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG			
190	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	808	24.675	19.977.480	QB số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG			
191	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	16.132	60.000	979.920.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	4.899		
192	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	12.000	99.758	1.197.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	3.600		
193	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	7.000	728.000	5.096.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	2.100		
194	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	10.000	88.000	880.000.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	3.000		
195	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	13.416	111.800	1.514.281.200	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	4.098		
196	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	10.000	48.500	485.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	3.000		
197	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	10.000	48.500	485.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	3.000		
198	Tenaxyl-Cefixime 1000	Cefixim (dạng dung dịch)	1000mg	Tiêm, Uống	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Tenaxyl	Việt Nam	L.O	10.000	48.500	485.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC NGHIỆP TRUNG ƯƠNG	3.000		

STT theo TT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị định (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung tâm (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trung tâm (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 28/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
199	189	Cefadroxil 2g	Cefadroxil (dạng dạng cefadroxil sodium) 2g	2g	Tiền, Tĩnh truyền	Thuốc bột phủ tẩm	Hộp 1 lọ, 10 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Hóa - Dược pharm Mekophar	Việt Nam	Lọ	11.000	88.000	1.050.000.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3	2.600		
200	189	Foracort 1000	Cefadroxil sodium vô khuẩn mang đường với cefadroxil 1g	1g	Tiền/ Truyền	Bột phủ tẩm	Hộp 1 lọ	Nhóm 2	Zenex Pharma Ltd.	India	Lọ	20.000	54.890	1.097.800.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC PHARM TÂM PHÚC	6.000		
201	196	Zinbeca 10g	Cefprozime (dạng dạng Cefprozime sodium)	1g	Tiền	Bột phủ tẩm	Hộp 1 lọ x 60ml	Nhóm 2	Hankook Korea Pharm. Co., Ltd.	Korea	Lọ	10.000	128.982	1.289.820.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM QUỖC	3.000	Quý bao gồm y tế thanh toán ưu tiên việc cung cấp thuốc hàng L. E. Số hóa việc chuyển lưu lưu và bảo quản.	
202	191	Cefadroxil 100mg/5ml	Cefprozime	100mg/5ml, 60ml	Lồng	Bột phủ tẩm	Hộp 1 lọ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Minh Đức	Việt Nam	Lọ	7.000	55.000	371.800.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM MINH ĐỨC	2.100		3
203	191	Cepaxitil 100	Cefprozime (dạng dạng Cefprozime sodium)	100mg	Lồng	Viên nén bào phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty cổ phần Pynsopharm	Việt Nam	Viên	5.000	6.290	31.450.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC MỸ PHARM THANH BINH	1.500		3
204	191	Cepaxitil 200	Cefprozime (dạng dạng Cefprozime sodium)	200mg	Lồng	Viên nén bào phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty cổ phần Pynsopharm	Việt Nam	Viên	7.000	10.500	73.500.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MAI DƯỢC MỸ PHARM THANH BINH	2.100		
205	191	Cebex	Cefprozime (dạng dạng Cefprozime sodium)	100mg/2g	Lồng	Cốm phủ hạt định dạng	Hộp 20 gói x 1g	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Menpar	Việt Nam	Gói	5.000	7.820	39.250.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MENPAR	1.500		3
206	191	Cebex	Cefprozime (dạng dạng Cefprozime sodium)	200mg	Lồng	Viên nén bào phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Menpar	Việt Nam	Viên	2.000	8.000	22.160.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MENPAR	700		3
207	193	Cenachit 1g	Cefazolin	1g	Tiền, Tĩnh truyền	Bột phủ tẩm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trang Ưng 1 - Pharisco	Việt Nam	Lọ	14.096	9.500	142.462.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG 1 - PHARISCO	4.496		
208	193	Cefazolin 1000	Cefazolin	1g	Tiền	Thuốc bột phủ tẩm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tonacryd	Việt Nam	Lọ	11.500	14.763	169.774.500	QĐ số 83/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG CNGI			
209	193	Tenampid- Cefazolin 1000	Cefazolin (dạng dạng Cefazolin pentahydrate)	1000mg	Tiền/ truyền	Thuốc bột phủ tẩm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Tonacryd	Việt Nam	Chai/Lọ	20.760	19.488	405.401.600	QĐ số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TENAMPID			

Handwritten signature

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiên thước (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở hữu (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc gia sở hữu (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng mua theo (18)	Biên bản, lý do thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn (20)
210	210 Zarbetin	Cefazolin (dạng dung serfinin penicillin) : Axiacem (dạng dung axeticum sodium)	2g 0,5g	Tam ngày đến một lần một ngày	Bột pha dùng dịch đơn độc để pha dung dịch tiêm mạch	Hộp 10 lọ	Nhiên 1	CSSN: ACS Dobler S.P.A. CS Tròn bát trong gần ACS Dobler S.P.A	CSSN: V CS Tròn bát trong gần V	Lọ	5.000	2.772.000	13.860.000.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC LHAI TRUONG CÔNG 2	1.500	Quý báo bệnh lý là thuốc của bệnh viện BHYT-CO-ĐO bệnh viện BHYT-CO-ĐO COVID-19 của BHYT-CO	
211	211 Cefazolin 2g	Cefazolin	2g	Tam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiên 4	Công Ty CPDP Mithi Data	Việt Nam	Lọ	10.000	81.000	810.000.000	15/7/2025	CÔNG TY THUONG MITHI DATA	1.000		
212	212 Cefazolin 1g	Cefazolin	1g	Tam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ 10 lọ	Nhiên 2	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần được phân bố Durgam	Việt Nam	Lọ	3.500	64.300	230.700.000	66/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN THUONG MITHI DATA VITE	1.076		
213	213 Cefazolin 1000	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	1000mg	Tam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiên 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	5.981	9.534	55.706.844	11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
214	214 Cefazolin 2000	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	2000 mg	Tam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiên 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	8.254	37.900	312.826.600	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
215	215 Medoveral 1g	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	1g	Tam	Bột pha pha tiêm	Hộp 1 lọ 10 lọ	Nhiên 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	14.053	9.370	129.472.800	11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
216	216 Medoveral 2g	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	2g	Tam	Bột pha pha tiêm	Hộp 1 lọ 10 lọ	Nhiên 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	14.053	9.370	129.472.800	11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
217	217 Medoveral 100mg	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	100mg	Tam	Bột pha pha tiêm	Hộp 1 lọ 10 lọ	Nhiên 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	14.053	9.370	129.472.800	11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
218	218 Zarbetin	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	2g 0,5g	Tam ngày đến một lần một ngày	Bột pha pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiên 1	CSSN: ACS Dobler S.P.A.	Việt Nam	Lọ	5.000	42.210	42.210.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC LHAI TRUONG CÔNG 2	500		
219	219 Cefazolin 1000	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	1000mg	Tam	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiên 1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Teanand	Việt Nam	Lọ	5.981	9.534	55.706.844	11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC MITHI DATA VITE	2.476		
220	220 Oramox 1,2g	Cefazolin (dạng dung serfinin) Cefazolin (dạng dung serfinin)	1200mg	Tam	Bột pha pha tiêm	Hộp 1 lọ 10 lọ	Nhiên 2	Công ty TNHH Medochemie (Việt Nam)	Việt Nam	Lọ	1.151	14.800	17.014.800	11/02/2025	CÔNG TY THUONG MITHI DATA VITE	2.476		

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá mua vào (VNĐ) (14)	Thành giá (15)	Số Quốc định trung đầu (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chế mua đầu (18)	Biên bản, tỷ lệ thành toàn của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn từ (20)
221	200	Cloxacillin 2g	Cloxacillin (dạng dạng (Cloxacillin natri))	2g	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm VCP	Viet Nam	Lọ	3.000	72.000	340.000.000	31/7/2025	CÔNG TY TNHH BAO AN PHARMIA	1.200		
222	201	Daptapen 400	Daptapen (dạng dạng Daptapen monohydrat)	500mg	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Viet Nam	Lọ	828	615.000	509.210.000	31/7/2025	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	348		
223	203	Viciniastatin	Hỗn hợp Imipenem monohydrat, Cilastatin natri và axit bicarbonat theo tỷ lệ 1:1:0,04 sử dụng đường uống; Imipenem + Cilastatin 750mg + 750mg	750mg + 750mg	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Viet Nam	Lọ	3.078	197.500	606.325.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3	921	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
224	203	Bidnam	Imipenem (dạng dạng imipenem monohydrat) + Cilastatin (dạng dạng cilastatin natri)	500mg + 500mg	Tiền, Tiền truyền	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Thịnh (Binhphat)	Viet Nam	Lọ	3.781	47.701	131.794.087	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH THỊNH (BIDPHAT)	806	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
225	203	BACQURE 500MG	Imipenem 500mg, Cilastatin (dạng dạng cilastatin natri) 500mg	500mg + 500mg	Tiền truyền đinh mạch	Bột pha tiêm	Hộp 1 lọ 30ml	Nhóm 2	Sun Pharmaceutical Industries Limited	India	Lọ	2.300	53.000	121.900.000	12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI		Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
226	204	Meropenem/ Anfarm	Meropenem (dạng dạng Meropenem trihydrat)	500mg	Tiền truyền	Bột pha tiêm truyền	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Anfarm Indus S.A.	Hu Lạp	Lọ	2.452	38.000	131.176.800	12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM VIPHARCO		Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
227	204	Meropenem/ Anfarm	Meropenem (dạng dạng Meropenem trihydrat)	500mg	Tiền truyền	Bột pha tiêm truyền	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Anfarm Indus S.A.	Hu Lạp	Lọ	2.300	38.000	87.400.000	12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM VIPHARCO		Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
228	204	Meropenem 0,5g	Meropenem (dạng meropenem trihydrat)	0,5g	Tiền	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty CPDP Minh Dân	Viet Nam	Lọ	624	14.420	8.398.080	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM MINH DÂN	187	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
229	204	Meravia	Meropenem	1000mg	Tiền	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Remedia S.A.	Hu Lạp	Lọ	3.912	37.750	125.918.600	12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM THẾ GIỚI MÔI		Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	
230	204	Meravia	Meropenem	1000mg	Tiền	Bột pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Remedia S.A.	Hu Lạp	Lọ	2.380	57.750	133.825.800	12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM THẾ GIỚI MÔI		Quỹ bảo hiểm y tế thành phố tự thanh toán hàng đặc biệt, hàng 1, 11, bệnh viện chuyên khoa tim và bệnh phổi.	

10

STT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Mỗi ô, đơn lượng (5)	Đơn vị đong (6)	Đơn vị đong (7)	Quy cách (8)	Nhiệm lệnh (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nhà sản xuất (11)	Đơn vị sản dịch (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quy định trung bình (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện tự ý thành sản của Quý BHYT theo Thông tư 28/2017/TT-BYT (19)	Cấp phát ngay từ (20)
231	204	Meperidine 1g	Meperidine*	1000mg	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trang Long - Pharmico	Viet Nam	Lg	8.000	21.800	168.000.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG PHARMICO	2.400		
232	205	Oxacillin 1g	Oxacillin	1g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 2	Chai nhựa 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Interpharm tại Hà Nội	Viet Nam	Lg	3.900	45.000	157.500.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.050		
233	205	Oxacillin	Oxacillin (dạng dung dịch tiêm)	1g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 1	S.C. Antibiotics S.A.	Rumani	Lg	2.000	72.000	144.000.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	600		
234	205	Oxacillin 2g	Oxacillin (dạng dung dịch tiêm)	2g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm VCP	Viet Nam	Lg	5.000	59.000	295.000.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.500		
235	206	Piperacilin 1g	Piperacilin (dạng dung dịch tiêm)	1g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 4	Công ty CPDP Mạnh Dân	Viet Nam	Lg	5.000	52.731	263.655.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.500		
236	207	Piperacilin/Tazobactam Kabi 2g0,25g	Piperacilin (dạng dung dịch tiêm) + Tazobactam (dạng dung dịch tiêm)	2g + 0,25g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 2	CSSN, Laboratoire Laboratoire Alpharma, S.A. CSTO Pharmaceuticals Ipstein S.r.l	CSSN, Bp Droghda, S.A. CSTO CSTO - Y	Lg	780	60.780	47.408.400	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	234		
237	207	Tazobactam 4,5g	Tazobactam (dạng dung dịch tiêm)	4g + 0,5g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Long - y tế Hà Nội (Hàng)	Viet Nam	Lg	3.500	56.700	198.450.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.050		
238	207	Tazobactam 4,5g	Tazobactam (dạng dung dịch tiêm) + Tazobactam (dạng dung dịch tiêm)	2g + 0,25g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Long - y tế Hà Nội (Hàng)	Viet Nam	Lg	5.000	84.987	424.925.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.500		
239	210	Sulbactam 750mg	Sulbactam (dạng dung dịch tiêm)	750mg	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 2	Amulya Kanya Sulbactam Ve Tazobactam A.S	Viet Nam	Lg	10.000	26.000	260.000.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	3.000		
240	211	Ticarcillin 1,6 g	Ticarcillin + acid clavulanic (dạng dung dịch tiêm) + Ticarcillin dạng tiêm + Clavulanic acid	1,2g + 0,4g	Tiền	Tiền	Thuốc bột pha tiêm	Nhiệm 2	Công ty cổ phần Dược phẩm Interpharm tại Hà Nội	Viet Nam	Lg	5.000	104.500	522.500.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRANG LONG TE - WISSACOM	1.500		

STT theo TT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nặng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trúng thầu (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trúng thầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 30/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngược trả (20)
241	211	Vicfrait	Ticarcillin + acid clavulanic	3g + 0,1g	Truyền tĩnh mạch	Thuốc bột pha tiêm	Hộp 01 lọ; Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm VCP	Việt Nam	Lọ	3.500	98.000	343.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN TẬP DOANH NGHIỆP	1.000	Quý học bệnh viện được mua tại bệnh viện hoặc trung tâm y tế, bệnh viện chuyên khoa và bệnh viện	
6.2.2. Thuốc nhóm aminoglycosid																			
242	222	Hamobacin 1000	Amikacin	1g/1ml	Tiêm	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 4ml	Nhóm 4	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Mediac Pharma Italy	Việt Nam	Ống	500	36.900	18.450.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN APP GIA VIỆT	100		
243	212	A.T Amikacin 500 mg/100 ml	Amikacin (dạng dung dịch) Amikacin sulfate	500mg/100ml	Tiêm truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ x 100ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thái	Việt Nam	Lọ	1.120	21.000	23.520.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THUỐC PHÂN TẬP ATPHARM	200		
244	212	Amikac	Amikacin (dạng dung dịch) Amikacin sulphate	500mg/2ml	Tiêm	Dạng dịch tiêm	Hộp 1 lọ 2ml	Nhóm 1	Anfarm Health S.A	Hà Nội	Lọ	920	23.500	21.620.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC PHÂN TẬP PHARM MEZA	220		
245	213	GENTAMICIN KABI 40MG/ML	Gentamicin (dạng dung dịch) gentamicin sulfate	40mg/1ml	Tiêm tiêm tĩnh mạch - Tiêm bắp	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Frontier Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ống	9.000	1.900	16.200.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	2.700		
246	213	Gentamicin 80mg	Gentamicin (dạng dung dịch) Gentamicin sulfate	80mg/2ml	Tiêm	Dạng dịch tiêm	Hộp 50 ống x 2ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược liệu y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	8.474	1.018	8.585.812	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THUẬT H V TẾ HAI DUONG	2.470		
247	216	Maxitrol	Dexamethasone + Neomycin sulfate + Polymyxin B sulfate	1mg + 3500IU + 60000IU/gram	Tra mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 1 hộp 2,5g	Nhiệt 1	Sa Akorn-Cosmetic NV	Bh	Tuýp	100	31.500	3.150.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THUẬT H V TẾ BÀ NANG	30		x
248	216	Mapoly	Một loại chẹn dòng deacetylase (dạng deacetylase natri phosphate) Neomycin (dạng dung dịch) Neomycin sulfate Polymyxin B sulfate	(10mg, 35mg, 100.000IU) 10 ml	Nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai	Dạng dịch nhỏ mắt, nhỏ mũi, nhỏ tai	Hộp 1 lọ 10ml	Nhiệt 4	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merg	Việt Nam	Lọ	892	37.000	33.004.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP DOANH NGHIỆP	207		x
249	216	Scoff	Một loại chẹn dòng deacetylase (dạng deacetylase natri phosphate) Neomycin (dạng dung dịch) Neomycin sulfate Polymyxin B sulfate	(1mg, 3.500IU, 6.000IU)/ml, Lọ 10ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 10ml	Nhiệt 4	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Merg	Việt Nam	Lọ	2.100	36.500	73.950.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP DOANH NGHIỆP	400		x

Handwritten signature

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên loại chủ/Thuận phân của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (3)	Buồng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Vấn an sử dụng (10)	Mẫu số (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số ngày dùng thử (16)	Tra cứu nhà (17)	Số lượng mua thêm (18)	Phiên bản của Quy BHYT theo Thông tư 2008/2017-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
250	218 A.T Tobramycin inj	Tobramycin	300mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2 ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Cmg	5.000	3.000	15.000.000	31/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM AN THIÊN	1.000		
251	218 Tobrex	Tobramycin	3mg/ml	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 3ml	BDQ	S.A. Alcon - Courmayeur N.V	Bh	Lọ	2.117	30.999	60.477.763	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	671		X
252	218 Tobramycin 0,3%	Tobramycin (dạng Tobramycin sulfate)	15mg/1ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Hộp 20 lọ x 3ml	Nhiệm 4	Công ty CPDP Miền Bắc	Việt Nam	Lọ	2.000	2.700	5.400.000	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MIỀN BẮC	600		X
253	219 Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(Cmg + mg)/1ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhiệm 1	S.A. Alcon - Courmayeur N.V	Bh	Lọ	1.127	47.500	53.307.100	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	338		X
254	219 Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(Cmg + mg)/1ml	Nhỏ mắt	Hỗn dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 3ml	BDQ	S.A. Alcon - Courmayeur N.V	Bh	Lọ	2.000	47.200	94.400.000	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	600		X
255	219 Tobradex	Tobramycin + Dexamethasone	(Cmg + mg)/gram	Tra mắt	Nội nhãn	Hộp 1 hộp 3,5g	BDQ	S.A. Alcon - Courmayeur N.V	Bh	Tổng	305	52.300	5.491.300	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	31		
6.2.4. Thuốc nhóm Nitroimidazole																		
256	221 Metronidazole 250	Metronidazole	250mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	CITCP Dược Hữu Công - Công ty nhà máy DP DADI tại tỉnh Quảng	Việt Nam	Viên	40.000	352	10.080.000	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HỮU CÔNG	12.000		X
257	221 Metronidazole 0,5g/100ml	Metronidazole	500mg/100ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 bu 100ml	Nhiệm 4	Công ty TNHH DP Albion	Việt Nam	Tu	324	5.734	1.844.296	31/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THIỆN THẠNH	97		
258	221 Tinidazole	Metronidazole	500mg/100ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 bu 100ml	Nhiệm 1	Pharmaceutical Works Polpharm S.A	Bh	Tu	13.000	16.020	200.260.000	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	4.500		
259	224 Tinidazole	Tinidazole	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khuê Hào	Việt Nam	Viên	791	490	3.904.900	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	227		
260	224 Tinidazole	Tinidazole	500mg/100ml	Tiền	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Tương 18 ống x 100ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Thương mại Biotech (Hải Phòng)	Việt Nam	Cmg	2.000	14.091	28.182.000	31/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ DA NANG	600		

Handwritten signature

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng tuy chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tự lệ thành tên của QCV BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
6.2.5. Thuốc nhóm Lincosamid																			
261	225	Hyvaga 300 mg	Clinamycin (dạng dạng Clinamycin HCl)	300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Viên	500	1.288	644.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIÊN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	150		X
262	225	Clinamycin- Biosels (Slongid)	Clinamycin (dạng dạng Clinamycin phosphate)	300mg/2ml	Tiền bắp hoặc nguyên tinh nước sau khi pha loãng	Dạng dịch tinh bột, tinh nước sau khi pha loãng	Hộp 10 ống x 2 ml	Nhóm 1	Stegfried Starrels GmbH	Germany	Ống	1.100	49.000	53.900.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIÊN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	390		
263	225	Pullgram Injection (600mg/4ml)	Mỗi ống 4ml chứa: Cefazolin (dạng dạng Cefazolin sodium) 600mg	600mg	Tiền	Dạng dịch tinh bột	Hộp 10 ống x 4ml	Nhóm 2	Santen Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Ống	2.000	75.950	147.900.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIÊN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	600		
6.2.6. Thuốc nhóm Macrolid																			
264	226	Amibig	Amikacin	500mg	Uống	Viên nang bào phân	Hộp 1 vỉ x 3 viên	Nhóm 1	Sofarines - Industria Química e Farmacéutica, S.A. (Fab.)	Portugal	Viên	5.000	53.500	267.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIÊN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	1.500		
265	226	Arcine	Amikacin (dạng dạng amikacin dihydrate)	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 6 viên, Hộp 10 viên x 6 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Lien Doan Sedapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000	3.400	18.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	1.500		X
266	226	Zinon	Amikacin (dạng dạng amikacin dihydrate) TM parolite 7,5% (w/v)	300mg	Uống	Bột phân bột dạng bột dạng bột	Hộp 1 vỉ x 14 viên, Hộp 10 viên x 14 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Phước	Việt Nam	Lo	100	166.000	16.600.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIÊN ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	30		X
267	227	Klacid Forte	Clarithromycin	300mg	Uống	Viên nang bào phân	1 vỉ x 14 viên, Hộp 1 viên x 14 viên	BDG	Abbvie S.r.l	Ý	Viên	1.000	35.526	35.526.000	QĐ số 738/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM ĐƯỢC LIÊN TRUNG UONG 2	300		
268	227	Klacid MR	Clarithromycin	300mg	Uống	Viên nang giải phóng bào phân	Hộp 1 vỉ x 5 viên	BDG	Abbvie S.r.l	Ý	Viên	322	36.375	18.987.750	QĐ số 738/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM ĐƯỢC LIÊN TRUNG UONG 2	156		

1/10

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên loại chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Năng lực bán hàng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị kinh doanh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong nước (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trong nước (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng dự trữ theo Thông tư 20/2012/TT-BYT (18)	Giá trị, tỷ lệ danh mục (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
209	Crocin	Chlorthalidon	500mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	S.C. Antibiotic S.A.	Romania	Viên	11.500	8.200	95.450.000	QĐ số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2014	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THU ANH			x
210	Clabact 500	Clarithromycin	500mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 2	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	4.400	3.745	17.227.000	QĐ số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2014	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THU ANH			x
211	AGI-EKY 500	Erythromycin	500mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 6 vỉ, 10 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 4	CN DP CPDP Agnecpharm - Nhà máy SX DP Agnecpharm	Việt Nam	Viên	467	1.150	531.300	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2015	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGNEXPHARM			x
212	Rodogyl	Spiramycin + neotriminol	0,35x100 + 125mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 1	Sandoz S.R.L. (S.P.A.)	Italy	Viên	10.000	6.400	64.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUONG CODIPHA			x
213	Zalacel/DHC	Spiramycin + Metronidazol	750.000 IU + 125mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 2	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	Viên	25.979	1.400	36.370.600	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUONG CODIPHA			x
6.2.7. Thuốc nhóm Quinolone																		
214	Ciprofloxacin 300mg/100ml	Ciprofloxacin (dạng dung Ciprofloxacin HCl)	200mg/100ml	Tiền tiêm	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Túi 100ml	Nhóm 4	Công Ty TNHH DP Almond	Việt Nam	Túi	33.000	9.360	309.078.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2015	CÔNG TY TRACHINORM HOUHAN DUC PHAM THIEN THANH HOA			x
215	Ciprofloxacin	Ciprofloxacin (dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	500mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 2	Công ty cổ phần Dược phẩm Kibon Hien	Việt Nam	Viên	31.100	725	22.630.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANH HOA			x
216	Ciprofloxacin EG 500 mg	Ciprofloxacin (dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	500mg	Lịch	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 2	Nhà máy Sản Xuất Việt Nam	Việt Nam	Viên	11.301	717	8.246.217	QĐ số 52/QĐ-TTNS ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARM PHARMACIA			x
217	Ciprofloxacin Propharma	Ciprofloxacin (dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	400mg/200ml	Tiền tiêm	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 1	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Bulgaria	Túi	5.443	35.400	193.370.800	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THU ANH			x
218	Ciprofloxacin Polpharma	Ciprofloxacin (dạng Ciprofloxacin hydrochlorid)	400mg/200ml	Tiền tiêm	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 1 vỉ x 10 vỉ	Nhóm 2	Pharmaceutical Works Polpharma S.A.	Bulgaria	Túi	2.000	35.400	71.200.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THU ANH			x

Handwritten signature

SST	SST theo TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhiệm vụ thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Số Quy định riêng của Bộ Y tế	Tên nhà thầu	Số lượng tự chọn mua thêm	Biểu kiến, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	Cấp phát ngoài trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
219	233	Tamienet 300mg	Ceftriaxone hydrochloride (tương đương ceftriaxone) 300mg/50mg	300mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Medocharme (Việt Nam)	Viet Nam	Viên	18.401	2.995	78.590.095	QĐ số 32/QĐ-TTNS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHIA			x
280	214	Levofloxacin 750mg/150ml	Levofloxacin	750mg/150ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 5 túi, 10 túi nhón x 1 chai 150ml	Nhóm 2	Chi nhân công ty Cổ phần Dược phẩm Innochem - Nhà máy Công nghệ cao Bình Dương	Viet Nam	Chai	3.200	154.980	495.936.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/12/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NÂNG	960		
281	234	Phlovenex eye drops	Levofloxacin	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 2	Hanjin Pharm Co., Ltd	Hàn Quốc	Lọ	1.000	30.660	30.660.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NAM PHAT	300		x
282	214	Levofloxacin 750mg/150ml	Levofloxacin	750mg/150ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 01 vỉ x 150ml	Nhóm 4	Công ty CPDP Minh Đức	Viet Nam	Lọ	2.000	20.165	40.330.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH ĐỨC	600		
283	214	Quinier 500mg	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate 512mg)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Medocharme (Việt Nam)	Viet Nam	Viên	13.800	1.020	14.076.000	QĐ số 97/QĐ-TTNS ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT DƯỢC			x
284	234	Levofloxacin 500mg	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	500mg	Lỏng	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 60 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	23.400	314	16.422.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	6.900		x
285	214	Levofloxacin/cooper solution for infusion 500mg/100ml	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	500mg/100ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Chai 100ml	Nhóm 1	Cooper S.A. Pharmaceuticals	Hồ Lan	Chai	11.301	42.000	475.042.000	QĐ số 32/QĐ-TTNS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THẾ GỚI 301			
286	234	Goldquon 5 Mg/ml Injection	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	500mg	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Túi 100ml	Nhóm 2	IV Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi	2.199	40.000	91.960.000	QĐ số 32/QĐ-TTNS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DƯỢC PHẨM - VK PHARMA			
287	234	Medocanal 500mg	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate)	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Medocharme Ltd - central Factory	Cyprus	Viên	18.400	7.366	133.694.400	QĐ số 87/QĐ-TTNS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHIA			x
288	234	Letiflon	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate) 0,5% (w/v)	0,5%/5ml	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 1	Rosapharm Company S.R.L	Ruman	Lọ	3.000	84.000	168.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/12/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ĐẠI BẮC MIỀN TRUNG	600		x
289	234	Vialero Pas	Levofloxacin (dạng Levofloxacin hemihydrate 512,40mg)	500mg/20ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 1 vỉ x 5 x 20ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Lọ	500	12.905	6.452.500	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	150		

Handwritten signature

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Những chỉ dẫn trong (3)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trong biên (16)	Tên chủ đầu tư (17)	Số lượng dự kiến mua (18)	Biên bản ký kết (19)	Chức vụ người mua (20)
291	Crocin	Levodopa hydrochloride	25mg/7ml	Nhũ nước	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 1 lọ 5ml	BĐQ	Santen Pharmaceutical Co., Ltd. Nhật Bản	Việt Nam	Lô	600	88.112	52.866.000	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRIỆU THỊ TRIỆU HÀ NỘI	120		X
292	Traveller (for air seat sanitizing: Pharmachem S.A., địa chỉ: Derwenton 6, Patten A1116, LSSE, Rly Lope)	Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	Mũn tại dạng dịch chứa: Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride) 5mg	Nhũ nước	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 1	Pharmachem S.A. Địa chỉ: Derwenton 6, Patten A1116, LSSE, Rly Lope	Việt Nam	Lô	110	79.400	8.734.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/12/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂN TOÀN PHÁT	23		X
293	Marula 400mg film-coated tablets	Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	400mg	Củng	Vỏ nang mềm phân	Hộp 1 vỉ x 3 vỉ	Nhóm 1	KRKA, L.L. Novo mesto	Việt Nam	Vỉ	500	47.800	23.900.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/12/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ Y TẾ NAM AU	150		
294	Microlactol 400mg/250ml	Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	400mg	Tiền	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 1 chai 250ml	Nhóm 1	Cooper S.A. Pharmaceutical	Việt Nam	Chai	4.258	147.000	633.938.000	QĐ số 97/QĐ-SYT ngày 12/12/2024	LENN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH - TIẾN THANH	52		
295	Avobas	Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	400mg/250ml	Tiền	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 1 chai 250ml	BĐQ	Bayer AG	Việt Nam	Chai	174	367.200	63.943.680	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CCI HÀ NỘI	360		X
296	Moxifloxacin	Moxifloxacin (Dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	3mg/ml, Ống 4,4ml	Nhũ nước	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 20 ống 0,4ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	Ống	1.200	5.200	6.240.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CCI HÀ NỘI	360		X
297	Moxifloxacin IMP 400 mg/250 mL	Moxifloxacin (dạng dung dịch Moxifloxacin hydrochloride)	400mg/250ml	Tiền	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 10 lọ x 0,4ml x 250ml	Nhóm 2	Chai nhũ nước Công ty cổ phần dược phẩm Tachigahara - Nhật Bản công nghệ sản xuất	Việt Nam	Chai	2.480	158.200	392.336.000	QĐ số 97/QĐ-SYT ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRIỆU THỊ TRIỆU HÀ NỘI			
298	Orniquin 2mg/ml	Orniquin	2mg/ml x 300ml	Tiền	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 20 lọ x 100ml	Nhóm 1	Altin Pharmaceutics S.A.	Việt Nam	Túi	418	135.000	56.430.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/12/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	185		
299	Orniquin 200mg/40ml	Orniquin	200mg/40ml	Tiền	Dạng dịch nhũ nước	Hộp 1 lọ x 40ml	Nhóm 4	Chai nhũ nước Công ty cổ phần dược phẩm Altin	Việt Nam	Lô	20.000	84.075	1.681.500.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	9.000		

11/11/2025

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tuyệt đối mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 2020/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
300	336	Oflaxacin 200mg/40mL	Oflaxacin	200mg	Tìm mạch	Dạng dịch tìm mạch	Hộp 1 vỉ x 1 chai x 40mL Hộp 6 vỉ x 1 chai x 40mL	Nhóm 2	Chai nhãn công ty CIP Inoxpharm - Nhà máy công nghiệp cao bình Dương	Việt Nam	Chai	3.500	131.850	461.300.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THUỐC HÀNG PHÁP ÁU CHÂU	1.050		
301	338	Oflaxid	Oflaxacin	15mg/5mL	Nhau mắt	Dạng dịch nhau mắt	Hộp 1 lọ 5mL	BIG	Seren Pharmaceutical Co., Ltd.- Nhà máy Noto	Nhật	Lọ	400	55.872	22.348.800	QB số 238/QĐ-SYT ngày 06/8/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NÀNG	120		X
6.2.8. Thuốc nhóm Sulfamid																			
302	245	SEPERTRIM	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Thuốc bột uống	Hộp 30 gói 1,6g	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agincopharm - Nhà máy SX DP Agincopharm	Việt Nam	Gói	717	1.783	1.279.845	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGINCOPHARM	215		X
6.2.9. Thuốc nhóm Tetracyclin																			
303	247	Bactrim 100mg	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Medicenter (Viên Đông)	Việt Nam	Viên	9.000	1.300	7.300.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NÀNG	1.500	Quy định y tế thành phố Hải Phòng chỉ định dùng thuốc này trong điều kiện điều trị bệnh nhiễm khuẩn da, mô mềm trên chân	X
304	249	Tigony 50	Tetracyclin	50mg	Tìm mạch, tìm mạch	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ, 3 lọ, 5 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thần	Việt Nam	Lọ	500	690.000	345.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THUỐC PHARMACY THÀNH	150		
305	250	Tetracyclin 1%	Tetracyclin hydrochloride	1% 5g	Tìm mạch	Mỹ phẩm mặt	Hộp 100 gói x 5g	Nhóm 4	Công ty CP Dược MediPharm	Việt Nam	Túi	5.000	3.050	15.250.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	LIÊN DANH NHIỆT ĐO VÀ LƯƠNG ANH	1.500		X
306	250	Tetracyclin 500mg	Tetracyclin hydrochloride	500mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Chai nhãn công ty cổ phần dược phẩm Hưng sông Vialpha Bình Dương	Việt Nam	Viên	35.000	603	34.205.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMAC VIỆT NAM	10.500		X
6.2.10. Thuốc khác																			
307	252	Colistin De Sofia Altan Pharma 1 Million De UI	Colistinethane sodium	1.000.000IU	Tìm mạch	Bột đông khô pha dùng dịch nhau mắt	Hộp 10 ống	Nhóm 1	Altan Pharmaceutical S.A	Tây Ban Nha	Ống	1.400	778.000	378.000.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THUỐC PHARMAC VIỆT NAM	300		
308	252	Acise IMH	Colistinethane salt	1MU	Tìm	Bột pha nhau	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 - Pharmaco	Việt Nam	Lọ	1.000	125.000	125.000.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NÀNG	300		




STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Đơn vị tính (5)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc gia (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng (18)	Điều kiện, cơ sở thành lập (19)	Cấp phát (20)
209	252 Colferin 1MHU	Colferin (Maltol) (trong dạng Colferin)	1MHU	Tấn	Thuốc bột đông khô pha tiêm, phân liều dùng	Hộp 1 lọ + 1 ống dùng một lần (0,9% 5ml)	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược-TIET BICH DINH (Bodiphar)	Việt Nam	Lọ	1.200	194.984	233.982.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 1	360		
210	253 Canepha	Canepha (Natri solutandax) trong dạng 150mg colistin heptahydrat	150mg	Tấn	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhiệm 2	Hãng Pharmaceutical Co., Ltd	Trung Quốc	Lọ	26	883.000	23.058.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARMASIN VIENTIANE	10		
211	252 Bectocin 2 MHU	Colistimethat natri (trong dạng Colistin heptahydrat) (bào chế)	2MHU	Tấn	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống dùng một lần (0,9% 3ml)	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Trung Bich (Bodiphar)	Việt Nam	Lọ	233	278.000	64.774.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 1	99		
212	253 Colistin 3,0 MHU	Một loại thuốc tiêm đông khô chứa Colistimethat natri 3.000.000 IU (trong dạng Colistin heptahydrat) (bào chế)	2.000.000 IU	Tấn	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ thuốc tiêm đông khô + 1 ống dùng một lần 10 ml, Hộp 3 lọ thuốc tiêm đông khô + 3 ống dùng một lần 10 ml, Hộp 5 lọ thuốc tiêm đông khô + 5 ống dùng một lần 10 ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm An Thinh	Việt Nam	Lọ	3.500	994.000	3.479.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 1	1.050		
213	252 Bectocin 4,5MHU	Colistimethat natri (trong dạng Colistin heptahydrat) (bào chế)	4,5MHU	Tấn	Thuốc tiêm đông khô	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống dùng một lần 10 ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Trung Bich (Bodiphar)	Việt Nam	Lọ	2.000	814.980	1.629.960.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 1	600		
214	254 Fosfomic	Fosfomic acid	20mg/1ml	Nhỏ tu	Dạng dịch nhỏ tu	Hộp 1 lọ + 1 ống dùng một lần	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCT HƯNG NGUYỄN	Việt Nam	Lọ	500	45.000	22.500.000	QĐ số 1074/QĐ-STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACETIC HƯNG NGUYỄN	150		X
215	253 Azithromycin 1000mg	Azithromycin	1000mg/200ml	Tấn	Dạng dịch nhỏ tu	Hộp 1 chai 200ml	Nhiệm 3	Azithromycin Pharmaceuticals	Việt Nam	Chai	900	103.000	92.700.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACETIC HƯNG NGUYỄN	150		

11/11/2025

STT (1)	STT thứ TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Đạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị định (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trông thầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, ý kiến của Quý BHYT theo Thông tư 26/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyệt trình (20)
316	258	Telaprevir 400mg Powder and Solvent for Solution for IM, I.V. Injection	Telaprevir*	400mg	Tiêm	Bột đông khô và dạng nước pha tiêm	Hộp chứa 1 lọ bột đông khô và 1 lọ dạng nước đang mẫu	Nhóm 2	Aerona Inc San Luis, CA or United States or United Kingdom Prolifera Inc San Jose, CA, USA	Thổ Nhĩ Kỳ	Lọ	100	354.000	35.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH UNITED PHARMASIA	30		
317	229	Voxin	Vancosylin	lg	Tiêm	Bột đông khô để pha dạng dịch tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 1	Vianex S.A. Paris C'	Hệ Lạp	Lọ	1.927	88.599	170.790.273	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN IDIA DUỐC AN MÓN	578		
318	259	Voxin	Vancosylin	500mg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 1	Vianex S.A. Paris C'	Hệ Lạp	Lọ	780	64.995	50.696.100	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN IDIA DUỐC AN MÓN	254		
319	220	Vancosylin lg	Vancosylin (dạng đông hydroclorid)	lg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Lọ	3.500	36.600	93.100.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHARM VINH PHÚC	1.850		
320	256	Vancosylin lg	Vancosylin (dạng đông hydroclorid)	lg	Tiêm	Bột đông khô pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Lọ	1.200	26.600	31.920.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHARM VINH PHÚC	360	Quý khách vui lòng kiểm tra đúng với đơn hàng đã mua từ đang L. B. nhà sản xuất đúng là và nhà phân phối	
6.3. Thuốc chống vi rút																			
6.3.1. Thuốc điều trị HIV/AIDS																			
321	267	SANV Tenofovir 300	Tenofovir disoproxil fumarate	300mg	Uống	Viên nén đường tiêu hóa	Hộp 3 x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	48.191	1.415	68.396.365	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHARM SAVA	14.457	Quý khách vui lòng kiểm tra đúng với đơn hàng đã mua từ đang L. B. nhà sản xuất đúng là và nhà phân phối	x
322	269	Tenavir	Lamivudin + Tenofovir disoproxil fumarate	100mg + 300mg	Uống	Viên nén bào gồm	Hộp 03 x 10 x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Liên doanh Meyer- phoC	Việt Nam	Viên	358	12.500	4.475.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THUẬN NHÀ - DCH VU TÂY GIANG	107	Quý khách vui lòng kiểm tra đúng với đơn hàng đã mua từ đang L. B. nhà sản xuất đúng là và nhà phân phối	x
6.3.3 Thuốc chống vi rút khác																			
323	280	Madafin elavir 100	Acyclovir	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 5 x 10 viên	Nhóm 2	CTCP Dược Hải Giang - CN nhà máy Dp DHG tại Hòa Giảng	Việt Nam	Viên	2.000	900	1.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC HẢI GIANG	600		x
324	280	Aciclovir 400mg	Aciclovir	400mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Medichem (Việt Nam)	Việt Nam	Viên	22.300	8.000	176.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NÀNG	6.600		x

Handwritten signature

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Biểu tượng (3)	Đựng bao (3)	Quy cách (3)	Nhiệm vụ (3)	Tên cơ sở sản xuất (3)	Xuất xứ (3)	Đơn vị tính (3)	Số lượng (3)	Đơn giá (VNĐ) (3)	Thành tiền (3)	Số Quốc gia (3)	Trên nhà (3)	Số lượng (3)	Biên bản (3)	Cấp phát (3)
325	Acemolgin 800mg	Acetaminophen	800mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 1	Công ty TNHH Dược phẩm (Việt Nam)	Việt Nam	Viên	8.000	12.000	96.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHARMACIA	2.400		x
326	Aciphester Stella 800 mg	Aciphester	800mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 5 viên	Nhiệm vụ 3	Công ty TNHH Liên Doanh Spharm - Công ty Cổ phần 1	Việt Nam	Viên	479	4.000	3.916.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHLONG DRY	283		x
327	AGICLOVIR 5%	Aciclovir	750mg	Dùng ngoài	Thuốc nước bôi da	Hộp 1 ống 5g	Nhiệm vụ 4	CN Công ty Cổ phần Dược phẩm - Nhà máy SX DP Agripharm	Việt Nam	Tube	3.500	3.360	11.760.000	QĐ số 107/QĐ-STT ngày 16/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGRI-PHARM	1.038		x
328	Atosiban 4,5	Atosiban (dạng dung dịch tiêm)	4,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhiệm vụ 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Âu Việt	Việt Nam	Viên	10.000	11.250	113.500.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DAI-VIET	1.000		x
329	AT Ganciclovir 500 mg	Ganciclovir	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 lọ	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Âu Việt	Việt Nam	Lọ	5.000	726.999	3.634.995.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TAI-THAI-VIETNAM	1.500		

6.4. Thuốc chống nấm

330	Myceazole	Fluconazole	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 7 viên	Nhiệm vụ 1	Pharm S.A.	Hồ Lan	Viên	5.000	35.000	175.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THUỐC MARI-DUC PHARM KHLONG DRY	1.300		x
331	Fluconazole 150	Fluconazole	150mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 1 vỉ x 1 viên	Nhiệm vụ 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Âu Việt	Việt Nam	Viên	236	5.600	1.311.600	QĐ số 107/QĐ-STT ngày 16/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DAI-VIETNAM	78		x
332	Itaconazole 100 mg hard capsules	Itaconazole	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhiệm vụ 1	Laboconazole Labecon, S.A.	Spana	Viên	3.000	13.200	46.200.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PHARMACIA	1.038		x
333	Itaconazole	Itaconazole (dạng viên nang)	100mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 2	Công ty TNHH Liên Doanh Spharm - Công ty Cổ phần 1	Việt Nam	Viên	499	7.250	3.607.600	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHLONG DRY	149		x
334	Ketoconazole	Ketoconazole	200mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 01 ống 10g	Nhiệm vụ 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Mafarpharm	Việt Nam	Tube	2.000	4.050	8.100.000	QĐ số 107/QĐ-STT ngày 16/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MAFARPHARM	600		x

4/10/2025

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuật (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng tự chi mua thêm (18)	Điều kiện, từ hệ thống toàn của QH BHYT theo Thông tư 30/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
335	305	NYSTATAB	Nystatin	500.000IU	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	73,5	3.675.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	1.500	x	x
336	300	Binystar	Nystatin	25.000IU	Ko uống	Thuốc cồn tô miệng	Hộp 10 gói x 1g	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Gm	1.000	930	930.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	300	x	x
337	313	AGIMYCOB	Miconidazol + nystatin + nystatin	500mg + 65.000IU + 100.000IU	Đặt âm đào	Viên nén đặt âm khô	Hộp 01 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 06 viên; Hộp 03 vỉ x 04 viên; Hộp 01 vỉ x 1 viên Hộp 1, 2, 3, 4 vỉ x 10 viên	Nhiệm 5	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	10.000	1.680	16.800.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	3.000	x	x
338	313	Neo-Tergyan	Miconazole + Nystatin sulfate + Nystatin	500mg + 65000 IU + 100000 IU	Đặt âm đào	Viên nén đặt âm đơn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Sephatec	Pháp	Viên	20.000	11.880	237.600.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	6.000	x	x
339	314	Polygram	Nystatin + nystatin + polymyxin B	100.000 IU + 25.000IU + 25.000IU	Đặt âm đào	Viên nang mềm đặt âm đơn	Hộp 2 vỉ x 6 viên	Nhiệm 1	CSSS sản xuất phân: Crinobest France Beaufreil S.A/ CS đóng gói, kiểm soát chất lượng và xuất sản: Innothera Cheruy	Pháp	Viên	962	10.200	9.812.400	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TINH THUẦN MẠI DƯỢC THUẦN GÀ	200	x	x
340	318	Edanburod 480mg	Edanburod hydroclorid	480mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty CPDP Minh Đức	Việt Nam	Viên	6.653	90,3	5.994.333	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH ĐỨC	1.995	x	x
341	344	MIRENZINE 5	Flametin (dạng dung Flametin dihydrochlorid)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty cổ phần dược phẩm Mè Đi Sơn	Việt Nam	Viên	60.000	1.300	72.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	18.000	x	x

6.6. Thuốc điều trị bệnh lao

7. THUỐC ĐIỀU TRỊ ĐAU NỮA ĐẦU

STT (1)	STT thời TT 24 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điểm kiểm tra tự thành của Quý BHYT theo Thông tư 36/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài trừ (20)
351	362	Boonabacin Baidiphar sp	Doxonbacin hydrochloride	50mg/25ml	Tiền nguyên	Dạng dịch đơn liều để phủ dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 25ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Baidiphar)	Việt Nam	Lọ	500	167.700	83.850.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	-	Quý báo kiểm tra, nếu thanh toán 50% đối với dạng liposome; thanh toán 100% đối với các dạng khác.	
352	362	CHEMODON	Doxorubicin hydrochloride	2mg/ml	Truyền định mạch	Thuốc tiêm liposome	Hộp 1 lọ 10ml	Nhóm 2	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	India	Lọ	500	3.860.000	1.930.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI (BIDIPHAR)	-	Quý báo kiểm tra, nếu thanh toán 50% đối với dạng liposome; thanh toán 100% đối với các dạng khác.	
353	367	Binaracti lg	Fluorouracil	lg/20ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 1 lọ 20ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Baidiphar)	Việt Nam	Lọ	400	78.007	31.474.800	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	-		
354	368	Bigonax 240	Gemcitabine (dạng dạng gemcitabine hydrochloride)	200mg	Tiền	Bột đông kéo pha tiêm	Hộp 1 lọ thuốc + 1 ống dùng mỗi 5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Baidiphar)	Việt Nam	Lọ	100	126.000	12.600.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	-		
355	371	Halasan	Ifosfamide	lg	Tiền	Bột gata tiêm	Hộp 1 lọ bột pha tiêm	Nhóm 1	Baxter Oncology GmbH	Đức	Lọ	100	385.000	38.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG (BIDIPHAR)	-		
356	373	Irinosol 100mg/5ml	Irinotecan hydrochloride	100mg/ 5ml	Tiền nguyên	Dạng dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 2	Fresenius Kabi Oncology Limited	Ấn Độ	Lọ	100	385.800	38.580.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG LƯƠNG 2	-		
357	377	Metharsenal "Dewee" 500mg/5ml	Methotrexate	500mg/5ml	Tiền nguyên	Dạng dịch đơn liều phủ dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 1	Fresenius Kabi Oncology GmbH	Ấn Độ	Lọ	100	540.000	54.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIPHAR)	-		
358	380	Lysanin F39	Oxaliplatin	50mg	Truyền định mạch	Bột đông kéo pha tiêm	Hộp 1 lọ	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Thiết bị y tế Bình Định (Baidiphar)	Việt Nam	Lọ	300	256.515	128.257.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG LƯƠNG 2	-		
359	380	Oxitan 100mg/20ml	Oxaliplatin	100mg/ 20ml	Tiền nguyên định mạch	Dạng dịch đơn liều để phủ dung dịch tiêm truyền	Hộp 1 lọ 20ml	Nhóm 2	Fresenius Kabi Oncology Limited	Ấn Độ	Lọ	200	345.800	69.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG LƯƠNG 2	60		

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên base chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (3)	Đơn vị đong (6)	Đang bán chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở (11)	Đơn vị sinh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số lượng trung bình (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Biên bản ký (nếu có) của Ban Quản lý thị trường và các cơ quan liên quan (19)	Cấp phát nguồn từ (20)
365	380 Lysostatin (100mg/25ml)	Quadruplex	100mg/25ml	Thuốc sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ 100ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang thành y tế Bình Dương (Binhpharm)	Việt Nam	Lô	200	373.000	186.511.000	373.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH DƯƠNG (BIDPHARM)	-		
366	380 Oxaline Strong/Inel	Quadruplex	50mg/1lml	Tiền trên sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ 100ml	Nhiệm 2	Freemedia Kahl Droegery Limited	An Độ	Lô	200	260.000	52.000.000	260.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN THƯỜNG (LPHANG 2)	60		
367	381 Hemaxal	Paclitaxel	250mg/1,67ml	Tiền	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ x 41,67ml	Nhiệm 4	Công ty TNHH Sinh Dược phẩm Tien	Viet Nam	Lô	100	975.580	97.558.000	975.580	CÔNG TY THÀNH THẠCH DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (BIOVAC)	-		
368	382 Pentelox 100	Penicillin	100mg	Tiền trên sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ	Nhiệm 2	Citranak Garcia S.A.	Argentina	Lô	162	420.430	72.972.960	420.430	CÔNG TY THÀNH THẠCH DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (BIOVAC)	-		
369	382 Drope 500	Penicillin	500mg	Tiền trên sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ	Nhiệm 1	Pharmax S.L	Ty Ban Nha	Lô	116	9.450.000	1.096.200.000	9.450.000	CÔNG TY THÀNH THẠCH DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (BIOVAC)	-		
370	384 Ular capsule	Tegaser - Ular	100mg + 25mg	Viên	Đang kinh bán	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	TTY Biopharm Co., Ltd - Changli factory	Đài Loan	Viên	5.000	39.300	196.500.000	39.300	CÔNG TY THÀNH THẠCH DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (BIOVAC)	-		
8.2. Thuốc điều trị dịch																		
371	392 Avagra Biocad (400mg/15ml)	Benzocaine	400mg	Thuốc sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ x 15ml	Nhiệm 3	Juett Stock Company BIOCAD JSC (BIOCAD)	Nga	Lô	200	13.923.000	1.392.300.000	13.923.000	CÔNG TY THÀNH THẠCH DƯỢC PHẨM VIỆT NAM (BIOVAC)	30		
372	392 Aberny - 100	Benzocaine	100mg	Tiền trên sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ x 1ml	Nhiệm 2	Biosce Biopharm Limited	An Độ	Lô	200	3.450.000	690.000.000	3.450.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOANG NAM (BIOVAC)	08		
373	392 Aberny - 400	Benzocaine	400mg	Tiền trên sinh mạch	Đang kinh bán	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhiệm 2	Biosce Biopharm Limited	An Độ	Lô	100	12.800.000	1.280.000.000	12.800.000	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HOANG NAM (BIOVAC)	30		

[illegible]

8.3. Thuế điều trị nhiễm

STT theo TT (1)	Tên thuốc (3)	Tên biệt chất/Tên danh phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đơn vị đo lường (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số lượng trung bình (16)	Tên chủ đầu tư (17)	Số lượng tự chế mua thêm (18)	Biên bản, ý kiến của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyên liệu (20)	
375	409	Enbudo	Fulvestrant	50mg/ml	Tiền	Dạng dịch nền	Hộp 2 bơm tiêm hóa học đang giữ cấp 1: Đức, Nước đang giữ cấp 2: Anh	BDQ	Aurozmeda UK Limited	Anh	Bơm tiêm	150	6.280.150	943.372.900	QĐ số 758/QĐ-STT ngày 06/6/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM V.A TRANG THIẾT BÁI VỆ TẾ BẢO ANH ĐỨC	-	Quy hoạch y tế 30%	
376	410	Zedexa	Coarbutin (dạng đang giải phóng acid)	10.8mg	Tiền	Thuốc cấy ghép da giải phóng bào chế bào da mang bơm bào da	Hộp 1 bơm cấy ghép da giải phóng bào da	BDQ	Aurozmeda UK Limited	Anh	Bơm tiêm	100	6.400.000	1.281.000.000	QĐ số 758/QĐ-STT ngày 06/6/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM V.A TRANG THIẾT BÁI VỆ TẾ BẢO ANH ĐỨC	-		
9. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH ĐƯỜNG TIẾT NIỆU																			
377	427	Karal XL 10mg	Alfuzosin HCl	10mg	Lồng	Viên nén phòng thích kẹo da	Hộp 1 vi x 20 viên	Nhiệm 1	Sandoz Wuerthory Industrie	Pháp	Viên	17.917	15.291	213.968.847	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM V.A TRANG THIẾT BÁI VỆ TẾ BẢO ANH ĐỨC	5.375		X
378	427	Proalfo	Alfuzosin hydrochloride	10mg	Lồng	Viên nén bào phân giải phóng chám	Hộp 1 vi x 10 viên	Nhiệm 2	Gracore Pharmaceuticals Ltd.	India	Viên	35.000	6.800	238.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM V.A TRANG THIẾT BÁI VỆ TẾ BẢO ANH ĐỨC	10.200		X
379	428	Double 0.5	Dansondil	0.5mg	Lồng	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhiệm 2	Aurozmeda Pharmas Limited	India	Viên	30.000	8.224	246.720.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHARM V.A TRANG THIẾT BÁI VỆ TẾ BẢO ANH ĐỨC	9.000		X
380	428	Avastar	Dansondil	0.5mg	Lồng	Viên nang mềm	Hộp 3 vi x 10 viên	BDQ	Dopharm Pharmas S.A.	Ba Lan	Viên	2.300	17.257	39.691.100	QĐ số 758/QĐ-STT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHARM ĐƯỢC LIEU TRUNG LƯNG 2	690		
381	430	Perisilon 160mg	Phila chila lipit-succinyl của chila Succinyl rypm	160mg	Lồng	Viên nang chám	Hộp 1 vi x 15 viên	Nhiệm 1	Picore FZinc Jabocare production	Pháp	Viên	10.000	7.493	74.930.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHARM ĐƯỢC LIEU TRUNG LƯNG 2	1.000		X
382	413	Harat Deca 0.4mg	Tarbutolol hydrochlorid	0.4mg	Lồng	Viên nén bào phân giải phóng chám	Hộp 3 vi x 10 viên	BDQ	Asellus Pharma Europe B.V.	Hà Lan	Viên	250	14.700	3.675.000	QĐ số 758/QĐ-STT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHARM ĐƯỢC LIEU TRUNG LƯNG 2	75		
10. THUỐC CHỐNG PARKINSON																			

10. THUỐC CHỐNG PARKINSON

4/10/2025

STT theo TT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá tính theo đơn (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chịu mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
383	434	Cardiogard/Levodopa tablets 10/100 mg	Levodopa + carbidopa	100mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhãn 2	Evergreen Life Sciences Limited	India	Viên	5.000	2.900	14.100.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.500		x
384	438	Sifrol	Pamipexole dihydrochloride monohydrate 0,25mg tương đương với Pamipexole 0,18mg	0,25mg (tương đương với Pamipexole 0,18mg)	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	MDG	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	400	9.257	4.868.500	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	150		
11. THUỐC TÁC DỤNG ĐỐI VỚI MÁU																			
11.1. Thuốc chống thiếu máu																			
385	441	Ferlatem	Mỗi vỉ 15ml dung dịch chứa: Sắt (II) (dạng dạng dimer protein saccharat) (ascorbat)	60mg (600mg)	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	Nhãn 1	Infafarmaco S.A.	Tây Ban Nha	Lọ	15.000	18.500	277.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	4.500		x
386	445	Ferrosil	Sắt (II) (dạng dạng Sắt protein saccharat) (800mg)	40mg/15ml	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 10 lọ x 15ml	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Lọ	605	7.800	4.710.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM VINH PHÚC	181		x
387	450	Hemafolic	Phức hợp hydroxyd sắt (III) và Polymalate + Acid folic	(100mg Fe + 1mg) (10ml)	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 10 ống x 10ml	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm 29	Viet Nam	Ống	30.000	6.783	203.490.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG CPCT	9.000		x
388	450	Hemafolic	Phức hợp hydroxyd sắt (III) và Polymalate + Acid folic	(50mg Fe + 0,5mg) (5ml)	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 18 ống x 5ml	Nhãn 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm 29	Viet Nam	Ống	30.000	4.250	127.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG CPCT	9.000		x
389	451	Uniferrer B9	Sắt sulfat + acid folic	50mg Fe + 250mcg	Uống	Viên nén bao đường	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhãn 4	Công ty cổ phần dược tương ương Mediphar	Viet Nam	Viên	35.000	924	30.820.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MẠI VÀ DƯỢC PHARM HƯNG VIỆT	16.500		x
390	451	Bidiferron	Sắt (dạng dạng sắt II muối kitô), Acid Folic	50mg; 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhãn 4	Công ty cổ phần Dược - Trang xuất bị y tế Bình Định (Bidiferron)	Viet Nam	Viên	7.813	420	3.281.460	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIDIFERRON)	2.340		x
11.2. Thuốc tác dụng lên quá trình đông máu																			
391	452	Phitar 100mg Tablets	Clostrazol 100mg	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Nhãn 2	Nature Health, S.A.	Spain	Viên	500	4.899	2.890.410	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM BOC ANH	170		

Handwritten signature and initials

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Biểu đăng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sản (11)	Đơn vị đăng kí (12)	Số lượng (13)	Dạng giao thương (VNĐ) (14)	Thành nhiên (15)	Số quyết định trên địa phương (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng mẫu chọn mẫu thử (18)	Đã đăng kí trên trang web của Bộ Y T (19)	Cấp phối nội cử (20)
392	Contraceptif	Contraceptif	400000/0,4ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 6 bơm nên dùng mỗi 0,4ml	Nhóm 1	Indinaco S.p.A	V	Bơm nên	6.300	70.000	435.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.930		
393	Contraceptif	Contraceptif	600000/0,6ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 6 bơm nên dùng mỗi 0,6ml	Nhóm 1	Indinaco S.p.A	V	Bơm nên	78	95.000	7.410.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	25		
394	Heparin Sodium 3.000 IU/ml	Heparin sodium	250000/0,5ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 10 ly x 5ml	Nhóm 1	Parapharma GmbH	Đức	Lọ	5.000	109.950	999.750.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMATUNG LƯƠNG GIỚI	1.500		
395	Vaccine Hepatitis Sodium Injection 5000 IU/ml	Hepatin Sodium	25.000 IU/0,5ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 10 ly x 5ml	Nhóm 5	Korea Pharma (M) SDN. BHD	Malaysia	Ông	1.000	120.950	120.950.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY THANH THƯƠNG SUA & DƯỢC PHARM TAI TOAN PHAT	200		
396	Vib. 1 kg	Physalidone	10kg	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 10 kg	Nhóm 7	Dai Han Pharm Co., Ltd	Korea	Ông	2.000	12.310	24.640.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM MING TRI	600		
397	Haemostop	Acid tranexanic	250mg/5ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 5 ly x 5ml	Nhóm 2	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	400	6.040	2.597.200	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	128		
398	Tranexanic acid 150mg/5ml	Tranexanic acid	250mg	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 5 ly x 5ml	Nhóm 4	Công ty CPDP Mithi Dha	Việt Nam	Ông	1.500	1.095	1.073.250	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM MING DAVN	439		
399	Tranexanic acid 150mg/5ml	Tranexanic acid	250mg	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 5 ly x 5ml	Nhóm 5	Công ty CPDP Mithi Dha	Việt Nam	Ông	2.999	1.095	2.381.900	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM MING DAVN	899		
400	Acid Tranexanic Bioscience L.L.M	Acid Tranexanic	500mg	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 5 ly x 5ml	Nhóm 1	Bioscience L.L.M (Laboratoire Italano Medicinali) S.p.A	Italy	Ông	2.210	21.185	46.827.600	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY THANH DƯỢC TAM DAN	603		
401	Haemostop	Acid tranexanic	1000mg/ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 5 ly x 5ml	Nhóm 2	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	20	9.996	299.880	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC- THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	9		
402	Acid tranexanic 500mg	Acid tranexanic	500mg	Công	Viên nang cứng	Hộp 10 ly x 10 viên	Nhóm 4	Công ty CPDP Mithi Dha	Việt Nam	Viên	2.700	957	2.583.900	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM MING DAVN	810		x

[illegible]

11.4. Dạng dịch cao phân tử

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (4)	Đường dùng (5)	Đang bán chưa (6)	Quy cách (7)	Nhiệm thuộc (8)	Tên cơ sở sản xuất (9)	Nguồn vực (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quyết định sở hữu trí tuệ (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng mua thêm (18)	Biên bản, tờ li thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
408	Gelapharma	Một số các Gelatin khác (theo dạng gelatin lỏng bột tinh); Natri sorbit, Magnesi chloride, hydrolyzed Kall (acid, Natri laurat (theo dạng dạng dịch natri (S- lactat))	Mỗi tu 500ml của Gelatin khác (dạng dạng gelatin lỏng bột tinh) 15g; Natri sorbit, Magnesi chloride 2,691g; hydrolyzed 0,1325g; Kall acid 0,1865g; Natri laurat (dạng dạng dịch natri (S- lactat)) 1,58g	Tiền truyền	Dạng dịch tiền truyền	Thùng 20 ml 500ml	Nhóm I	Procinex Kabi France	Pháp	Tu	149	110.000	16.390.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN TRUNG CÔNG 2	44			
409	Gelifastive	Mỗi 500ml của: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20g; Sodium Chloride 3,505g; Sodium hydroxide 0,58g	Mỗi 500ml của: Succinylated Gelatin (Modified fluid gelatin) 20g; Sodium Chloride 3,505g; Sodium hydroxide 0,58g	Tiền truyền	Dạng dịch tiền truyền	Hộp 10 của 500ml	Nhóm 3	B. Braun Medical Industries Sdn Bhd	Malaysia	Chai	252	116.000	29.232.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN TRUNG LIÊN TRUNG CÔNG 2	73			
410	Vololive 6%	Polys-(O-2- hydroxyethyl) starch (HES 1300.0), Natri sorbit, Magnesi chloride, Kall chloride, hydrolyzed Kall hydrolyzed	(10g; 3,15g; 3,01g; 0,15g; 0,15g/500ml)	Tiền truyền	Dạng dịch tiền truyền	Thùng 20 ml 500ml	Nhóm I	Freemove Kabi Deutschland GmbH	Đức	Tu	654	110.000	71.940.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN TRUNG CÔNG 2	139			
11.5. Thuốc khác																			
411	Jadon 360mg	Defenatone	360mg	Uống	Vấn vấn sau phẫu	Hộp 7 x 1 x 10 viên	Nhóm I	Cơ sở sản xuất: Natures Pharma Siam AG, Cơ sở dược gia và xuất sản: Sandoz S.R.L.	Cơ sở sản xuất: Thang Sg, Cơ sở dược gia và xuất sản: Kome Kome	Viên	600	377.510	226.506.000	37.753.000	QB số 513/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN TRUNG CÔNG 2	30		

11/04/2024

11/04/2024

STT (1)	STT theo TT 24 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thương (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Born vị sinh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng tổng cộng mua thêm (18)	Đã mua, cơ sở thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 24/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguy cơ (20)
412	482	Pholiced	Deferipron	500mg	Lông	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần được phân phát Vĩ Hà	Việt Nam	Viên	1.000	7.250	7.250.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM VÀ TRANG THIẾT BHY TẾ HOÀNG BVC	300		
413	484	BINOCRI	Epoetin alfa	4000IU/0,4ml	Tiền	Dạng dịch tên đóng sẵn sản xuất bên trong có nắp an toàn kín tiền	Hộp 6 bơm tiền đóng sẵn và hộp 6 bơm tiền đóng sẵn có nắp an toàn kín tiền	Nhóm 1	IDT Biologika GmbH	Đức	Bơm tiền	4.000	432.740	1.730.960.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM QUANG ANH	1.200		
414	485	Ficoeye	Fipocatin	30x10/0,5ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 1 bơm tiền đóng sẵn (bước 10,5ml)	Nhóm 4	Công ty cổ phần công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Bơm tiền	100	330.000	33.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM ĐAU TỬ PHAT T H B N BUNG THANH	10		
415	486	Mircera	Methoxy polyethylene glycol-epoetin beta	100mg/0,3ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 01 bơm tiền đóng sẵn chưa 0,3ml	Nhóm 1	CSSX, F. Hoffmann - La Roche Ltd., Co sở công gói và xuất xưởng Roche Diagnostic GmbH	CSSX, Thụy Sĩ, Đông gói và xuất xưởng Đức	Bơm tiền	100	3.291.750	329.175.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIÊU TRUNG ƯNG 2	10		
416	487	Pogeyne	Pegfilgrastim	60mg/0,6ml	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 1 bơm tiền đóng sẵn thước 0,6ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần công nghệ sinh học Dược Nanogen	Việt Nam	Bơm tiền	500	5.940.000	2.970.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TABIPHAR VIỆT NAM	150		
417	487	PEG-GRAFEEL	Pegfilgrastim	6,0mg/0,6ml	Tiền đánh da	Dạng dịch tên	Hộp chứa 1 bơm tiêm đóng sẵn thước 0,6ml	Nhóm 5	Dr. Reddy's Laboratories Ltd	Ấn Độ	Bơm tiền	100	4.278.500	427.850.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM VÀ TRANG THIẾT BHY TẾ HOÀNG BVC	30		
418	487	Filipha 6mg/0,6ml	Pegfilgrastim	6mg	Tiền	Dạng dịch tên	Hộp 1 bơm tiền đóng sẵn 6mg/0,6ml	Nhóm 2	Biocon Biologics Limited	Ấn Độ	Bơm tiền	100	8.337.000	833.700.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHAM HOÀNG MAI	30		
12. THUỐC TÂM MẠCH																			
12.1. Thuốc chống đau thắt ngực																			
419	488	Diltiazem STELLA 60 mg	Diltiazem hydrochloride	60mg	Lông	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Lên Dành Stellapharm - Chia Nhau	Việt Nam	Viên	10.000	1.500	15.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHAM KHUONG DUY	2.000		

Handwritten signature and initials

SIT theo TT (1) 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên chất nền của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Bình đương (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nguồn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước số (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong năm (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quyết định trưng thầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng mua nhận (18)	Điều kiện lệ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 2020/22-TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
420	Glycerol triacetate lỏng	Glycerol triacetate (dạng dùng Glycerol triacetat trong glycerol 1,96%)	10mg	Tinh	Dạng dịch tinh	Hộp 10 ống x 10ml	Nhóm 1	Merginal Hansel GmbH	Germany	Ong	250	80.283	20.070.750	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THÀNH TRUNG LƯU NGC CORPHEA	75		
421	Vasotrace-30 OB	Isosorbide mononitrat	20mg	Lỏng	Viên nén phòng tránh keto da	Hộp 3x2x2 ⁷ viên	Nhóm 2	Tarceci Pharmaceuticals Ltd	India	Viên	3.800	2.515	12.575.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH HAIYHIARIM AC CHIAI	1.500		x
422	Isosorbid Mononitrat BWP Dạng Dạng	Isosorbid Mononitrat (dạng dùng Dilaud Isosorbid Mononitrat)	20mg	Lỏng	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Wetphale	Việt Nam	Viên	10.000	1.386	13.860.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM THE ANH	3.000		x
423	Vasotrace OD 80mg	Trimastazin dihydrochloride	80mg	Lỏng	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vi x 30 viên	EBC	Eiga Pharmaceutic PLC (Ebc Production site at Koman H- 9900 Korman Malyas Kudly s 65, Hungary (Co so đăng gic: Pharmaceutic PLC; Eba che Production site of Biserford, H-1165 Budapest Biosynthesis at 118-120, Hungary)- Hungary)	Hungary	Viên	20.000	3.410	162.300.000	QĐ số 718/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TIẾT RI Y TẾ BA NANG	9.000	Quý mua viên y tế được chọn đưa ra ưu đãi và người bán của nhà nước có thể không được lựa chọn để dự thi hoặc người mua không được mua với các tài trợ khác từ nhà.	x
424	Vasore	Trimastazin dihydrochloride	20mg	Lỏng	Viên nén kéo phân	Hộp 3 vi x 30 viên	Nhóm 2	CCTP Dược Hà Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hà Gieng	Viet Nam	Viên	7.000	265	1.835.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HAU GIANG	2.100	Quý mua viên y tế được chọn đưa ra ưu đãi và người bán của nhà nước có thể không được lựa chọn để dự thi hoặc người mua không được mua với các tài trợ khác từ nhà.	x
12.2. Thuốc chống loạn nhịp																		
424	BFS-Adenosin	Adenosin	3mg/ 1ml	Tinh	Dạng dịch tinh	Hộp 10 ly 2ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCL HA NOI	Viet Nam	Ly	72	455.000	14.560.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM CTI HA NOI	9		

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị cấp (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quỹ định trung bình (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tự chi mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trái (20)
425	494	Cardone 150mg/3ml	Amiodarone hydrochloride	150mg/3ml	Tiền tĩnh mạch	Dạng dịch tĩnh	Hộp 6 ống x 3ml	BDG	Sandoz Winthrop Industrie	Pháp	Ông	230	30.048	6.911.040	358/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY THUỐC PHÂN VÃ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	69		
426	494	Cardone	Amiodarone hydrochloride	200mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 15 viên	BDG	Sandoz Winthrop Industrie	Pháp	Viên	204	6.750	1.377.000	358/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY THUỐC PHÂN VÃ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	61		
12.3. Thuốc điều trị tăng huyết áp																			
427	500	Amiodipine Stella 10 mg	Amiodipin (dạng dạng Amiodipin besilate)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chia thành 1	Việt Nam	Viên	15.100	650	9.815.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN KHUÔNG DUY	4.530		x
428	500	Aptim 10	Amiodipin (dạng dạng Amiodipin besilate)	10mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	CTCP Dược Hầu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hòa Giông	Việt Nam	Viên	17.000	304	5.168.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN KHÁNH HÒA	5.160		x
429	500	Kovastin 5	Amiodipin (hình dạng Amiodipine besylate)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.500	105	5.250.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN KHÁNH HÒA	15.000		x
430	500	Kovastin 5	Amiodipin (dạng dạng Amiodipin besylate)	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	105	7.350.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN KHÁNH HÒA	21.000		x
431	500	Amiodipine 5 mg Cap	Amiodipin (hình dạng Amiodipin besylate)	5mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Nhà máy Stella Việt Nam	Việt Nam	Viên	292.099	312	91.154.888	32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN PRIMEPARCO			x
432	500	AMILODAC 5	Amiodipin (hình dạng Amiodipine besylate)	5mg	Uống	Viên nén bào phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Zydex Laboratories Limited	Ấn Độ	Viên	69.000	233	16.077.000	32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHÂN THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI			x
433	501	Amiodipine/Acevasin 5mg/10mg film coated tablets	Amiodipin + acevasatin	5mg + 10mg	Uống	Viên nén bào phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	Laboratorios Normon S.A	Tây Ban Nha	Viên	2.000	8.800	17.600.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THUỐC PHÂN HÀ NỘI	600		
434	501	Zarneco-A	Amiodipin + amlodipine	5mg + 5mg	Uống	Viên nén bào phim	Hộp 62 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Pynceplano	Việt Nam	Viên	25.900	3.150	78.750.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THUỐC PHÂN HÀ NỘI	7.400		x

1/1

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/ thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Định bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở hữu (11)	Đơn vị hàng (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thước sân (15)	Số quốc dịch năng thần (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng mẫu thử (18)	Điều kiện, cơ sở thực hiện Quy BHYT theo Thông tư 36/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát người (20)
435	301	Amilorin 10mg/10mg	Amlorant (dạng dạng Amilorant calcium hydrate 10,85mg); Amilorant (dạng dạng Amilorant besilate 13,88mg)	10mg; 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	SRKA, D.D., Novo Merco	Slovenia	Viên	25.000	8.300	212.500.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	7.500		x
436	302	Cosax XQ 5mg/5mg (Cơ sở dạng gói, Merck Sharp & Dohme B.V. Hà Lan)	Amilorant (dạng dạng Amilorant calcium) + Lisinapril Lisinapril	5mg + 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Pharm Pharm Co., Ltd./Pharm (sở)	Hàn Quốc	Viên	20.000	10.470	209.400.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	6.000		
437	302	Telorus 100mg/5mg film-coated tablets	Losartan kali; Amilorant besilate	Losartan kali 100 mg; Amilorant besilate 5, 5mg (dạng dạng Amilorant 5mg)	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	SRKA, d. d., Novo merco	Slovenia	Viên	20.000	10.350	207.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY THỰC PHẨM MẠI DƯỢC PHẦN DƯỢC HÀNG	6.000		
438	302	Telorus 100mg/5mg film-coated tablets	Losartan kali; Amilorant besilate	Losartan kali 100 mg; Amilorant besilate 5, 5mg (dạng dạng Amilorant 5mg)	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	SRKA, d. d., Novo merco	Slovenia	Viên	10.000	10.340	103.400.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 16/10/2025	CÔNG TY THỰC PHẨM MẠI DƯỢC PHẦN DƯỢC HÀNG	3.000		
439	302	Toristar AM	Losartan potassium 50mg; Amilorant (dạng dạng Amilorant besilate) 5 mg	Amilorant 5mg + Losartan kali 50mg hoặc nồng độ nồng độ	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Toristar Pharmaceutical Ltd.	An Độ	Viên	20.000	5.100	102.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 2	6.000		x
440	303	Losartan	Amilorant (dạng dạng Amilorant besilate) + Lisinapril (dạng dạng Lisinapril dihydrate)	5mg + 10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Gedon Belter Pte	Hungary	Viên	51.441	6.100	313.790.100	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN DƯỢC	15.433		x

100

STT (1)	STT theo YT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên mã phân của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuế (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung thầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số ứng tụ chấp mua thêm (18)	Điều kiện, cơ sở thành toàn của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
441	504	Natrium 1.5mg/Sng	lisdapsine (dạng dạng Ambidapine bottle) Sng	1.5mg, Sng	Lưỡi	Viên nén giải phóng kém tốc	Hộp 6 vi x 5 viên	Nhóm 1	Les Laboratoires Servier Industrie	Pháp	Viên	45.000	4.987	324.415.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	13.500	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
442	505	TRIPLEXAM 5mg/1.25mg/Sng	Perindopril (dạng dạng Perindopril Arginine 5mg) 3,395mg; lisdapsine 1.25mg; Ambidapine (dạng dạng Ambidapine bottle) Sng; 5mg;	Perindopril Arginine Sng; 1.25mg, Sng	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 1 vi x 30 viên	Nhóm 1	Servier (Ireland) Industria Ltd	Ái-len	Viên	32.000	8.557	271.824.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	9.600	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
443	506	Mibetol AM 40.5	Ambidapine (dạng dạng Ambidapine bottle) Sng; Technician Sng	3mg + 40mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vi x 01 vi x 10 vi x 07 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Hsin-Derm Hsin-Derm Dermapharm	Việt Nam	Viên	33.000	6.762	220.670.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ PHÂN DƯỢC VIỆT	10.500	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
444	507	Enafiq 500	Ambidapine (dạng dạng ambidapine bottle) 6.93mg; Valerian 6.9	3mg, 50mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 02 vi x 10 viên, Hộp 05 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Hsin-Derm Hsin-Derm Dermapharm	Việt Nam	Viên	35.000	6.300	220.500.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ PHÂN DƯỢC VIỆT	10.500	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
445	507	Valerian 80 + 5	Ambidapine bottle 6.9 mg tương đương Ambidapine 5 mg, Valerian 80 mg	3mg + 80 mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 4 vi x 7 viên	Nhóm 1	Elpen Pharmaceutical Co., Inc.	Greece	Viên	68.234	8.800	600.371.360	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ PHÂN DƯỢC VIỆT	20.807	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
446	507	Hyvalar plus	Valerian, Ambidapine (dạng dạng Ambidapine bottle)	10mg, 10mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 03 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	10.800	8.800	95.040.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ PHÂN DƯỢC VIỆT	3.000	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
447	508	Exforge HCT 5mg/10mg/12.5mg	Ambidapine (dạng dạng ambidapine bottle), Valerian, Hydrochloride	5mg + 10mg + 12.5mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 4 vi x 7 viên	SEI	Sugrind Barbora S.L.	Tây Ban Nha	Viên	26.000	18.107	472.592.700	QB số 758/QĐ-SYT ngày 06/9/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊN TRUNG QUỐC 2	7.830	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X
448	511	BISOPROLOL PUNARAT 2.5 MG	Bisoprolol	Bisoprolol fumarate 2.5mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Việt Phú	Việt Nam	Viên	20.000	450	9.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC VIỆT	6.000	Thuộc danh sách phân loại ưu tiên và ưu đãi hàng hóa của danh sách ưu tiên Y tế	X

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoặc chất/Tên nhà sản xuất của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong năm (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định hàng hóa (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng (18)	Đơn vị tính (19)	Cấp phát người trả (20)
449	Probiol 10	Bioprobiol farmat	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm SaoV	Việt Nam	Viên	2.000	2.850	5.700.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM THANH BÌNH	600		
450	Bioprobiol 2,5mg	Bioprobiol farmat	2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Loh S.A	Ba Lan	Viên	20.000	666	20.520.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LỊCH THƯƠNG ƯƠNG 2	9.000		x
451	Bioprobiol 5mg	Bioprobiol farmat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 25 viên	Nhóm 1	Loh S.A	Ba Lan	Viên	23.000	666	13.812.000	QB số 97/QĐ-TTAS ngày 13/12/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LỊCH THƯƠNG ƯƠNG 2			x
452	Cereol-5	Bioprobiol farmat	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Euro Vi Phai	Việt Nam	Viên	31.212	287	9.043.944	QB số 87/QĐ-TTAS ngày 14/11/2024	THANH DƯỢC PHẨM VÀ TRADING BI Y TẾ HOÀNG PHÚC			x
453	Bioprobiol DWP 3,75mg	Bioprobiol farmat	3,75mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Walphar	Việt Nam	Viên	12.000	294	3.528.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN ANH	3.000		x
454	Bioprobiol Plus DWP 100,25mg	Bioprobiol + hydrochloric acid 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Walphar	Việt Nam	Việt Nam	Viên	5.000	945	4.725.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN ANH	1.500		x
455	SustProbiol Plus HCT 506,25	Bioprobiol farmat 5mg + Hydrochloric acid 6,25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Sao Việt (Vietnam)	Việt Nam	Việt Nam	Viên	25.000	2.400	60.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂN ANH TOÀN PHẠM	7.500		x
456	Am-antoin 4	Cadecatan citric acid 5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 15 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm EPC	Việt Nam	Việt Nam	Viên	18.000	2.020	30.450.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NE TA	4.500		x
457	Cadecatan BluePharma	Cadecatan citric acid 5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Biopharma-Industria Farmaceutica, S.A. (Fabe-Cadeca)	Portugal	Việt Nam	Viên	20.000	4.500	90.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NIKANG HUY	9.000		x
458	Diastox	Cadecatan citric acid 5mg + hydrochloric acid 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH MCTV 120 Anaphase	Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.000	2.898	5.796.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM STABLEP	600		x
459	Burnat 25mg	Coprol	25mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Medchemie (Viets Drug)	Việt Nam	Viên	11.500	649	7.463.500	QB số 107/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC VIỆT PHÚC	3.450		x

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên nhãn phẩm của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chế mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ đánh sai của Quý BHYT theo Thông tư 20/2021/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn từ (20)
460	515	Captopril	Captopril	25mg	Viên nén	Hộp 01 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khang Hòa	Việt Nam	Viên	5.000	103	515.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANG HÒA	1.500	x	x
461	516	Bil-Capitaxan Comp 15/12.5	Captopril + hydrochlorothiazid	25mg + 12.5mg	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Chang ty TNHH Liên doanh Hàn - Dermapharm	Việt Nam	Viên	7.000	1.239	8.673.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DƯỢC VIỆT	2.100	x	x
462	521	AGINABEL 85	Enalapril	Enalapril maleat 5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 6 vi, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agnespharm - Nhà máy SX DP Agnespharm	Việt Nam	Viên	2.000	73	146.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGNESPHARM	600	x	x
463	521	Priticare 5	Enalapril maleat	5mg	Viên nén không bao	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	S Kant Healthcare Limited	India	Viên	30.000	350	10.500.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VẬT TƯ Y TẾ DƯỢC VIỆT	9.000	x	x
464	521	Bifinac 5	Enalapril maleat	5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Darec - Trang điều trị y tế Bình Định (Biophar)	Việt Nam	Viên	30.000	308	23.940.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIOPHAR)	9.000	x	x
465	522	Exanigal Plus 5/12.5	Enalapril maleat + hydrochlorothiazid	5mg + 12.5mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 01 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Nhà máy 2 công ty TNHH sản dược Hân - Dermapharm	Việt Nam	Viên	30.000	3.387	92.610.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM DƯỢC VIỆT	9.000	x	x
466	522	Onethial 5/12.5	Enalapril + hydrochlorothiazid	5mg Enalapril maleat + 12.5mg	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ, tập 5 vỉ x 30 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Hân Dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	15.000	1.940	29.855.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MÊ TA	4.500	x	x
467	522	Exanigal Plus 20/12.5	Enalapril + hydrochlorothiazid	20mg Enalapril maleat + 12.5mg	Viên nén	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Nhà máy 2 công ty TNHH Liên doanh Hân - Dermapharm	Việt Nam	Viên	160.000	3.850	416.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ MÊ TÂY	48.000	x	x
468	522	Exanigal 20 Plus	Enalapril maleat + Hydrochlorothiazid	20mg + 12.5mg	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hân Việt Nam	Việt Nam	Viên	45.000	3.000	135.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM NGUYỄN DƯƠNG	13.500	x	x
469	522	Diplom 5/12.5	Enalapril maleat Hydrochlorothiazid	5mg + 12.5mg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công Ty Cổ Phần Medice	Việt Nam	Viên	30.000	780	23.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CÁT LÂM	9.000	x	x

Handwritten signature

Handwritten signature

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên học chất/Tên danh của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (5)	Buồng đông (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Mô tả thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sản xuất (11)	Ban vi phân phối (12)	Số lượng tổng (13)	Đơn giá tổng tài trợ (VNĐ) (14)	Thành tên (15)	Số lượng tổng tài trợ tính (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tổng tài trợ tính (18)	Đã tiếp cấp lưu hành (19)	Cấp phân loại (20)
470	Saxi Enalapril HCT 10/12,5	Enalapril maleate; Hydrochlorothiazide	10mg + 12,5mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Công Ty CP DP Saxi	Việt Nam	Vien	20.000	3.450	69.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH TRUNG PHARM	6.000		x
471	Benecuron Sada 300 mg	Benecuron	200mg	Uống	Viên tròn bào phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhiệm 2	Nha máy Sada Vape Nam	Viet Nam	Vien	10.000	1.886	18.880.000	QĐ số 107/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN PYREPHARCO	1.000		x
472	Ergonon 150mg	Ergonon	150mg	Uống	Viên tròn bào phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhiệm 1	Boekapharma - Dapilpho AID	Bulgaria	Vien	27.600	1.328	36.632.800	QĐ số 52/QĐ- TTM ngày 11/02/2025	CÔNG TY THANH TRUNG PHARM			x
473	Benecuron Sada 150 mg	Benecuron	150mg	Uống	Viên tròn bào phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhiệm 2	Nha máy Sada Vape Nam	Viet Nam	Vien	11.501	720	8.380.720	QĐ số 52/QĐ- TTM ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN PYREPHARCO			x
474	Badarite Plus	Benecuron + Hydrochlorothiazide	150mg + 12,5 mg	Uống	Viên tròn bào phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Nha máy Sada Vape Nam	Viet Nam	Vien	10.000	1.880	18.880.000	QĐ số 107/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC VẬT TƯ Y TẾ HAI DUCONG	1.000		x
475	DOBETID H 300/12,5	Benecuron, Hydrochlorothiazide	200mg; 12,5mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Zygar Ladepreces Limited	India	Vien	20.000	3.479	69.580.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC VẬT TƯ Y TẾ HAI DUCONG	6.000		x
476	Bagril	Lisinopril dãn dãn lưu dạng Lisinopril	3mg	Uống	Viên	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Nhiệm 1	Boekapharma - Ladepreces S.A.	Portugal	Vien	10.000	3.360	33.600.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC VẬT TƯ Y TẾ HAI DUCONG	3.000		x
477	Aurokha 30	Lisinopril (dãn dãn lưu dạng Lisinopril)	30mg	Uống	Viên tròn	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhiệm 2	Aurokha Pharm Limited	India	Vien	10.000	5.691	56.910.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUCOC VẬT TƯ Y TẾ HAI DUCONG	1.000		x
478	Enalapril HCT 20/12,5	Lisinopril (dãn dãn lưu dạng Lisinopril) + Hydrochlorothiazide	20mg + 12,5mg	Uống	Viên tròn	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Công Ty TNHH Lien danh Sellingpharm-Chi nhân 1	Viet Nam	Vien	3.000	4.990	14.970.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH TRUNG PHARM	900		
479	Enalapril HCT 10/12,5	Lisinopril (dãn dãn lưu dạng Lisinopril) + Hydrochlorothiazide	10mg + 12,5mg	Uống	Viên tròn	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Công Ty TNHH Lien danh Sellingpharm-Chi nhân 1	Viet Nam	Vien	11.500	2.992	34.418.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH TRUNG PHARM	1.450		x
480	Miladene 20/25	Lisinopril + Hydrochlorothiazide	20mg + 25mg	Uống	Viên	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công Ty CPDP Mith Dan	Viet Nam	Vien	40.000	3.350	138.000.000	QĐ số 107/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH TRUNG PHARM	11.000		x

11/06

11/06

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Năng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên công ty sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc dịch trung bình (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Biên bản, tự lệ thành tên của QG BHYT theo Thông tư 24/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại tra (20)
481	534	Losartan 12,5mg	Losartan	12,5 mg Losartan Kali hoặc tương đương	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Quang Bình	Việt Nam	Viên	56.000	946	47.300.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUANG BÌNH	15.000		x
482	534	Losartan STADA 25 mg	Losartan	Losartan Kali 25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 15 viên	Nhóm 2	Nha nhà Stada Việt Nam	Việt Nam	Viên	15.000	300	5.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN PYNHEARCO	4.500		x
483	534	Losartan	Losartan kali	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	300	152	45.600	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HÒA	90		x
484	534	Cyprohepat 50 FC Tablets	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 1	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	34.500	1.320	45.540.000	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THẢO THẮNG LONG			x
485	534	Cyprohepat 50 FC Tablets	Losartan kali	50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 1	Remedica Ltd	Cyprus	Viên	5.792	1.320	7.645.440	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN THẢO THẮNG LONG			x
486	534	Norvasc-80	Losartan kali	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi (nhóm-nhóm) x 10 viên, Hộp 10 vi (nhóm-PVC) x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt	Việt Nam	Viên	27.600	333	9.190.800	QĐ số 52/QĐ- TTMS ngày 11/02/2023	CÔNG TY THUỐC PHẢI VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ ID			x
487	534	Lifecar	Losartan potassium	100mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 07 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH United International Pharma	Việt Nam	Viên	30.000	4.200	210.000.000	QĐ số 117/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	15.000		x
488	534	Pyrazar 25 mg	Losartan potassium	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vi x 15 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Pyransynco	Việt Nam	Viên	15.000	1.840	27.600.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ QUẢNG TRỊ	4.500		
489	535	Losartan Plus DWP 100mg/12,5 mg	Losartan + hydrochlorothiazid	(100mg Losartan Kali hoặc tương đương) + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Wongphar	Việt Nam	Viên	15.000	1.890	28.350.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TINH DƯỢC PHẨM TÂN AN	4.500		x
490	535	Saril Losartan plus HCT 50/12,5	Losartan kali + hydrochlorothiazid	50mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty CPDP Sa Vi	Việt Nam	Viên	10.000	1.319	13.190.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SÀI VỊ	3.000		
491	535	Saranta-B 100/25	Losartan kali + hydrochlorothiazid	100mg + 25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 2	Aurobindo Pharma Limited	India	Viên	40.000	2.879	115.560.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TINH THUỐC MẠI DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ HƯNG THÀNH	12.000		x

[Signature]

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thương phẩm của thuốc (4)	Năng độ, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị mua (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà đầu (17)	Số lượng tổng cộng mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ đánh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phải ngoại trú (20)
302	340	Adalat LA 30mg	Nifedipin	30mg	Uống	Viên nén phong kích hào dài	BDO	Bayer AG	Đức	Viên	31.500	9.454	354.325.000	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊN TRUNG LƯƠNG	11.290		x
303	548	Nifedipin T20 retard	Nifedipine	20mg	Uống	Viên nén bào phân tác dụng kéo dài	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Dược Sedapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Viên	36.050	600	18.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHẠM KHUÔNG DUY	9.000		x
304	540	Avanor LA	Nifedipine	30mg	Uống	Viên nén giải phóng có kiểm soát	Nhóm 3	Công ty TNHH được phân phối Vielpharm Viet Nam	Viet Nam	Viên	5.050	3.010	15.050.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯỜNG MẠO DƯỢC PHẠM ENDOPHACO	1.500		x
305	341	Oxeprelis	Perindopril ester- butylamine	4mg	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Viet Nam	Viên	100.000	2.880	288.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN TÂY ÂU	30.000		x
306	543	Vasocram 7mg/5mg	Perindopril (tương ứng 7mg perindopril arginine) 4.756 mg; Amlodipine (tương ứng với 0,537mg Amlodipine base/base) 5mg	7mg Perindopril arginine; 5mg Amlodipine	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 1	Server (Ireland) Industries Ltd	Ái Len	Viên	34.400	6.599	160.771.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	7.310		x
307	342	VT-Amlodipin 8mg/5mg	Perindopril + amlodipin	Perindopril terbutylamine (tương đương Perindopril 6,06mg) 8mg; Amlodipin (đồng dạng Amlodipin base/base) 5mg	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 3	USV Private Limited	Ấu Độ	Viên	100.000	5.999	999.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC TRUNG LƯƠNG	30.000		x
308	542	VT-Amlodipin 4mg/10mg	Perindopril + amlodipin	4mg Perindopril terbutylamine + 10mg	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 3	USV Private Limited	India	Viên	300.000	4.980	1.494.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	90.000		x
309	542	Amlessa 4mg/5mg Tablets	Perindopril ter- butylamine (tương đương 3,34 mg Perindopril) 4mg; Amlodipine (đồng dạng 0,54 mg amlodipine base/base) 5mg	4mg + 5mg	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 1	KRKA, D.D., Novo mesto	Slovenia	Viên	10.000	5.670	56.700.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀ DƯỢC PHẨM ĐÔNG DƯƠNG	3.000		x
310	543	Perindopril Indapamide 2/0,625	Indapamide; Perindopril terbutylamine	0,625mg; 3mg	Uống	Viên nhũ tán	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	23.000	395	14.875.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHẠM KHÁNH HÒA	7.500		x

Handwritten signature

STT Đầu TT (1)	STT Đầu TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoặc chữ Tên chính của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Buồng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Vào cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quyết định trước (16)	Tên chủ thể (17)	Số lượng tuy chọn (18)	Biểu mẫu, tự là thành tên của Quy BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyên liệu (20)
	311	Telemyl 10	Quetiapin hydrochlorid 10,5mg (trong đó có quetiapin 10mg)	10mg	Liều dùng	Viên nén bào trơn	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Chai 100 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Medison	Việt Nam	Viên	2.600	1.995	3.990.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIỆT BÍ VỆ ĐÀ NẴNG	600		
	312	Ramipril 5	Ramipril	2,5mg	Liều dùng	Viên nang dùng	Hộp 8 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	Farnabio- Pharmas Farmaceutice S.A. tên tắt: Medifer Manufacturing S.A.	Portugal	Viên	3.600	3.990	11.970.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARMACORE	900		
	313	Ramipril Cap DWR	Ramipril	5mg	Liều dùng	Viên nang dùng	Hộp 05 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Waphar	Việt Nam	Viên	2.600	1.995	3.990.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM STABLED	000		
	314	Ramipril 5	Ramipril	5mg	Liều dùng	Viên nang dùng	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai x 60 viên, Hộp 1 chai x 100 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH LIFE GROUP Sedapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2.900	3.390	6.460.000	QĐ số 1074/QĐ- STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC HAIPHONG AU CHAU	600		
	315	Telestan	Telestan	40mg	Liều dùng	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 6 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khanh Hòa	Việt Nam	Viên	200	185	32.500	QĐ số 1074/QĐ- STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM KHLA HÒA	150		
	316	Telesta 40	Telestan	40mg	Liều dùng	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 7 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Laboratorios Labeon, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	62.100	1.358	84.912.000	QĐ số 53/QĐ- STT ngày 11/02/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC THIỆT BÍ VỆ HƯNG THÁNH			
	317	Zinacel	Telestan	40mg	Liều dùng	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Pháo	Việt Nam	Viên	34.200	450	15.481.000	QĐ số 53/QĐ- STT ngày 11/02/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM VÀ THANH THIẾT BÍ VỆ THÁI HOÀNG PH			
	318	Sony Telestan 80	Telestan	80mg	Liều dùng	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Sony	Việt Nam	Viên	30.000	830	24.900.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMAT	9.000		

Handwritten signature and initials.

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chịu mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn (trò) (20)
319	548	Amv-Telmisartan HCTZ 40/12,5mg	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 7 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Laboratorios Litosas, S.A.	Spain	Viên	15.000	8.650	170.750.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARM	4.500		x
320	548	CadonAPC 40/12,5	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty CPDP Ampharo U.S.A	Việt Nam	Viên	2.000	400	800.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM AMPHARCO U.S.A	600		x
321	548	Milmed HCT	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Liên danh Husan - Dermopharm	Việt Nam	Viên	15.000	3.950	59.250.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM VIỆT BUC	4.500		x
322	548	SavitelmidHCT 80/12,5	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Savi	Việt Nam	Viên	30.050	6.700	201.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM SAVI	9.000		x
323	548	CadonAPC 80/12,5	Telmisartan + hydrochlorothiazid	80mg + 12,5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ, 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty CPDP Ampharo U.S.A	Việt Nam	Viên	2.000	910	1.820.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM AMPHARCO U.S.A	600		x
324	548	Misarsin II 80/25	Hydrochlorothiazid + Telmisartan	25mg + 80mg	Uống	Viên nén không bao bọc phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Inveris Healthcare Larvad	India	Viên	55.000	8.800	484.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM AN PHO SARIN	36.500		x
325	548	Savi Valsartan 160	Valsartan	160mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty CP Dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	10.000	4.190	41.900.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	3.000		x
326	549	Valsartan cap DWP 80mg	Valsartan	80mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 06 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Walphar	Việt Nam	Viên	1.000	1.974	1.974.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM TÂN AN	300		x
327	549	Valsartan STELLA 40 mg	Valsartan	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Doanh Sialapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	50.000	3.580	179.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARM	15.000		x
328	549	Valsartan 80mg film coated tablets	Valsartan	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Kela, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	50.550	2.142	107.858.978	QĐ số 52/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM N I VIỆT NAM			x
329	549	Taboret	Valsartan	80mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt vi Pharma	Việt Nam	Viên	48.002	1.050	50.402.100	QĐ số 32/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM VÀ TRANG THIỆT B I Y TẾ HOÀNG MẠC			x
330	550	Valecheck H2	Valsartan + hydrochlorothiazid	160mg + 12,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Atapro Pharmaceuticals Private Limited	India	Viên	1.000	12.495	12.495.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH BẢO AN PHARM	300		x

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (3)	Buồng đông (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sản (11)	Bom vệ sinh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trading (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số lượng trading (VNĐ) (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng sản phẩm (18)	Điều kiện kỹ thuật theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
531	531 BCT 8012.5	Valartan + Hydrochlorothiazide	80mg+12.5mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty CP Dược phẩm S.A.V	Việt Nam	Viên	25.000	7.235	183.125.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG PHARMACEUTICALS VIỆT	1.500		
532	532 Valartan II	Valartan + Hydrochlorothiazide	80mg + 12.5mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Megco Pharmaceuticals Private Limited	India	Viên	6.000	1.000	6.000.000	QĐ số 107/QĐ- STT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG PHARMACEUTICALS VIỆT	1.800		x
533	533 Trembit 8012.5 mg	Valartan; Hydrochlorothiazide	80mg; 12.5mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty TNHH D&P Inter	Việt Nam	Viên	2.000	740	1.480.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG PHARMACEUTICALS VIỆT	600		x

12.5. Thuốc điều trị suy tim

534	534 Digoxin-BFS	Digoxin	0,25mg/ 1ml	Tiền	Dung dịch nước	Hộp 10 ly 1ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCI H&N	Việt Nam	Ly	100	50.000	5.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACEUTICALS VIỆT	30	Đã vượt phòng khám do không có đủ thuốc để cấp phát	
535	535 DigoxinAurum	Digoxin	0,5mg/ 2ml	Tiền	Dung dịch nước	Hộp 0,5mg x 2ml	Nhiệm 1	Aurum Health S.A.	Hồ Lan	Chai	100	27.000	2.700.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACEUTICALS VIỆT	30	Đã vượt phòng khám do không có đủ thuốc để cấp phát	
536	536 Digoxin	Digoxin	0,25mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ x 2 vỉ x 20 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Phong Phú - Chi Liênpharm	Việt Nam	Viên	6.490	625	4.066.250	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACEUTICALS VIỆT	1.047	Đã vượt phòng khám do không có đủ thuốc để cấp phát	
537	537 Dobesoxin - BFS	Dobesoxin (dạng dung dịch Dobesoxin HCl)	250mg/5ml	Tiền truyền	Dung dịch nước	Hộp 10 ống x 5ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCI H&N	Việt Nam	Chai	100	55.000	5.500.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACEUTICALS VIỆT	90		
538	538 Dobesoxin	Dobesoxin (dạng dung dịch Dobesoxin HCl)	250mg	Tiền	Dung dịch nước	Hộp 5 ống x 5ml	Nhiệm 2	Tishua Pharmaceuticals Ltd.	Ấn Độ	Chai	10	32.500	325.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARMACEUTICALS VIỆT	3		
539	539 Bivalirgin 5 mg	Bivalirgin	5mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Nhiệm 1	Genzyme S.A. (Genzyme A.E.)	Greece	Viên	15.000	5.200	78.000.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG PHARMACEUTICALS VIỆT	4.500		x
540	540 Bivalirgin	Bivalirgin	1,5mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 4 vỉ x 14 viên	Nhiệm 1	Remdesivir Ltd	Cyprus	Viên	3.000	7.979	23.937.000	QĐ số 317/QĐ-STT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG PHARMACEUTICALS VIỆT	900		x

12.6. Thuốc chống huyết khối

12/10/2025

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng tuyệt đối mua sắm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 28/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại tra (20)
341	558	Nimotel ing	Acenocumarol	ing	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phuc	Viet Nam	Viên	1.400	137	191.800	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	410		
342	558	Vincelol 4 mg	Acetocumarol	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phuc	Viet Nam	Viên	600	210	126.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHÚC	180		
343	535	Aspirin MKP RI	Acetylsalicylic acid (DL-lyso- acetylsalicylate)	81mg	Uống	Viên bao tán ở ruột	Hộp 1 túi x 10 vỉ x 10 viên, Hộp 1 chai x 100 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Mekophar	Viet Nam	Viên	60.000	340	20.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 08/10/2025	CÔNG TY TNHH KENKO PHARMIA	18.000		x
344	539	ASPIREN RI	Acetylsalicylic acid (DL-lyso- acetylsalicylate)	81mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Công ty CPDP Agriopharm - Nhà máy SX DP Agriopharm	Viet Nam	Viên	36.400	26	4.838.400	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGRIOPHARM	25.920		x
345	539	Aspires EC	Acid Acetylsalicylic	80mg	Uống	Viên nén bao phân tan trong ruột	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH United International Pharma	Viet Nam	Viên	30.620	572	17.520.360	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	9.189		x
346	539	Aspirin tab DWP 75mg	Acid acetylsalicylic	75mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Ucalphar	Viet Nam	Viên	5.000	360	1.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THE ANH	1.500		x
347	559	Aspirin 100	Aspirin	100mg	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 12 gói x 1,5g	Nhóm 4	Công ty Cổ phần dược phẩm Trương Thọ	Viet Nam	Gói	20.000	2.000	40.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	6.000		x
348	560	Clasidagrel/Aspirin Teva 75mg/100mg	Clasidagrel (dạng clapidogrel bisulfate) + Acetylsalicylic acid	75mg + 100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Adavim Ltd	Malta	Viên	12.900	16.880	202.560.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	3.600		
349	560	Kacelade plus	Clasidagrel (dạng clapidogrel bisulfate) 97,85mg, Aspirin	75mg, 100mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khalid Hwa	Viet Nam	Viên	22.000	820	20.560.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 08/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHALID HWA	9.600		x
350	560	Duacida	Aspirin + Clapidogrel (dạng clapiogrel bisulfate)	100mg + 75mg	Uống	Viên nén bao phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH MTV Dược phẩm 150 Copectaria	Viet Nam	Viên	15.000	3.600	75.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	4.900		x

10/10

10/10

STT Đầu TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên bayer chế tạo thành phẩm của nước (3)	Nồng độ, hàm lượng (4)	Dạng dùng (5)	Đang báo cảnh (6)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Muối và (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung tâm (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số lượng trung tâm (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chi mua trên (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn (20)	
551	Acetyse	Altophane	50mg	Tiền mụn	Bộ dùng kéo dài đang nội đi pha dùng dịch chẩn đoán	Hộp gồm 1 lọ bột dùng khô + 1 lọ nước chẩn đoán	BDO	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Dose	Lọ	50	10.820.000	541.300.000	241.300.000	758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	15		
552	Apex - 7.5	Apexban	2.5mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhãn 2	Terrac Pharmaceuticals Ltd.	As D5	Viên	5.000	8.950	44.750.000	117/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN V.A TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	1.500	Quỹ bảo hiểm y tế được phân sẻ theo mức độ ưu tiên của BHYT trong đó ưu tiên và phân bổ CORTD-17 theo BHYT		
553	Apixaban Tablets	Apixaban	5mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 1 Chai x 20 viên; Hộp 1 Chai x 30 viên; Hộp 1 Chai x 60 viên; Hộp 1 Chai x 180 viên	Nhãn 2	Dr. Reddy's Laboratories Limited	As D5	Viên	5.000	10.180	50.700.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN V.A TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	1.500			
554	Turadione	Chloridogel (dạng dùng Chloridogel (bệnh nhân))	75mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhãn 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khanh Hòa	Viên Nấm	Viên	30.800	256	7.680.000	107/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHÂN DƯỢC HÒA	9.000		X	
555	Proxaca	Dabigatran ecticlate (dạng dùng Dabigatran ecticlate medicine)	110mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp cứng	Nhãn 1	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Dose	Viên	3.950	39.288	151.940.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.500			
556	Proxaca	Dabigatran ecticlate (dạng dùng Dabigatran ecticlate medicine)	110mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDO	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Dose	Viên	5.000	30.288	151.940.000	758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.500			
557	Rivaroxan	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhãn 2	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	As D5	Viên	20.000	5.105	102.100.000	107/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN V.A TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD	6.000		X	
558	Karavis 20	Rivaroxaban	20mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 1 vỉ x 14 viên	Nhãn 2	CITC Dược Hòa Giang - CN nhân quyền DIP OHIO tại Hòa Giang	Viên Nấm	Viên	10.000	6.727	67.270.000	107/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHÂN DƯỢC HÀO GIANG	3.000		X	
559	Bithona	Tecapirac	50mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDO	Auracemica AB	Thay đổi	Viên	10.000	35.873	158.710.000	758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRIỂN DƯỢC 2	3.000	Quỹ bảo hiểm y tế được phân sẻ		
12.7. Thuế hàng nhập khẩu																			

12.7. Thuốc hạ lipid máu

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị trình (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trưởng đầu (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tử chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
560	573	Lipylar 10	Amlodipine (dạng dung Amlodipine calcium)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	CTCP Dược Hải Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hòa Giang	Việt Nam	Viên	62.100	260	16.146.000	QĐ số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC HẢI GIANG		Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
561	573	Amlin 10mg	Amlodipine (dạng dung Amlodipine calcium 10,10mg)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	55.752	818	45.605.136	QĐ số 87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY THANH THƯƠNG MẠI NAM BÌNH		Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
562	573	Amlodipine 10	Amlodipine (dạng dung Amlodipine calcium)	10mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	40.000	92	3.680.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM KHÁNH HÒA	12.000	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
563	573	Amlodipine 20	Amlodipine (dạng dung Amlodipine calcium)	20mg	Uống	Viên nén	Chai 1000 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	122	3.680.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM KHÁNH HÒA	9.000	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
564	573	Isuact 20	Amlodipine	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Savi	Việt Nam	Viên	25.000	118	2.914.000	QĐ số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM SÀI		Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
565	573	Amlin 20mg	Amlodipine (dạng dung Amlodipine calcium)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	KRKA, d.d., Novo mesto	Slovenia	Viên	40.152	1.214	48.885.928	QĐ số 87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY THANH THƯƠNG MẠI NAM BÌNH		Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
566	573	Zastec 40mg	Amlodipine	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Pharmabon International SA	Hý Lạp	Viên	20.000	10.500	210.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG MẠI NAM BÌNH	0.000	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	
567	574	Excerpt 10/10	Amlodipine (dạng dung amlodipine calcium amlodipine) + Ezetimibe	10mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Doanh Pharmabon - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	5.000	5.490	27.450.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM SÀI	1.500	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	
568	574	Excerpt	Amlodipine + ezetimibe	20mg + 10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Đại Việt Phú	Việt Nam	Viên	5.000	6.200	31.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH THƯƠNG MẠI NAM BÌNH	1.500	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
569	575	Zafilar	Berafilrat	200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Medichem Ltd., Central Factory	Cyprus	Viên	31.000	4.400	94.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM SÀI	6.300	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	X
570	577	Excerpt 10mg	Ezetimibe	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Athletic Pharma - Prodiges Pharmaceuticals S.A.	Portugal	Viên	2.000	11.487	22.974.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	600	Điều kiện: tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 26/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.	

Handwritten signature and initials in the top right corner.

STT	Tên thuốc (3)	Tên loại thuốc/Tên khác của thuốc (4)	Mô tả, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xuất xứ (11)	Dạng vi sinh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định riêng (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua (18)	Biên bản tự ý hoặc báo cáo QCV BHYT theo Thông tư 20/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài (20)
571	Milosein NT 145	Fenofibrate	145mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH Liên doanh Thana - Dermapharm	Việt Nam	Viên	8.000	3.900	24.804.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT BẮC	2.400	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
572	Pibrodin-65	Fenofibrat	145mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Hedimo Labs Limited	India	Viên	8.000	5.900	47.200.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ BÀ NANG	2.400	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
573	Lipanthol NT 145mg	Fenofibrat (dạng hạt nang)	145mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	BDC	Famar Laboratories India Limited	India	Viên	8.000	10.561	84.488.000	QB số 738/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LILU TRUNG	2.400	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
574	Lipanthol 200M	Fenofibrate	200mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Astra Frosolun	Pháp	Viên	10.000	7.053	70.530.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LILU TRUNG	1.000	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
575	Lipanthol 200M	Fenofibrate	200mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 15 viên	BDC	Astra Frosolun	Pháp	Viên	14.000	7.053	98.742.000	QB số 738/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LILU TRUNG	1.200	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
576	Colistin Supra	Fenofibrat (dạng hạt nang)	145mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Ethylpharm	Pháp	Viên	7.000	7.000	49.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM V.A. TRUNG THIẾT BỊ Y TẾ HANOI	2.100	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
577	Colistin	Fenofibrat (dạng hạt nang)	145mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Hevanta Healthcare Limited	India	Viên	11.000	1.200	13.200.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM V.A. TRUNG THIẾT BỊ Y TẾ HANOI	2.200	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
578	Savil Flavonoidin 40	Flavonoidin (dạng viên)	40mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Savil	Việt Nam	Viên	7.000	6.500	45.500.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM THANH BÌNH	2.100	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
579	Hypericin 10	Hypericin	10mg	Uống	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Soc Is Sun	Việt Nam	Viên	5.000	672	3.360.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TÂN AN	1.100	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X
580	Receptol 20	Receptol (dạng viên)	20mg	Uống	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao Asipha	Việt Nam	Viên	5.000	2.489	12.495.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM V.A. TRUNG THIẾT BỊ Y TẾ HANOI	1.500	Đã có đơn y tế, gửi báo cáo y tế theo quy định về kê đơn thuốc theo hồ sơ kê đơn của Bộ Y tế	X

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thương phẩm của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Quyết định trông thủ (16)	Tên nhà đầu (17)	Số lượng tối đa mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thành toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
381	382	Pravastatin Savi 40	Pravastatin ros	40mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Viet Nam	Viên	12.000	6.750	81.600.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TAPIHAR VIỆT NAM	3.600		
382	382	Pravastatin Mec 20	Pravastatin ros	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 06 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Medcom	Viet Nam	Viên	5.000	720	3.600.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THÀNH ĐƯỢC PHẦN CÁT LÂM	1.500		x
383	382	Pravastatin STELLA 20 mg	Pravastatin sodium	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên Doanh Stellapharm - Chỉ định 1	Viet Nam	Viên	12.000	5.800	69.600.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẦN KHUÔNG DUY	3.600		x
384	383	Savi Rosuvastatin 2	Rosuvastatin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Savi	Viet Nam	Viên	35.000	380	20.300.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẦN SAVA	16.500		x
385	383	ROSUVERA 5 MG FILM-COATED TABLETS (Tas mif ROXERA 5MG)	Rosuvastatin (dạng màng) Rosuvastatin calcium) 5 mg	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	60.000	4.560	273.600.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẦN HIỆP MINH	18.000		x
386	383	Savi Rosuvastatin 10	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty CPDP Savi	Viet Nam	Viên	150.000	314	77.100.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẦN SAVA	45.000		x
387	383	Courtel	Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 14 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Vi Phai	Viet Nam	Viên	69.000	371	25.599.000	QĐ số 52/QĐ- TTNS ngày 11/02/2025	CÔNG TY THÀNH ĐƯỢC PHẦN VÀ TRANG THIỆT BÍ Y TẾ HOÀNG ĐỨC			x
388	383	Rosuvastatin 10	Rosuvastatin (dạng dạng rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty CP Dược Mediplarco	Viet Nam	Viên	10.000	185	1.800.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	LIÊN DANH MEDIPHARCO VÀ LƯƠNG ANH	3.000		x
389	383	Plus-Rosuvastatin	Rosuvastatin (dạng màng) Rosuvastatin Calcium)	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 100 viên, Chai 500 viên	Nhóm 1	Pharmascience Inc	Canada	Viên	105.300	888	91.908.000	QĐ số 52/QĐ- TTNS ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẦN NEWSIN			x
390	383	AGIROVASTIN 20	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	CN Công CPDP Agiropharm - Nhà máy SX DP Agiropharm	Viet Nam	Viên	40.000	441	24.440.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP ĐƯỢC PHẬN AGIMPHARM	18.000		x
391	383	ROSTINAST 20	Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Công CPDP Agiropharm - Nhà máy SX DP Agiropharm	Viet Nam	Viên	25.000	309	9.975.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP ĐƯỢC PHẬN AGIMPHARM	7.500		x

STT theo TT	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đơn vị đóng gói (6)	Đơn vị tính (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ thuốc (9)	Vào cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị sản xuất (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Biên bản tự ý thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 2020/22-TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
592	Serax 20	Roxarsodin (dạng dung dịch) Roxarsodin (C10H15N3O2S)	20mg	Lọ 6	Nhiệm vụ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ	Công ty CPDP (SAY)	Viet Nam	Vien	24.950	460	16.180.500	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAYT			X
593	Pro-Roxarsodin	Roxarsodin (dạng dung dịch) Roxarsodin (C10H15N3O2S)	20mg	Lọ 6	Nhiệm vụ	Lọ 100 viên, Lọ 500 viên	Nhiệm vụ	Pharmaceutical Inc	Canada	Vien	22.999	1.399	36.775.401	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			X
594	Serax 20	Roxarsodin (dạng dung dịch) Roxarsodin (C10H15N3O2S)	20mg	Lọ 6	Nhiệm vụ	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ	Công ty CPDP (SAY)	Viet Nam	Vien	10.000	3.890	38.900.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			X
595	Serax 20	Roxarsodin (dạng dung dịch) Roxarsodin (C10H15N3O2S)	20mg	Lọ 6	Nhiệm vụ	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ	Công ty CPDP (SAY)	Viet Nam	Vien	11.000	110	1.210.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 09/10/2025	LIÊN DANH MICHIGAN MICHIGAN V&L (DONG ANH)			X
596	Qeery 10/10	Seraxodin + oxazepam	10mg + 10mg	Lọ 6	Nhiệm vụ	Hộp 2 vỉ x 5 vỉ x 10 viên, Hộp 1 vỉ x 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ	Công ty CPDP (SAY)	Viet Nam	Vien	10.000	4.448	44.480.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAYT			
12.8. Thuốc khác																		
597	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
598	Nimodipine	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 1 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Swiss Puracore Ltd	India	Chai	50	270.000	13.500.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
599	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
600	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
601	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
602	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
603	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
604	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
605	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
606	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
607	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DUCO PHARMACEUTICAL			
608	Nimodipine 30mg solution for injection	Nimodipine	10mg	Tên thuốc	Dạng dung dịch tiêm tĩnh mạch	Hộp 20 vial x 50ml	Nhiệm vụ	Laboartorio Reig Judo, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	50	558.600	27.930.000	QĐ số 52/QĐ-TT&S ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN			

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên mã phân của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm trùng (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tuyệt đối mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh sản của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
602	610	Tralop 0,05%	Clobexol propionat microsized	0,05 % (w/w)	Dùng ngoài	Kem bôi ngoài da	Hộp 1 tuýp x 15 gam	Nhóm 5	Công ty TNHH được phân IV Pharmia	Viet Nam	Tuýp	300	9.420	2.826.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ NGỌC KHANH	90		x
603	616	Croamiton Stella 10%	Cotaxiston	2g/20g	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 20g	Nhóm 4	Công ty TNHH Lâm Dược Sedapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Tuýp	300	24.000	7.200.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM QUANG KHANH	90		x
604	621	Facidin	Acid Falsidic	7% (w/w)	Dùng ngoài	Kem	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	Leo Laboratories Limited	Ireland	Tuýp	500	75.075	37.537.500	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	110		x
605	624	Ponadix plus	Acid falsidic + Betamethason valent	100mg + 5mg	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 01 tuýp 5g	Nhóm 4	Công ty CP Dược Mediplance	Viet Nam	Tuýp	100	14.500	1.450.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	LIÊN DANH MEDIPARCO VÀ LƯƠNG ANH	30		x
606	624	Facicert	Foridex acid + Betamethason (được đóng valent)	2% (w/w) + 0,1% (w/w)	Dùng ngoài	Kem	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 1	LEO Laboratories Limited	Ireland	Tuýp	1.000	98.340	98.340.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	360		x
607	627	Kien oxyd 10%	Kien oxyd	10% (15g)	Dùng ngoài	Kem bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	Công ty cổ phần được vật tư y tế Hải Dương	Viet Nam	Tuýp	300	12.800	6.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG	150		x
608	632	Enayel	Nipidemin	0,5mg/ml	Xử ngoài da	Dạng dịch phân vớt rửa da	Hộp 1 bộ 10ml (bơm tĩnh tĩnh lưu lượng định lượng + lọ chứa 9ml dùng nước)	Nhóm 2	Dae-wang Pharmaceutical Co., Ltd	Korea	Hộp	20	2.300.000	46.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG BUC	6		
609	633	Nước oxy già 3%	Nước oxy già dân dã (50%)	1,2g/20ml	Dùng ngoài	Dạng dịch đông ngoài	Chai 001ml	Nhóm 4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC tại Bình Dương - Nhà máy Dược phẩm CPC	Viet Nam	Chai	2.000	1.722	3.444.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM QUANG KHANH	600		
610	637	Qlualic	Salicylic acid + betamethason diproprerat	0,7% + 0,064% (15g)	Dùng ngoài	Thuốc mỡ bôi da dùng ngoài	Hộp 1 tuýp 10g	Nhóm 4	Công ty cổ phần được phân Quang Bình	Viet Nam	Tuýp	400	7.900	3.160.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM QUANG KHANH	150		x
611	637	Qlualic	Salicylic acid + betamethason diproprerat	0,7% + 0,064% (15g)	Dùng ngoài	Mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp 15g	Nhóm 4	Công ty cổ phần được phân Quang Bình	Viet Nam	Tuýp	300	10.000	3.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHAM QUANG KHANH	60		x

100%

100%

STT (theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bao chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm trước (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong năm (VNĐ) (14)	Thước cân (15)	Số quyết định của cơ quan quản lý (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng mua sắm (18)	Điều kiện, ý kiến của Ủy ban theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguyên liệu (20)
612	Qbatic	Sodium hyaluronate dipotassium	0,0541% (20g)	Dạng ngũ phân	Một gói 2g	Hộp 1 gói x 20g	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Quang Bình	Việt Nam	Tuýp	200	25.000	5.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN QUANG BÌNH	40		x
613	Fraxetas	Secodolone	150mg	Tam phân	Bột gói dạng bột nén	Hộp 01 gói	Nhiệm 1	Novartis Pharma Swiss AG	Thụy Sĩ	Lọ	150	7.400.000	1.117.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN THƯỜNG LỢNG 2	45	Quy định của Ủy ban	
614	Chamcrest 0,1%	Tacrolimus (dạng bột) Tacrolimus monohydrate	(5mg/3g) x 5g	Dạng ngũ phân	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp x 5g	Nhiệm 4	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Tuýp	1.000	56.000	56.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	Công ty TNHH Dược phẩm TRUNG ƯƠNG 2	200		x
615	Tacrolin 0,05%	Tacrolimus (dạng bột) Tacrolimus monohydrate	0,05% (30g)	Dạng ngũ phân	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp x 30g	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bach Mai Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	200	29.904	5.980.800	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN BACH MẠI VIỆT NAM	*		x
616	Tacrolin 0,1%	Tacrolimus (dạng bột) Tacrolimus monohydrate	0,1% (40g)	Dạng ngũ phân	Thuốc mỡ bôi da	Hộp 1 tuýp x 40g	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Bach Mai Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	200	43.512	8.702.400	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN BACH MẠI VIỆT NAM	40		x
617	Tyrosol Gel	Tyrosine	0,1% (5g)	Dạng ngũ phân	Gel bôi ngũ phân	Hộp 1 tuýp x 5g	Nhiệm 1	Ergenol Aromatized Gel 0,1% Co.KG	Đức	Tuýp	1.000	40.000	40.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN SÔNG MẠI	*		x
14. THUỐC DÙNG CHẨN ĐOÁN																		
14.2. Thuốc cận quang																		
618	Nemex 100	Indinavir (dạng bột) Indinavir sulfate	Indinavir (dạng bột) 60,1mg/100ml 30g/100ml	Tam phân	Dạng bột nén	Hộp 1 gói x 100ml	Nhiệm 1	Geckler	Pháp	Lọ	450	404.000	222.300.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHÂN VÀ TRADING BACH MẠI VIỆT NAM	-		
619	Omipaque	Indinavir	64mg/ml trong dung lịch 300mg/ml x 50ml	Tam phân dạng bột nén các loại bột nén	Dạng bột nén	Hộp 1 gói x 50ml	Nhiệm 1	GE Healthcare Sweden Limited	Đức	Chai	3.000	240.776	722.328.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN THƯỜNG LỢNG 2	900		
620	logantiro	Indinavir (dạng bột) Indinavir sulfate	612,4mg/ml x 100ml	Tam phân	Dạng bột nén	Hộp 1 gói x 100ml	Nhiệm 1	Parthen India S.p.A.	Italy	Chai	500	462.000	231.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHÂN KASUY TE THANH BÌNH MẠI VIỆT NAM	150		

1/1

[illegible]

16. THUỐC LỢI TIỀN

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị đánh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quản định trung bình (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thành toàn của Quy BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phản ứng tại (20)
640	675	Aufamodin 40 mg	Fansodien	40mg	Tiền	Thuốc tiêm dạng khô	Hộp 5 lọ x 5 dạng mũi	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Lô	5.000	71.900	359.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	1.500		
641	675	Infanodin 40mg/4ml	Fansodien	40mg/4ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 lọ x 4ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang Hải Bi y tế Bình Điện (Bridphar)	Việt Nam	Lô	5.000	51.990	259.980.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH DINH (BIDIPHAR)	1.500		
642	677	Indakussa 30	Lansoprazol (dạng dạng Lansoprazol pellets 8,5% w/w)	30mg	Lông	Viên nang cứng chứa pellet bao tôn trong mút	Hộp 2 vỉ x 7 viên, hộp 4 vỉ x 7 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Nhà máy HDFHARMA BJ - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	12.000	3.200	14.400.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN AMERIVEX VIỆT NAM	3.600	Được báo hiệu và từ danh sách dược phẩm được liệt kê trong danh sách thuốc được liệt kê trên đồng bộ trước và đồng bộ pháp luật hàng hóa của danh sách thuốc của BHYT và được danh sách phân loại từ đây và sáng, xuất khẩu từ các nhà sản xuất, và được liệt kê trong danh sách.	X
643	678	ALUMASTAD	Magnesium hydroxide + Aluminium hydroxide	400mg + 300mg	Lông	Viên nhai	Hộp 4 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty TNHH Liên doanh Siedapham - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	20.000	1.890	37.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN GONBA	8.000		X
644	678	Gelactive	Magnesium hydroxide 30%, 1331,4mg (tương đương magnesium hydroxide 400mg); Nhôm hydroxide gel 20%, 1500mg (tương đương nhôm hydroxide 300mg)	400mg + 500mg	Lông	Hỗn dịch uống	Hộp 10 gói x 10ml	Nhóm 4	Công ty TNHH Liên doanh Husen- Dermapharm	Việt Nam	Gói	5.000	2.478	12.390.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHÂN DƯỢC VIỆT	1.500		X
645	678	Anlarigel	Một hỗn hợp của: Nhóm hydroxide (dạng dạng nhôm hydroxide gel 400mg); Magnesi hydroxide (dạng dạng Mg(OH) ₂ 30%)	376,6mg (440mg)/10ml; 396mg/10ml	Lông	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 10ml	Nhóm 4	Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Menpar	Việt Nam	Gói	7.000	2.750	19.250.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN TẬP ĐOÀN MENPAR	2.100		X

Handwritten signature/initials

S.T.T	thao	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Dạng thuốc	Quy cách	Nhiên liệu	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị	Số	Đơn giá	Thành tiền	Số	Tên nhà thầu	Số lượng	Điều kiện	Cấp phát
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
646	679	Cadungel plus	Magnesi hydroxyd (dạng dạng Magnesi hydroxyd pure 100%) 850,4mg; Natri oxyd (dạng dạng Natri oxyd) 175g; Natri 400mg; Streptococ 80mg	Magnesi hydroxyd (dạng dạng Magnesi hydroxyd pure 100%) 850,4mg; Natri oxyd (dạng dạng Natri oxyd) 175g; Natri 400mg; Streptococ 80mg	Lông	Hộp 10 gói x 10g	Nhiên 4	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Dược Miền Bắc	Viet Nam	Gai	145.000	2.150	311.750.000	06/10/2025	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC MIỀN BẮC	43.500		*
647	679	Ferug Plus	Magnesi hydroxyd; Natri hydroxyd; Streptococ	800mg; 400mg; 80mg	Lông	Hộp 10 gói x 5ml, Hộp 10 gói x 5ml, Hộp 10 gói x 5ml	Nhiên 4	Công ty Cổ phần Dược Miền Bắc	Viet Nam	Gai	50.000	2.399	119.950.000	06/10/2025	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC MIỀN BẮC	15.000		*
648	679	Tenarone	Natri glycol (dạng dạng Natri glycol (tương đương 672mg Al(OH) ₃ 400mg Al(OH) ₃ 2000,0mg; Magnesi hydroxyd 800,4mg; Natri 400mg; Streptococ 80mg (tương đương 800,4mg; 80mg Streptococ) 266,7mg	Một gói 10ml; 400mg; 80mg; 800,4mg; 80mg; 266,7mg	Lông	Hộp 10 gói x 10ml	Nhiên 2	Danone Pharmaceutical Co., Ltd.	Korea	Gai	30.000	3.999	119.970.000	15/7/2025	15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÂN TÁN THẤT	9.000		*
649	679	Daengol 215	Magnesi hydroxyd; Natri hydroxyd (tương đương Natri hydroxyd gel 100%); Streptococ (dạng dạng Natri hydroxyd 100%)	400mg; 400mg; 80mg	Lông	Hộp 10 gói x 10ml, Hộp 20 gói x 10ml, Hộp 10 gói x 10ml	Nhiên 4	Công ty Cổ phần Dược Miền Bắc	Viet Nam	Gai	20.000	4.390	87.800.000	15/7/2025	15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÂN TÁN THẤT	4.000		*
650	680	Micronitryl	Magnesi sulfat - natri hydroxyd	250mg; 130mg	Lông	Hộp 6 gói x 10	Nhiên 4	Công ty Cổ phần Dược Miền Bắc	Viet Nam	Gai	6.000	1.575	9.450.000	15/7/2025	15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHÂN TÁN THẤT	1.800		*

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Bạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thành tạo của Quy BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
651	682	Osiprazol 20 mg	Osiprazol	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong nước	Hộp 1 lọ x 28 viên	Nhóm 1	- Cơ sở chế mạch nhiệm sản xuất đóng gói chủ, đóng gói sơ cấp và thứ cấp: PHARMA PLC - Cơ sở sản xuat: INBIOTECH LTD.	Bulgaria	Viên	11,501	880	10.170.880	QĐ số 32/QĐ- TTM ngày 11/02/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM TRUNG LƯƠNG PHC1		Quy hạn kiểm y tế thành tạo theo chỉ định trong và hướng dẫn về dùng thuốc làm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của đơn vị sản xuất của Quy Y tế hoặc chỉ dẫn của phòng khám đa khoa và chẩn, xuất hoặc của nhà tài trợ đầu, và trong đó phải có hình ảnh của nhà sản xuất.	X
652	682	Isoprazol	Isoprazol (dạng dạng Isoprazol pellet 8.5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong nước	Chai 1000 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khuân Hoa	Việt Nam	Viên	13,000	150	2.210.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM KHUÂN HOA	4,500	Quy hạn kiểm y tế thành tạo theo chỉ định trong và hướng dẫn về dùng thuốc làm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của đơn vị sản xuất của Quy Y tế hoặc chỉ dẫn của phòng khám đa khoa và chẩn, xuất hoặc của nhà tài trợ đầu, và trong đó phải có hình ảnh của nhà sản xuất.	X
653	682	Osiprazol	Osiprazol (dạng dạng Osiprazol pellets 8.5%)	20mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet bao tan trong nước	Hộp 50 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược S. Pharm	Việt Nam	Viên	23,000	169	4.225.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM TV PHARMA	7,500	Quy hạn kiểm y tế thành tạo theo chỉ định trong và hướng dẫn về dùng thuốc làm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của đơn vị sản xuất của Quy Y tế hoặc chỉ dẫn của phòng khám đa khoa và chẩn, xuất hoặc của nhà tài trợ đầu, và trong đó phải có hình ảnh của nhà sản xuất.	X
654	682	Medasme 40mg Gastro-resistant capsules	Osiprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa pellet kháng acid dịch vị	Hộp 1 lọ 28 viên	Nhóm 1	KJKA, D.D., Novo Medic	Slovenia	Viên	13,600	5,775	60.200.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC VSK	3,600	Quy hạn kiểm y tế thành tạo theo chỉ định trong và hướng dẫn về dùng thuốc làm theo hồ sơ đăng ký thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của đơn vị sản xuất của Quy Y tế hoặc chỉ dẫn của phòng khám đa khoa và chẩn, xuất hoặc của nhà tài trợ đầu, và trong đó phải có hình ảnh của nhà sản xuất.	X

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nhãng địa, hàm lượng (3)	Forma dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định trong biên bản (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua (18)	Biên bản y tế theo mẫu của Bộ Y tế theo Thông tư 20/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát người trả (20)
655	682 Omprazole Normax strong	Omprazole (dạng dạng Omprazole sodium)	40mg	Tiền thuốc	Bột dạng kết hợp với chất mang	Hộp 10	Nhiệm 1	Laboratorios Noronca S.A	Tây Ban Nha	Lô	4.001	31.000	122.631.000	QĐ số 52/QĐ-TTMM ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN VILVA		Quy hoạch y tế được tiến hành để đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất thuốc Omprazole (dạng bột) và các sản phẩm liên quan. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
656	682 Licenaz	Omprazole (dạng dạng Omprazole sodium)	40mg	Tiền thuốc	Bột dạng kết hợp với chất mang	Hộp 10	Nhiệm 1	Sheng Life Sciences Pvt Ltd	Ấn Độ	Lô	2.760	27.200	75.596.000	QĐ số 52/QĐ-TTMM ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARMALIFE TRILAN TRILAN		Quy hoạch y tế được tiến hành để đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất thuốc Licenaz (dạng bột) và các sản phẩm liên quan. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
657	682 Omaz	Omprazole (dạng dạng Omprazole sodium)	40mg	Tiền thuốc	Bột dạng kết hợp với chất mang	Hộp 10	Nhiệm 1	Sheng Life Sciences Pvt Ltd	Ấn Độ	Lô	2.800	2.800	17.400.000	QĐ số 52/QĐ-TTMM ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARMALIFE TRILAN TRILAN	900	Quy hoạch y tế được tiến hành để đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất thuốc Omaz (dạng bột) và các sản phẩm liên quan. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
658	683 Augment	Essomeprazole (dạng dạng Essomeprazole magnesium dihydrate)	20mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 và 8 vỉ	Nhiệm 1	Cơ sở sản xuất: Valpharm International S.p.A. Cơ sở đang hoạt động và xuất khẩu: Lamp San Progreso S.p.A	Việt Nam	Vào	22.999	2.290	122.964.610	QĐ số 52/QĐ-TTMM ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN VILVA		Quy hoạch y tế được tiến hành để đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất thuốc Augment (dạng viên nén) và các sản phẩm liên quan. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	
659	683 Essomeprazole STADA 20 mg	Essomeprazole (dạng dạng Essomeprazole magnesium dihydrate)	20mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 và 8 vỉ	Nhiệm 1	Nhà máy Stada Việt Nam	Việt Nam	Vào	22.999	890	11.490.500	QĐ số 52/QĐ-TTMM ngày 11/02/2015	CÔNG TY CỔ PHẦN PHARMALIFE TRILAN TRILAN		Quy hoạch y tế được tiến hành để đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy sản xuất thuốc Essomeprazole STADA 20 mg (dạng viên nén) và các sản phẩm liên quan. Việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.	X

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tuyệt đối mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại tra (20)
660	683	Stadnex 20 CAP	Esomeprazole (dạng dạngesomeprazole magnesium dihydrate) pellets 27%)	20mg	Uống	Viên nang đông cứng pellets tan trong ruột	Hộp 4 vỉ x 7 viên, Hộp 10 vỉ x 7 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Liên doanh Seelapharm - Chí nhành 1	Việt Nam	Viên	5.961	2.720	16.113.920	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM KHUÔNG DUY	1.768	Quốc bảo hiểm y tế thanh toán theo chi định trong tờ hướng dẫn về thanh toán tiền thuốc về đồng lý thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của nhà điều trị của Bộ Y tế hoặc chi định dự phòng bệnh dự trữ và phòng, xuất hoặc của nhà cung cấp, từ trong đó được ở bệnh nhân trả các thuốc khác.	X
661	683	Kater 40mg	Esomeprazole (dạng vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium dihydrate)	40mg	Lông	Viên nén bao tan trong ruột	Hộp 2 vỉ x 7 viên, Hộp 4 vỉ x 7 viên	Nhóm 1	Saharun Pharma GmbH	Đức	Viên	50.600	7.908	603.180.000	QB số 97/QĐ- SYT ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HONING ĐỨC		Quốc bảo hiểm y tế thanh toán theo chi định trong tờ hướng dẫn về thanh toán tiền thuốc về đồng lý thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của nhà điều trị của Bộ Y tế hoặc chi định dự phòng bệnh dự trữ và phòng, xuất hoặc của nhà cung cấp, từ trong đó được ở bệnh nhân trả các thuốc khác.	X
662	683	Vonison	Esomeprazole (dạng dạngesomeprazole auro)	40mg	Tiến	Thuốc gần đông khô	Hộp 10 lọ	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Việt Nam	Lọ	1.850	7.300	13.595.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM VINH PHÚC	555	Quốc bảo hiểm y tế thanh toán theo chi định trong tờ hướng dẫn về thanh toán tiền thuốc về đồng lý thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của nhà điều trị của Bộ Y tế hoặc chi định dự phòng bệnh dự trữ và phòng, xuất hoặc của nhà cung cấp, từ trong đó được ở bệnh nhân trả các thuốc khác.	
663	683	Hastum 40	Esomeprazole (dạng dạngesomeprazole pellets 22,5% (vi hạt bao tan trong ruột chứa Esomeprazole magnesium trihydrate)	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	CTCP Dược Hầu Giang - CN thị trấn ĐP ĐHG tại Hố Giàng	Việt Nam	Viên	32.200	840	27.048.000	QB số 97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC HÀU GIANG		Quốc bảo hiểm y tế thanh toán theo chi định trong tờ hướng dẫn về thanh toán tiền thuốc về đồng lý thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của nhà điều trị của Bộ Y tế hoặc chi định dự phòng bệnh dự trữ và phòng, xuất hoặc của nhà cung cấp, từ trong đó được ở bệnh nhân trả các thuốc khác.	X
664	683	STADNEX 40 CAP	Esomeprazole (dạng dạng vi hạtesomeprazole magnesium dihydrate)	40mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 7 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Liên doanh Seelapharm - Chí nhành 1	Việt Nam	Viên	35.000	6.000	210.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM GINSA	10.500	Quốc bảo hiểm y tế thanh toán theo chi định trong tờ hướng dẫn về thanh toán tiền thuốc về đồng lý thuốc đã được cấp phép hoặc hướng dẫn của nhà điều trị của Bộ Y tế hoặc chi định dự phòng bệnh dự trữ và phòng, xuất hoặc của nhà cung cấp, từ trong đó được ở bệnh nhân trả các thuốc khác.	X

[illegible]

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nặng 05, hân trọng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trung bình (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượt sử dụng mua thêm (18)	Biểu hiện, ý lệ thành toàn của QĐ BHYT theo Thông tư 24/2012/TT-BYT (19)	Cấp phúc ngoại tra (20)
670	684	Aspirin 40mg	Paracetamol (dạng dạng) Paracetamol nam (aspirin dạng)	40mg	Uống	Viên nén bào trơn dạng ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Baltapharma - Dapreus AD	Bulgaria	Viên	13.800	808	12.192.000	QĐ số 91/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM GIGAMED		Quốc bào hiện y lệ thành toàn choa đã định trong và hướng dẫn và dùng thuốc liên quan là sử dụng kỹ thuật đã được cấp phép hoặc tương đương của chính và của Bộ Y tế hoặc của chính và phòng ban địa phương trung, và hướng dẫn của Bộ Y tế đây, và hướng dẫn của Bộ Y tế vấn bản của các nhà sản	X
671	684	Oray-40	Paracetamol (dạng dạng) Paracetamol nam (aspirin dạng)	40mg	Uống	Viên nén bào trơn dạng ruột	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 30 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hà	Việt Nam	Viên	11.500	466	5.259.000	QĐ số 91/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHARM VÀ THANG THIẾT BHYT ID		Quốc bào hiện y lệ thành toàn choa đã định trong và hướng dẫn và dùng thuốc liên quan là sử dụng kỹ thuật đã được cấp phép hoặc tương đương của chính và của Bộ Y tế hoặc của chính và phòng ban địa phương trung, và hướng dẫn của Bộ Y tế đây, và hướng dẫn của Bộ Y tế vấn bản của các nhà sản	X
672	684	Pontoprazole 40mg	Pontoprazole (dạng dạng) Pontoprazole nam (aspirin dạng)	40mg	Tiền	Bột đồng thể pha trộn	Hộp 10 lọ	Nhóm 1	Chi nhánh Công ty cổ phần dược phẩm Incypharm - Nhà máy công nghệ cao bình Dương	Việt Nam	Lọ	2.418	68.210	165.028.100	QĐ số 81/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG ƯƠNG CPCT		Quốc bào hiện y lệ thành toàn choa đã định trong và hướng dẫn và dùng thuốc liên quan là sử dụng kỹ thuật đã được cấp phép hoặc tương đương của chính và của Bộ Y tế hoặc của chính và phòng ban địa phương trung, và hướng dẫn của Bộ Y tế đây, và hướng dẫn của Bộ Y tế vấn bản của các nhà sản	
673	685	Auro-Rabaprazole 20 mg	Rabaprazole Sodium (dạng dạng Rabaprazole sodium hydrate)	20mg	Uống	Viên nén bào trơn dạng ruột	Hộp 2 vỉ x 14 viên, Hộp 7 vỉ x 14 viên	Nhóm 1	Laboratorios Liesores, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	11.501	3.688	42.415.688	QĐ số 53/QĐ- TTMS ngày 11/02/2025	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÙNG THẠNH		Quốc bào hiện y lệ thành toàn choa đã định trong và hướng dẫn và dùng thuốc liên quan là sử dụng kỹ thuật đã được cấp phép hoặc tương đương của chính và của Bộ Y tế hoặc của chính và phòng ban địa phương trung, và hướng dẫn của Bộ Y tế đây, và hướng dẫn của Bộ Y tế vấn bản của các nhà sản	X
674	688	Mucosa Tablets 100mg	Rebutalid	100mg	Uống	Viên nén bào trơn	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Otsuka Pharmaceutical Co., Ltd. Tokushima Irazo Factory	Nhật	Viên	15.000	4.802	60.030.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	4.900		X
675	683	AYTTE	Rebutalid	100mg	Uống	Viên nén bào trơn	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần dược phẩm Đại Việt Hà	Việt Nam	Viên	35.000	3.000	105.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GINSA	10.900		X

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất thành phần thuốc (4)	Mạng độ, hàm lượng (3)	Đường dùng (5)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm trước (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành số (15)	Số quốc gia trung tâm (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng mẫu thử (18)	Điều kiện, cơ sở thành lập (19)	Cấp phát mẫu thử (20)
676	480 A.T Saccharine	Saccharine	1000mg/5g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5 g	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Được phân tại Thái	Việt Nam	Gói	55.000	1.002	60.000.000	06/10/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM ATPHARM	15.500		
677	480 A.T Saccharine	Saccharine	1000mg/5g	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 5 g	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Được phân tại Thái	Việt Nam	Gói	50.000	1.002	54.000.000	06/10/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM ATPHARM	15.000		
678	480 CT-Surgas gel	Saccharin	2000 mg	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 20 gói x 100g	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Được phân tại Đi Sun	Việt Nam	Gói	3.000	4.350	33.750.000	06/10/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM KIMANG TDO	1.500		
679	480 Saccharin gel	Saccharine	1g/7ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 30 gói x 5ml	Nhiệm 1	Laboratoire Biochimie Pharmaceutique Liaopharm S.p.A.	V	Gói	10.000	7.500	75.000.000	15/07/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM KIMANG MGY	3.000		
17.2. Thuốc chống nấm																		
680	691 ACIMOTI	Desferrioxal	1mg/ml x 20ml	Uống	Hỗn dịch uống	Hộp 1 chai 10ml	Nhiệm 3	CN Công CPDP Aptecpharm - Nhà máy SX DCP Aptecpharm	Việt Nam	Chai	5.000	4.100	20.500.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM ACIMOTI	1.500		
681	691 Vasodentium 10 caps	Desferrioxal	10mg	Uống	Viên nén chống	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Được phân tại Vancouver	Việt Nam	Viên	20.000	420	12.600.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM VASODENTUM	9.000		
682	691 Mafon's	Desferrioxal (dạng Desferrioxal market)	10mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	CN Công CPDP Hữu Giang - CN Nhà máy DCP Được phân tại Giang	Việt Nam	Viên	10.000	254	2.541.600	15/07/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM MAFON'S	3.000		
683	691 Desferrioxal	Desferrioxal (dạng Desferrioxal market)	10mg	Uống	Viên nén	Chai 200 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Được phân tại Kashihara	Việt Nam	Viên	50.000	30	2.800.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM DESFERIOXAL	15.000		
684	692 VIATRINIL	Granisetron (dạng Granisetron hydrochloride)	2mg/2ml	Tiền nguyên	Dạng dịch tiền nguyên mạch	Hộp 5 ống x 3ml	Nhiệm 1	Vicorex S.A. Pharm A	Hệ Lạp	Ống	1.800	150.000	120.000.000	15/07/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM VIATRINIL	200		
685	693 Vincristin	Vincristin hydrochloride	1mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tiền	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Được phân tại Việt Nam	Việt Nam	Ống	4.000	900	4.800.000	15/07/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM VINCISTIN	1.500		
686	694 Dier 4	Desferrioxal (dạng Desferrioxal hydrochloride)	1mg	Uống	Viên nén bạc phân	Hộp 5 vỉ x 5 viên	Nhiệm 1	Laboratoire Level, S.L.	Spain	Viên	1.000	11.000	11.000.000	15/07/2025	CÔNG TY CỔ ĐƯỢC PHAM DIER 4	200		

STT (1)	STT theo TT 28 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Ban vị (12)	Số lượng (13)	Ban gửi trong đầu (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua đầu (18)	Biểu kê, là lệ thành toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
687	694	Ondasil 4mg/5ml	Ondansetron	4mg/5ml	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 20 ống x 5ml; Hộp 30 ống x 5ml; Hộp 50 ống x 5ml	Nhiệm vụ 4	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ông	300	14.500	4.350.000	317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ANH NOLVIENTHUC	90		
688	694	Oncet 5	Ondansetron (dưới dạng hydrochloride dihydrate 5mg)	8mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhiệm vụ 2	Cadila Pharmaceuticals Limited	An Độ	Viên	2.000	3.540	7.080.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM BELLUS	600		
689	694	Ondansetron 4mg/2ml	Ondansetron (dạng ondansetron hydrochloride dihydrate)	4mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 2ml	Nhiệm vụ 4	Công ty CPDP Minh Đức	Việt Nam	Ông	300	13.200	3.960.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MINH ĐỨC	90		
690	694	Degax	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron HCl)	8mg/4 ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 4ml	Nhiệm vụ 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	Việt Nam	Ông	3.000	2.550	7.650.000	1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC PHẨM VIỆT PHÚC	900		
691	694	Ondansetron 4mg Injection	Ondansetron (dưới dạng ondansetron hydrochloride dihydrate)	8mg/4ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	Nhiệm vụ 2	PT. Novell Pharmaceutical Laboratories	Indonesia	Ông	500	7.200	3.600.000	317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ BÀ SẮNG	110		
692	694	Ondansetron Kabi 2mg/ml	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron hydrochloride dihydrate)	8mg/4ml	Tiền (tiền mặt, tiền ngân hàng, tiền mua khi gửi hàng thuốc)	Dạng dịch tiêm	Hộp 5 ống x 4ml	Nhiệm vụ 1	Labesol - Laboratories Alimla, S.A	Đài Loan Nha	Ông	2.000	15.200	30.720.000	1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM LEBU TRUNG LUNG 2	600		
693	696	SFAS-AGI	Alosetron citrat	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 vỉ x 10 viên; Chai 50 viên	Nhiệm vụ 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	25.000	120	3.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	7.500		

17.3. Thuốc chống co thắt

1/10/2025

1/10/2025

STT theo TT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định trong tiêu (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng dự định mua (18)	Biên, lịch, ý h thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngày/từ (20)
698	697	Mesopronyl	Alvein citrat + Saccharin	60mg + 300mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Laboratoire Galienques Vietnam (Cơ sở đăng ký, sản xuất chất lượng, nhà xuất khẩu: Moylet Spodier - - đ/c: 6, Avenue de l'Europe - 78100 Charny, France)	Pháp	Viên	2.293	3.360	7.794.480	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	487		
695	694	Drostat	Drostatin ethydrat	40mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty cổ phần dược phẩm Bắc Đì Sui	Việt Nam	Viên	5.000	567	2.835.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	1.500		x
696	699	Occlurin	Drostatin ethydrat	40mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Hòa Dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	7.000	1.340	9.380.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NGUYỄN TÀI	2.100		x
697	699	Novonol 40	Drostatin ethydrat	40mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	5.000	560	2.800.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM NGUYỄN TÀI	1.500		x
698	699	Vinapin	Drostatin hydroclorid	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 2 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Việt Nam	Ống	424	2.140	928.760	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHU	120		
699	699	No-Spa 40mg/2ml	Drostatin hydroclorid	40mg/2ml	Tiền bắp / Tiêm tĩnh mạch	Dung dịch thuốc tiêm	Hộp 5 vỉ x 5 ống x 2ml	Nhiệm 1	Chinon Pharmaceutical and Chemical Works Private Co., Ltd.	Hungary	Ống	400	5.200	2.080.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÀI TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ HANOI	120		
700	700	Bi-S-Hydrocort 40mg/2ml	Hydrocortison	40mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 2ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	Lọ	2.000	24.700	24.400.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCI HÀ NỘI	600		
701	700	Arthron 1g	Hydrocortison	30mg/1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Ống	3.000	3.100	9.450.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ATTRADAMA	900		
702	700	Bacine Injection	Scopolamine-N-butyrbromid (Hyoscine-N-butyrbromid)	20mg/vial	Tiêm	Dung dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nhiệm 2	Sai Guan Chem Ind Co., Ltd.	Ban Loan	Ống	3.000	9.200	27.600.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM KHANG HUY	1.500		

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhãn thước (9)	Tên cơ sở sản sắc (10)	Nguồn xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trạng đầu (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tự lệ thành tồn của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn từ (20)
703	701	Busipacalin retard	Meloxivon hydrochlorid	200mg	Uống	Viên nang cứng giải phóng kéo dài	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Mylan Laboratories S.A.S	Pháp	Viên	3.000	3.870	29.350.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC LIÊN TRUNG LƯONG 1	1.500		x
17.4. Thuốc tẩy, nhuận tràng																			
704	709	Duphalac	Lactulose	10g/15ml	Uống	Dạng dịch sống	Chai 200ml	Nhóm 1	Abbott Biologicals & V	Hà Lan	Chai	1.200	86.000	163.200.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC LIÊN TRUNG LƯONG 2	360		x
705	711	Colief	Macrogol + natri sulfat + natri biclorat + natri clorid + muối clorid	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dạng dịch sống	Hộp 4 gói x 75,89g	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Mee Di Sun	Việt Nam	Gói	1.000	27.300	81.900.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHẨM BAI TIN	900		
706	713	Barttram	Macrogol 4000: 64 g; Arbutinosis sodium sulfate: 5,7 g; Sodium bichlorate: 1,68 g; Sodium chloride: 1,46 g; Potassium chloride: 0,75 g	64g + 5,7g + 1,68g + 1,46g + 0,75g	Uống	Bột pha dạng dịch sống	Hộp 04 gói	Nhóm 1	Benelux Ipson Industrie	Pháp	Gói	3.000	35.970	179.810.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HOÀNG ĐỨC	1.500		
707	713	Colistin-emema	Monobasic natri phosphat - Dibasic natri phosphat	(21,41g + 7,89g)/ 133ml	Thuốc trực truyền	Dạng dịch hút trực truyền	Hộp 1 lọ 133ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	1.620	31.450	83.249.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	486		
708	713	Colistin-emema for children	Monobasic natri phosphat - Dibasic natri phosphat	(10,67g + 3,92g)/ 66 ml	Thuốc trực truyền	Dạng dịch hút trực truyền	Hộp 1 lọ 66ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	10	39.600	396.900	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	3		
709	713	Colistin soda	Monobasic natri phosphat - Dibasic natri phosphat	(41,7mg + 95mg)/ 1ml	Uống	Dạng dịch sống	Hộp 1 lọ x 43ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội	Việt Nam	Lọ	2.200	44.000	96.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHẨM CPC1 HÀ NỘI	660		
710	714	Sorbitol 5g	Sorbitol	5g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	Hộp 27 gói x 5g	Nhóm 4	Chu nhai công ty cổ phần dược phẩm trung ương Vidypha Binh Dương	Việt Nam	Gói	30.000	630	18.900.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG VIDYPHA	9.000		x
17.5. Thuốc điều trị tiêu chảy																			
711	717	Bacti-Sorbit	Bacillus subtilis	≥ 100 triệu CFU	Uống	Thuốc bột	Hộp 20 gói	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Vaccin và Sinh phẩm Nha Trang	Việt Nam	Gói	10.220	2.940	30.046.800	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHAT	3.666		x

S/TT theo TT (1)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng bào chế (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng dự kiến mua (18)	Điều kiện, ý lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát (20)
712	717	Banewar	2 x 10 ⁹ CFU/Sed	Uống	Hình thức uống	Hộp 40 gói x 3ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCT H&S&S	Việt Nam	Gói	10.000	5.299	51.500.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT H&S&S	3.000		x
713	718	Enterogran	2 gói bao bì	Uống	Thuốc bột	Hộp 10 gói x 1g	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vico và anh phần Nha Trang	Viet Nam	Gói	1.168	2.279	2.661.872	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HEN TRE	350		x
714	718	Enterogel	2 gói bao bì	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vi x 10 Viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Vico và anh phần Nha Trang	Viet Nam	Viên	7.000	2.625	18.575.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HEN TRE	2.100		x
715	720	Geacort	3g	Uống	Hình thức uống	Hộp 20 gói x 20ml	Nhóm 2	Daeosang Pharmaceutical Co., Ltd	Korea	Gói	10.000	7.860	78.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂN TOÀN PHAT	3.000		x
716	721	Simecta	3 gram	Uống	Hình thức uống	Hộp 10 gói (mỗi gói 12 gói) (mỗi gói 3,75g) (mỗi gói 3,75g)	Nhóm 1	Beaufour Ipsen Indonésie	Pháp	Gói	10.000	4.081	40.810.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ THƯƠNG MẠI Y TẾ HOANG HOÀ	3.000		x
717	724	A.T Zincitro	10mg/5ml	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 20 gói x 5ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thuận	Viet Nam	Gói	6.000	1.610	9.660.000	QB số 1076/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CAT LAM	1.800		x
718	724	Silverman 50	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm QP	Viet Nam	Viên	50.000	2.500	125.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ME TA	15.000		x
719	724	Zincheb	700mg/50ml	Uống	Siro	Hộp 1 lít x 100ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tân	Viet Nam	Lít	5.000	34.999	174.995.000	QB số 1076/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA	1.500		x
720	725	Lactogen	10% CTV	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Thương mại và y tế Bình Định (BinhDinh)	Viet Nam	Viên	40.000	1.566	62.640.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THỊNH BÌNH ĐỊNH (BinhDinh)	12.000		x
721- 726	Lactogen	Lactogen hydrolyzed	30g	Uống	Viên nang cứng	Hộp 200 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Kishida H&S	Viet Nam	Viên	5.000	1.110	5.550.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KISHIDA	1.500		x

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xứ (11)	Đơn vị mua (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chi mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
722	726	A.T Loperamid 2mg	Loperamid hydrochloride	2 mg	Uống	Viên nén phân tán	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thần	Việt Nam	Viên	3.000	500	2.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM ATPHARM	1.500		x
725	726	Imodium	Loperamide hydrochloride	2mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Luzamedicament + Societate Tetisca Farmaceutica, S.A.	Portugal	Viên	10.000	1.700	27.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM VIỆT THIỆT BÍ Y TẾ ĐÀ NẴNG	3.000		x
17.6. Thuốc điều trị trĩ																			
724	730	Ginkor Fort	Cao Ginkgo biloba ; Bisoprolol hydrochloride; Trocaridin	14mg + 300mg + 300mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Beaufort Ipore Indústria	Pháp	Viên	500	3.570	1.785.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM VIỆT BA	150		
725	731	Peilethrocin	Diosmin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Help S.A.	Greece	Viên	10.000	6.100	61.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM THÁI MIỀN NHÂN	3.000		x
726	731	Biofort	Diosmin	600mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	Công ty CP DP Seri	Viet Nam	Viên	5.000	3.410	27.050.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHẨM MINH TH	1.200		x
727	732	Vein Plus	Diosmin + hesperidin	450mg + 30mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	help S.A.	Greece	Viên	41.000	3.180	129.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & ĐƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	15.500		x
728	733	SaVilBirin	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 15 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm SaVi	Viet Nam	Viên	1.564	1.600	14.342.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	Công ty TNHH Dược Phẩm và Trang Thiết Bị Y Tế Đa Trang Sơn	2.089		x
729	732	Troflan - 500	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 12 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH Trophaco Hung Vân	Viet Nam	Viên	10.000	670	6.700.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & ĐƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	3.000		x
17.7. Thuốc khác																			
730	733	Creson 25000	Paracetamol (nang đường Amilase + Lipase + Protease)	300mg / 18000 đơn vị Ph. Eur + 25000 đơn vị Ph. Eur + 1000 đơn vị Ph. Eur)	Uống	Viên nang cứng	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Alkerm Laboratories GmbH	Đức	Viên	7.000	13.700	27.400.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC PHẨM THUẬN LIÊU TRƯỜNG ƯƠNG 1	600		
731	734	Vie-Hope	L-Ornithin - L- aspartat	lg	Tắm	Dạng bột tươi	Hộp 2 vỉ x 3 lồng x 5 ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc	Viet Nam	Ông	4	25.980	137.480	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH TM ĐƯỢC PHẨM VI HÀO NGOC	1	Quỹ học tập và điều trị đặc biệt dành cho trẻ em đang 2 tuổi đến 10 tuổi phân loại: Trẻ em	

10

STT theo TT (1) 20	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Mỗi đ.đ. bao nhiêu gói (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng ước tính mua thêm (18)	Điều kiện, ý kiến của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngày 1/8/2024 (20)
732	Livebiox	L-Ornithin L-Aspartat	360 gói	Tiêm tĩnh mạch	Dạng bột hòa giải nước cất pha nên 8ml	Hộp 1 lọ (trước + 1 ống nước cất pha nên 8ml)	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược - Thương mại bị y tế Bình Minh (Binhpharm)	Việt Nam	Lô	414	41.805	18.182.420	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	130	Quý học viện y tế thành phố Hồ Chí Minh đã mua 20 gói theo đơn thuốc của bệnh nhân.	
733	Rosuvic	Mecolizin	10 gói/lot	Thay thế nước uống	Hộp 1 lọ 10 gói	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Dược - Thương mại bị y tế Bình Minh (Binhpharm)	Việt Nam	Lô	500	185.000	92.500.000	92.500.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	170		
734	Canical 500	Mecolizin (mecolizin)	200 gói	L uống	Viên nén bao phim tan trong nước	Hộp 10 x 10 viên	Nhiệm 2	Công ty TNHH Midepharm	Việt Nam	Viên	1.500	7.900	11.850.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH KINH DOANH PHARMACIA	450		
735	Perama	Mecolizin	500 gói	L uống	Viên nén bao phim tan trong nước	Hộp 10 x 10 viên	Nhiệm 1	Fering International Cebu, SA	Thụy Sĩ	Viên	1.000	11.874	11.874.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	300		
736	OCTRIIDE 100	Omeprazole (dạng dùng acidomeprazole)	6, 10 gói/lot	Tuần hoàn miệng, tiêu hóa	Dạng viên	Hộp 1 gói 10 gói	Nhiệm 2	Sun Pharmaceutical Medicine Limited	India	Gói	50	62.000	3.100.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	15		
737	CARSTI 800MG	Cao khô quả lá sắn 653,6 - 225mg (tương đương Silymarin 160 theo alibara, 80mg)	40 gói	L uống	Viên nang cứng	Hộp 5 x 1 x 6 viên	Nhiệm 1	Seopharm AID	Bulgaria	Viên	5.000	3.381	16.905.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	1.500		x
738	Silymarin	Silymarin	150 gói	L uống	Viên nang cứng	Hộp 5 x 1 x 25 viên	Nhiệm 1	Dagunpharm Apolider Phuc Ganh	Đức	Viên	15.548	4.500	69.966.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	4.664		x
739	Silymarin-F	Silymarin	140 gói	L uống	Viên nang cứng	Hộp 5 x 1 x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Dược - Thương mại bị y tế Bình Minh (Binhpharm)	Việt Nam	Viên	15.000	900	14.700.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	4.500		x
740	Urore	Uroreolactone acid	100 gói	L uống	Viên nén	Hộp 10 x 10 viên	Nhiệm 2	Darwin Pharmaceutical Co., Ltd.	Hàn Quốc	Viên	6.000	5.900	35.400.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THƯƠNG MẠI Y TẾ BÌNH MINH (BINHPHARM)	1.800		

18. HOCMAI VÀ CÁC THUỐC TÁC ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG NỘI TIẾT

18.1. Hormon thượng thận và những chất tổng hợp thay thế

(Chữ ký)

(Chữ ký)

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở hữu (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trung bình (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tuy chọn mua thêm (18)	Điều kiện, cụ thể thành toán của Quý BHYT theo Thông tư 26/2022/TT-BYT (19)	Cấp phân loại tại (20)
741	749	Decanethason	Decanethason (dưới dạng Decanethason acetat)	0.5mg	Uống	Viên nén	Hộp 1 vỉ 10 vỉ x 30 viên; Hộp 30 vỉ x 30 viên; 30 vỉ x 1000 viên	Nhóm 4	Công ty CP Dược Medpharm	Việt Nam	Viên	660	56	33.600	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	LIÊN DƯỢC MEDIPHARCO VÀ LUONG ANH	180		
742	749	Decanethason	Decanethason phosphate (dưới dạng Decanethason natri phosphate)	1mg/1ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 30 ống x 1ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược vật y tế Hải Dương	Việt Nam	Ống	910	670	609.700	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	275	Quê bào hiệu y tế không thanh toán trong hợp đồng ứng dụng kính, nếu có như:	
743	751	Dalason-D	Natri 2-halobenzen [Betamethason 1,5mg; Desoclophenestrin natri 1,5mg]	1,5mg, 12mg	Uống	Sợi	Hộp 1 chai 75ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Lương 3	Việt Nam	Chai	923	31.500	29.380.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN BAI RẮC MIỀN TRUNG	270		x
744	753	Medison 4	Methylprednisolone	4mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	CTCP Dược Hải Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hải Giang	Việt Nam	Viên	25.000	440	11.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẢI GIANG	7.500		x
745	753	Medison 10	Methylprednisolone	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	CTCP Dược Hải Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hải Giang	Việt Nam	Viên	7.400	1.220	9.024.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẢI GIANG	2.220		x
746	755	Sol-medison 16	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược - Trang dược y tế Bình Định (Bìnhphar)	Việt Nam	Viên	15.000	651	9.765.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIỆT BỆ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BIPHAR)	4.590		x
747	755	Kapredin	Methylprednisolone	16mg	Uống	Viên nén	Chai 100 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khai Hòa	Việt Nam	Viên	10.500	585	6.142.500	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM KHAI HÒA	3.150		x
748	755	Mutisone Injection	Methylprednisolone (dưới dạng Methylprednisolone natri succinat) 40mg	40mg	Tiền	Bột đông kéo pha tiêm	Hộp 10 lọ	Nhóm 2	Guiphaarm Co., Ltd	Korea	Lọ	5.000	31.500	157.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TSHH DƯỢC PHARM QDI	1.500	Dầu bôi ngoài da không có hormon y tế, quá hạn hiệu lực không tính đến cơ sở cấp phân loại	
749	756	Aclison	Prednisolone sodium phosphate 1% w/v (10mg/ml)	Prednisolone sodium phosphate 1% w/v (10mg/ml)	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ 5ml	Nhóm 1	Cooper S.A	Italy	Lọ	500	33.340	16.670.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHARM TRUNG LƯƠNG (CPC)	150		x

18.2. Các chế phẩm androgen, estrogen và progesteron

[Signature]

STT theo TT	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Năng lực sản xuất (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Loại và (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định tương đương (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng lấy chọn mua (18)	Điều kiện, ý kiến của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài (20)
750	763	Dapagliflozin	Dapagliflozin	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 20 viên	Nhóm 1	Abbott Biologicals B.V	Hà Lan	Viên	2.990	8.888	26.655.112	QB số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	899		X
18.3. Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết																		
751	777	Gliclazide 50mg	Acarbose	Sáng	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	BDOG	Bayer AG	Đức	Viên	5.000	2.700	13.800.000	QB số 754/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	1.900		
752	778	Dapagliflozin 5	Dapagliflozin	Sáng	Viên nén bao phim	Hộp 02 vỉ x 05 viên, 04 vỉ x 06 viên, 07 vỉ x 10 viên, 12 vỉ x 15 viên, 20 vỉ x 10 viên, Hộp 02 vỉ x 05 vỉ x 04 viên, 09 vỉ x 12 viên, 15 vỉ x 20 viên x 14 viên	Nhóm 5	CN Công ty Cổ phần Agnopharm - Nhà máy SX DAP Agnopharm	Việt Nam	Viên	5.000	1.575	7.875.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 09/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	1.500	Quy định của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	X
753	778	Farigla	Dapagliflozin (dạng Dapagliflozin propanediol monohydrate)	Sáng	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	BDOG	CSSX AstraZeneca Pharmaceuticals LP, CSBO và xuất xứ từ AstraZeneca UK Ltd	CSSX, Mỹ, CS đang ghi và xuất xứ từ AstraZeneca UK Ltd	Viên	10.000	19.000	190.000.000	QB số 754/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	3.000	Quy định của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	X
754	778	Farigla	Dapagliflozin (dạng Dapagliflozin propanediol monohydrate)	Sáng	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 14 viên	BDOG	CSSX AstraZeneca Pharmaceuticals LP, CSBO và xuất xứ từ AstraZeneca UK Ltd	CSSX, Mỹ, CSBO và xuất xứ từ AstraZeneca UK Ltd	Viên	30.000	19.000	570.000.000	QB số 754/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	9.000	Quy định của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	X
755	778	Acetamin 10	Dapagliflozin	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Nhà máy HIDPHARMA EU - Công ty cổ phần Dược Việt Nam	Việt Nam	Viên	5.000	3.000	15.000.000	QB số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIEU TRUNG UÔNG 2	1.500	Quy định của Ủy ban BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	

(Handwritten signature)

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần chủ yếu (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Ban vị thành (12)	Số lượng (13)	Ban giá trung bình (VNĐ) (14)	Thâm nhập (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tử chấp nhận thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
756	778	Insipagi 10	Dapagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 03 vỉ x 05 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên, Hộp 02 vỉ x 04 vỉ, 00 vỉ x 08 vỉ, 10 vỉ x 07 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	5.000	1.470	7.350.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DUỐC PHẨM AGIMEXPHARM	1.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100%	X
757	779	Jardiance	Empagliflozin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	14.000	21.072	323.008.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUỐC - THIẾT BỊ Y TẾ BÁ NẮNG	4.200	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100%	X
758	779	Jardiance	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Đức	Viên	5.000	26.523	132.665.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUỐC - THIẾT BỊ Y TẾ BÁ NẮNG	1.500	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100%	X
759	779	Septane 25	Empagliflozin	25mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 10 viên, Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 4 vỉ x 10 viên, Hộp 5 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	2.000	2.316	4.620.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DUỐC PHẨM AGIMEXPHARM	600	Quỹ bảo hiểm y tế thanh toán 100%	X
760	780	Glimaron	Glibenclamid + metformin	5mg + 500mg Metformin hydrochlorid kể cả tương đương	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Được phân trung tâm 1 - Pharboce	Việt Nam	Viên	250.000	740	185.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TRẦN ĐƯỢC PHÂN THỦY DUNG	75.000		X
761	780	Glimaron 500mg/2,5mg	Metformin HCl + Glibenclamide	500mg + 2,5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CTCP Dược Hải Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hải Giang	Việt Nam	Viên	10.000	1.440	14.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUỐC HẢI GIANG	3.000		X
762	780	Glucomet 500mg/5mg	Metformin hydrochlorid (tương đương với metformin 300mg) glibenclamid	500mg/5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Merck Sanofi s.a.s	Pháp	Viên	15.000	4.713	70.695.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DUỐC LIÊU TRUNG DUNG 2	4.500		X

STT	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Đơn vị bán lẻ (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xuất xứ (11)	Đơn vị phân phối (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trước thuế (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số ngày tính thuế đầu (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Mức tiền tự ý thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
760	Glucosid đồng nhất - release tablets	Glucosid	đồng	Uống	Viên tròn giả phôi kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 4 vỉ x 15 viên; Hộp 8 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	KIRKA, D.D., Nova Sava	Slovenia	Vita	118.000	4.800	566.000.000	31/03-31/03/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	35.400		
761	Pyrazin Diapir MR	Gliclazid	30mg	Uống	Viên tròn phôi giả kéo dài	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần Pyrephaco	Việt Nam	Vita	60.000	265	15.900.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PYREPHACO	18.600		
762	Pyrazin Diapir MR	Gliclazid	30mg	Uống	Viên tròn phôi giả kéo dài	Hộp 2 vỉ x 30 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Pyrephaco	Việt Nam	Vita	60.000	265	15.900.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM PYREPHACO	18.600		
763	Dacrosin MR đồng	Gliclazid	đồng	Uống	Viên tròn giả phôi kéo dài	Hộp 2 vỉ x 15 viên; Hộp 10 vỉ x 15 viên	Nhóm 5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Y tế DOMESCO	Việt Nam	Vita	14.133	250	7.911.517	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM Y TẾ DOMESCO	4.260		
764	Goldicron	Gliclazid	30mg	Uống	Viên tròn giả phôi kéo dài	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Nhóm 1	Cơ sở sản xuất bán thành phẩm: Valpharma International S.P.A (C/O 40 xã) công ty: Lamp San Progreso S.P.A (Đầu cầu, Vía Delta Pac, ZN/A-41000 Slat Progreso (AHO) Italy)	Italy	Vita	150.000	3.000	370.000.000	31/03-31/03/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	45.000		
765	Melidon-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 60 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	10.000	3.000	30.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	3.000		
766	Glucosin-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	45.000	3.200	144.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	13.500		
767	Glucosin-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	45.000	3.200	144.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	13.500		
768	Glucosin-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	45.000	3.200	144.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	13.500		
769	Glucosin-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	45.000	3.200	144.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	13.500		
770	Glucosin-M	Gliclazid đồng - Metformin Hydrochloride 500mg	đồng	Uống	Viên tròn	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 5	Micron Labs Limited	Ấn Độ	Vita	45.000	3.200	144.000.000	06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ANH NGUYỄN BỘC	13.500		

STT thứ TT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Số lượng (12)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quỹ BHYT (theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
771	787	Insaglar	Insulin glargine	300U/3ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 03 bút tiêm x 3ml	Nhóm 1	Lilly France	Pháp	40	347.000	9.880.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIỆT BỊ Y TẾ BÀ NANG	12	Thuộc diện cấp phát tại bệnh y đề tài học hương dân chẩn điều, điều trị, quản lý bệnh mãn điều đường của Bộ Y tế.	
772	787	Toxifer Solostar	Insulin glargine	300 (đơn vị) Unit	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 3 bút tiêm nắp sẵn điều x 1,5ml	Nhóm 1	Sandoz-Avenna Deutschland GmbH	Bồ Đào Nga	165	415.400	68.475.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 13/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC HAIAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HỒNG DUC	40	Thuộc diện cấp phát tại bệnh y đề tài học hương dân chẩn điều, điều trị, quản lý bệnh mãn điều đường của Bộ Y tế.	
773	787	Humalog - G Pen	Insulin Glargine (rDNA origin)	300U/ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp chứa 01 bút tiêm nắp sẵn chứa 03ml dung dịch thuốc	Nhóm 2	Bioscen Biologics Limited	India	414	322.460	91.908.040	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC HAIAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HỒNG DUC	124	Thuộc diện cấp phát tại bệnh y đề tài học hương dân chẩn điều, điều trị, quản lý bệnh mãn điều đường của Bộ Y tế.	
774	788	Ryzodeg Flexstar	Insulin degludec + Insulin aspart	7 (7 công) + 3,15mg/3ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 5 bút tiêm bơm sẵn thước x 3ml (15 kim kèm thước)	BIGC	Cơ sở sản xuất và xuất xưởng: Novo Nordisk A/S (Bộ chỉ Nóva A He 1, DK-2880) Bayerwerk, Đan Mạch) Cơ sở đóng gói thủ cấp: Novo Nordisk A/S (Bộ chỉ Breunam Park 1, DK-3400 Hellered, Đan Mạch)	Đan Mạch	89	411.249	36.601.191	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIỆT BỊ Y TẾ BÀ NANG	20	Gọi mua insulin y tế chuyên môn 90%, gọi mua insulin y tế hợp phối insulin Degludec và insulin Aspart chuyên môn 100% để vận hành máy bơm liều	
775	791	Insurono 30720 (Biphasic)	Insulin aspart 100U/ml (30% insulin hòa tan + 70% insulin isophane) (Insulin aspart nguồn gốc DNA tái tổ hợp)	Insulin ngắn 100U/ml (30% insulin hòa tan + 70% insulin isophane) (Insulin aspart nguồn gốc DNA tái tổ hợp)	Tiền	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhóm 2	Bioscen Biologics Limited	India	903	54.600	53.622.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC HAIAM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HỒNG DUC	207	Gọi mua insulin y tế chuyên môn 90%, gọi mua insulin y tế hợp phối insulin Degludec và insulin Aspart chuyên môn 100% để vận hành máy bơm liều	
776	792	Trajenta	Liraglutin	5mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Weiss - Wied Columbus Inc.	Mỹ	2.000	16.136	32.312.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIỆT BỊ Y TẾ BÀ NANG	600		
777	793	Metformin 900	Metformin Hydrochloride 500mg	1000mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Lek S.A	Bu Lan	97.469	435	42.399.015	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRUNG JSCNG 2	29.240		x

STT theo TT (1) (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Phong hóa chất (7)	Quy cách (8)	Nhãn thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số quỹ định trợ cấp (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng hàng nhập (18)	Biên bản, ý kiến của Ủy ban BHYT theo Thông tư 30/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngay từ (20)
778	793 Glicephage XR 500mg	Medformin hydrochloride	500mg	Uống	Viên nén phòng thích kích đại	Hộp 4 vi x 15 viên	Nhóm 1	Medeck (Korea, Ltd.)	Thái Lan	Viên	60.000	2.328	140.280.000	31/03/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊN TRUNG CỘNG 2	18.000		X
779	794 Medform 500	Medformin HCl	500mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 2 vi x 14 viên	Nhóm 2	Ind-Sunth Ltd.	An Độ	Viên	187.309	3.15	59.002.250	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3	26.192		X
780	795 Formethan XR 500	Medformin hydrochloride	500mg	Uống	Viên nén phòng thích kích đại	Hộp 3 vi x 5 vi, 10 vi x 15 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Lifer doanh Hàng - Dongpharm	Viet Nam	Viên	69.993	640	44.796.520	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM VIET DUC	20.997		X
781	796 Medformin XR 500	Medformin hydrochloride	500mg	Uống	Viên nén phòng thích kích đại	Hộp 10 vi x 15 viên	Nhóm 5	Công ty cổ phần Dược phẩm TV Pharma	Viet Nam	Viên	70.000	670	47.400.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM TV PHARMA	21.000		X
782	797 Medow 850	Medformin hydrochloride	850mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP SAVI	Viet Nam	Viên	150.000	440	66.000.000	15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM DAVI	45.000		X
783	798 Gualpha 850	Medformin hydrochloride	850mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 1 vi x 15 viên Hộp 10 vi x 15 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH Dược phẩm Trung Nam Việt Nam Binh Duong	Viet Nam	Viên	20.000	221	4.410.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM TRUNG NAM VIETNAM	6.000		X
784	799 Medform 1000	Medformin hydrochloride 1000mg	1000mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 2 vi x 15 viên	Nhóm 1	Loe S.A	Ban Lan	Viên	20.000	1.200	24.000.000	31/03/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊN TRUNG CỘNG 2	6.000		X
785	799 Medow 1000	Medformin hydrochloride	1000mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP SAVI	Viet Nam	Viên	30.000	819	24.570.180	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM DAVI	11.999		X
786	799 Medow 1000 XR	Medformin hydrochloride	1000mg	Uống	Viên nén phòng thích kích đại	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 3	Công ty CPDP SAVI	Viet Nam	Viên	32.000	1.203	43.680.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM DAVI	9.600		X
787	798 Medow XR	Medformin hydrochloride	5mg, 1000mg	Uống	Viên nén hạt phân tán	Hộp 4 vi x 7 viên	Nhóm 3	Asomzencia Pharmaceutical LP	Ấn Độ	Viên	10.000	21.410	214.100.000	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHAM DAVI TRUNG THIET BI Y TI DOANG DUC	1.000		X
788	801 Gualpha	Medformin	700mg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vi x 14 viên	Nhóm 3	Shephard Barbera, S.L	Viet Nam	Viên	31.210	8.225	257.195.750	06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊN TRUNG CỘNG 2	9.281		X

18.4. Hozonam tuy là giúp, cần giúp và thuốc kháng giáp trạng tổng hợp

18/10/2025

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Năng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuật (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Quyết định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
789	804	Levothyrox	Levothyroxine natri	50mcg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 5	Merck Healthcare KCoA	Đức	Viên	10.000	1.102	11.020.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG CÔNG 2	3.000		x
790	804	Levothyrox	Levothyroxine natri	75mcg	Uống	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 15 viên	Nhóm 5	Merck Healthcare KCoA	Đức	Viên	10.000	1.448	14.480.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG CÔNG 2	3.000		x
791	804	Thyroniberg 100	Levothyroxine natri	100mcg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Steril-Genie Life Sciences (P) Ltd.	India	Viên	10.000	515	5.150.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHẨM MEZA	3.000		x
792	804	Dislthyrox	Levothyroxine (mẫu natri)	600mcg	Uống	Viên nén	Hộp 5 vỉ x 20 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Tia Tuyết	Việt Nam	Viên	2.000	294	2.038.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THỊNH ĐỨC PHARM STABLED	2.100		x
793	805	Propylthiouracil DWP 100mg	Propylthiouracil (PTU)	100mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên, Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Woolphar	Việt Nam	Viên	10.000	715	7.150.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THỊNH ĐỨC PHARM TÂN AN	3.000		x
794	805	Thyronal 5mg (Cơ sở đóng gói và xuất xuất: P&G Health Austria GmbH & Co. OG, địa chỉ Hieselgasse 20-1809 Spital/Dreus- Austria)	Thiamazole	5mg	Uống	Viên nén bào trơn	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	CSSX: Merck Healthcare KCoA; CSBG và xuất nhập P&G Health Austria GmbH & Co. OG	CSSX: Đức; CSBG và xuất nhập Áo	Viên	5.000	1.400	7.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG CÔNG 2	1.500		x
795	806	Bavlin 5	Thiamazole	50mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	20.000	441	8.820.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THỊNH ĐỨC PHARM STABLED	4.000		x
796	806	Thyronal 10mg	Thiamazole	10mg	Uống	Viên nén bào trơn	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Merck Healthcare KCoA	Đức	Viên	20.000	2.241	44.820.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIÊU TRƯNG CÔNG 2	6.000		x
797	806	GLOCKNER-10	Metformin (Thiamazole)	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	25.000	1.890	47.250.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN GONSA	7.500		x

19. HUYẾT THANH VÀ GLOBULIN MIỄN DỊCH

[Signature]

[Signature]

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nguồn gốc, hàm lượng (3)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định riêng (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng sử dụng theo (18)	Đánh luận, ý kiến khác của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngày (20)
798	810 Foregia	Human protein trong đó IgG đối điều 90% với human serum IgG, IgG1: 35%, IgG2: 55%, IgG3: 3%, IgG4: 1%, IgA: 1%	Human protein trong đó IgG là 90% với human serum IgG, IgG1: 35%, IgG2: 55%, IgG3: 3%, IgG4: 1%, IgA: 1%	Tiền	Dạng tiêm	Hộp 01 ống tiêm dung tích 0,4ml kèm 01 kim tiêm	Nhóm I	Cơ sở sản xuất: Biotec AG, Cơ sở xuất xứ: Biotec Pharma GmbH	Đức	Ông	100	2.000.000	200.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI DƯỢC HOANG LONG	30	Quý báo cáo y tế thành phố đã có văn bản gửi giám đốc về việc không đưa ông về cơ sở điều trị tại bệnh viện, bệnh nhân có triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, do vậy ông được chuyển về bệnh viện điều trị tiếp tục theo dõi và chăm sóc tại bệnh viện.	
799	810 Pevanglobin	Protein huyết tương người 50g/100ml trong đó có chứa ít nhất 95% Globulin miễn dịch, Immunoglobulin M (IgM) sang Immunoglobulin A (IgA) sang Immunoglobulin G (IgG) sang	Protein huyết tương người 50g/100ml trong đó có chứa ít nhất 95% Globulin miễn dịch, Immunoglobulin M (IgM) sang Immunoglobulin A (IgA) sang Immunoglobulin G (IgG) sang	Tiền	Dạng tiêm	Hộp 1 lọ 50ml	Nhóm I	Cơ sở sản xuất: Biotec AG, Cơ sở xuất xứ: Biotec Pharma GmbH	Đức	Ông	100	6.000.000	600.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MẠI DƯỢC HOANG LONG	30	Quý báo cáo y tế thành phố đã có văn bản gửi giám đốc về việc không đưa ông về cơ sở điều trị tại bệnh viện, bệnh nhân có triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, do vậy ông được chuyển về bệnh viện điều trị tiếp tục theo dõi và chăm sóc tại bệnh viện.	

1/1

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tôi chọn mua thêm (18)	Biểu hiện, tỷ lệ thành trên của QĐ BHYT theo Thông tư 24/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
20. THUỐC LÀM MỀM CƠ VÀ ỨC CHẾ CHOLINESTERASE																			
800	817	Eperison 99	Eperison hydrochlorid	30mg	Uống	Viên nén bao phim	Chai 100 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Viet Nam	Viên	50.000	178	8.900.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHANH HÒA	15.000		x
801	822	BOURABIA-8	Thiocholineacid	8mg	Lông	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm Est Việt Hải	Viet Nam	Viên	35.000	6.000	210.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR PHARM	10.500		x
802	822	Thiocholineacid Savi	Thiocholineacid	4mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty cổ phần dược phẩm SAVA	Viet Nam	Viên	2.600	3.700	7.400.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CPCT	480		x
803	823	Myofalon 150	Tolpessan hydrochlorid	150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Gedon Richter PLC	Hungary	Viên	21.049	3.400	71.566.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MÊN TRẠI	6.314	QĐ ban hành ý kiến thuận đồng từ cơ sở cấp có thẩm quyền	x
21. THUỐC ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT, TẠI MŨI HỌNG																			
21.1. Thuốc điều trị bệnh mắt																			
804	824	Acetazolamid 250mg	Acetazolamid	250mg	Lông	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm Vedaphar	Viet Nam	Viên	10.000	987	9.870.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TÂN DƯỢC PHẨM THE ANH	3.000		x
805	833	Acargin	Bitrozanamid + Timolol (dạng dạng Timolol malate)	10mg/ml + 5mg/ml	Nhỏ mắt	Huyền dịch nhỏ mắt	Hộp 1 lọ x 5ml	Nhóm 1	S.A. Alcon Convent N.V	Bi	Lọ	18	310.800	5.594.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	5		x
806	834	Natri Chlorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/10ml	Nhỏ mắt, mũi	Dạng dịch nhỏ mắt, mũi	Hộp 1 lọ x 10ml	Nhóm 4	Công ty CP Dược Mediphar	Viet Nam	Lọ	33.000	1.281	33.435.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GLOBAL PHARMACEUTICAL C.A.	7.500		x
807	834	Nhoat	Natri clorid	0,45g/50ml	Xịt mũi	Dạng dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ x 50ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược - Trang dược từ y tế Bình Định (BĐPhar)	Viet Nam	Lọ	5.000	13.900	69.510.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BĐPHAR)	1.500		x
808	834	Q-mannose baby	Natri clorid (không chứa bào quan)	0,9%, Ống 1ml	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 200 ống x 1 ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCT Hà Nội	Viet Nam	Ống	15.000	1.260	18.900.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	4.500		x
809	836	Hydramin 0,1%	Natri hecstamat	1mg/ml, Ống 3ml	Nhỏ mắt	Dạng dịch nhỏ mắt	Hộp 1 ống x 3ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPCT Hà Nội	Viet Nam	Ống	1.300	20.000	26.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CPCT HÀ NỘI	300		x

[Signature]

[illegible]

11

STT theo TT	Tên thuốc	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng (tính)	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền	Số Quyết định trúng thầu	Tên nhà thầu	Số lượng (tính)	Cấp phát ngoại trừ
820	Burasidin	Carbamate	100mg/ml	Tiền dịch tiêm	Hộp 5 lọ x 1ml	Nhóm 1	Cơ sở sản xuất: Fering GmbH; Cơ sở đăng ký: Fering International Center SA	Cyprus	Lô	800	266.150	212.920.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	240	
821	Pregova	Desopressin	10mg	Hệ phân phối thuốc đã ăn vào dạ dày	Hộp 3 lọ x 1 lọ bộ phận phân phối thuốc đã ăn vào dạ dày	Nhóm 1	Ferring Controlled Therapeutics Limited	Austria	Túi	20	974.400	28.035.600	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	9	Quỹ học bổng 2 là thành viên hội đồng đặc biệt hàng năm (là hội đồng với chức năng giám sát).
822	Oxytocin injection BP 10 Units	Oxytocin	10IU	Tiền dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Hộp 10 ống x 1ml	Nhóm 1	Papapharma GmbH	Germany	Ống	598	11.000	6.578.800	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THANH PHO HO CHÍ MINH	179	
823	MIFETONE 240HC/G	Mifepristone	200mcg	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX OP Agimexpharm	Viet Nam	Viên	1.206	3.400	4.100.400	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM	260	8
824	Kythreano-3A	Natri clorid; Kali clorid; Cacolat 2H2O; Magnesi clorid.6H2O; Acid acetic	Mỗi 100ml chứa: 16,1g; 5,5g; 9,7g; 3,7g; 8,8g	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Thùng 01 can 10 lít	Nhóm 4	Công ty sản phẩm Dược - Trung Quốc (Haidiphar)	Viet Nam	Can	3.900	154.875	604.812.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BUDIPHAR)	1.170	
825	Kythreano-2B	Natri Clorid; Natri hydrocarbonat	Mỗi 1000ml chứa: 30,5g; 6g;	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Thùng 01 can 10 lít	Nhóm 4	Công ty sản phẩm Dược - Trung Quốc (Haidiphar)	Viet Nam	Can	5.740	154.875	888.982.300	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH (BUDIPHAR)	1.772	
826	Prilnasel B0	Khoáng A; Calcium clorid dihydrat; Magnesium clorid hexahidrat; Khoáng B; Sodium clorid; Sodium hydrogen carbonat	Khoáng A: Mỗi 1000ml chứa Calcium clorid dihydrat 5,145g; Magnesium clorid hexahidrat 2,875g; Acid lactic 5,4g; Khoáng B: Mỗi 1000ml chứa Sodium clorid 6,45g; Sodium	Dịch lỏng tiêm tĩnh mạch	Thùng 2 chai, mỗi chai gồm 2 khoang (khoang A: 250ml và khoang B: 4750ml)	Nhóm 1	Baxter Medical S.p.A	Italy	Túi	1.206	700.000	840.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ PICOONG BÌNH DƯƠNG	240	

23. DUNG DỊCH LỌC MẢNG BỤNG, LỌC MÁU

24. THUỐC CHỐNG RỐI LOẠN TÂM THẦN VÀ THUỐC TÁC ĐỘNG LÊN HỆ THẦN KINH

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (3)	Dạng bào chế (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiệm vụ (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Khoảng xử (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng sử dụng (18)	Điều kiện, tự H hoặc theo Thông tư (19)	Cấp phát ngoại (20)
24.1. Thuốc an thần																		
K27	Sedaxan long	Clazepam	5mg	Lông	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Gedon Richter Pte.	Hungary	Viên	12.000	1.200	15.120.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG (CNCI)	2.000		x
K28	Vinhaxin	Etifoxin hydrochlorid	5mg	Lông	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phac	Việt Nam	Viên	400	2.400	960.000	1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VINH PHAC	120		x
K29	Rosendin 30	Retandin	30mg	Lông	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Kienh Hiep	Việt Nam	Viên	60.000	360	22.800.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIENH HIEP HOA	18.000		x
K30	Rosendin 60	Retandin	60mg	Lông	Viên nén	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Kienh Hiep	Việt Nam	Viên	30.000	900	17.850.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KIENH HIEP HOA	9.000		x
24.3. Thuốc chống rối loạn tâm thần																		
K31	Amianxin 1,25%	Chlorpromazin hydrochlorid	25mg/2ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 20 ống x 2ml	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Ống	1.000	2.100	2.100.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	300		
K32	Haloperidol 1,5 mg	Haloperidol	1,5 mg	Đông	Viên nén	Hộp 1 box x 400 viên	Nhiệm 4	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	300	87	26.100	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	90	Quy định không yêu cầu báo cáo theo Thông tư 20/2022/TT-BYT	
K33	Olazepam	Olazepam	10 mg	Đông	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	500	2.210	1.105.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DANAPHA	150		x
K34	Dapnaxen Strong	Sulpirid	50mg	Đông	Viên nang cứng	Hộp 02 vỉ x 15 viên	Nhiệm 1	Kienh Pharms S.L.	Spain	Viên	30.000	3.500	105.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PHARMATAM TONK PHAT	9.000		x
K35	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Đông	Viên nén	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiệm 1	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	Viên	1.181	8.600	9.288.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VIỆT HÀ	348		x
24.4. Thuốc chống trầm cảm																		
K36	ITAZAPAM 30	Vilazapin	30mg	Đông	Viên nén bao phim	Hộp 1 vỉ x 10 viên	Nhiệm 4	CN CV CPDP Agispharm - Nhà máy S.S. DIP Agispharm	Viet Nam	Viên	500	789	394.500	1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGISPHARM	120		
24.5. Thuốc tác động lên hệ thần kinh																		

12/06/2025

12/06/2025

STT (1)	STT thu YT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung tâm (16)	Tên nhà đầu tư (17)	Số lượng tuy chọn mua thêm (18)	Điều kiện, số lượng tên của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn từ (20)
837	939	Tangitol 500mg	Acetylsalicylate	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Pierre Fabre Medicament Production	Pháp	Viên	30.000	4.812	138.360.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NAM	9.000		
838	939	SaVil-Leucin	N-Acetyl-DL-Leucin	500mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CP Dược phẩm SA-VI	Việt Nam	Viên	59.282	2.200	130.420.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÒ	17.784		x
839	939	Gilatin	N-Acetyl-DL-Leucin	500mg	Uống	Viên nén	Chai 500 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Khai Hòa	Việt Nam	Viên	30.000	300	9.270.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARMASIA HÀ NAM	9.000		x
840	939	Acetamin	N-Acetyl-DL-Leucin	500mg	Tẩm	Dạng dịch tẩm	Hộp 5 ống x 5ml, Hộp 10 ống x 5ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hải Dương	Việt Nam	Ống	5.500	12.600	69.300.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH DƯỢC PHARM AN NAM	1.600		
841	939	Zenasil	Acetylsalicylate	1g/10ml	Tẩm	Dạng dịch tẩm	Hộp 10 lọ x 10ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC Hà Nội	Việt Nam	Lọ	10.000	24.000	240.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM CPC HÀ NỘI	3.000		
842	941	Gilatin	Chitosan Alginate	1000mg/4ml	Tẩm	Dạng dịch tẩm	Hộp 5 ống x 4ml	Nhóm 1	Induspharm S.P.A	Ý	Ống	1.400	40.300	69.300.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC LIU TRUNG LƯƠNG	200	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố 30% trong các trường hợp: - Đối với cấp cứu; - Sau điều trị ngoại trú; - Sau phẫu thuật nội trú trong và ngoài bệnh viện; - Sau phẫu thuật nội trú tại bệnh viện.	
843	942	Semama 500mg	Citricolone (dạng Citricolone ester)	500mg/5ml	Tẩm	Dạng dịch tẩm	Hộp 5 ống x 4ml	Nhóm 1	Femer International, S.A.	Tây Ban Nha	Ống	2.000	31.900	103.800.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM VIET HA	600	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố 30% trong các trường hợp: - Đối với cấp cứu; - Sau điều trị ngoại trú; - Sau phẫu thuật nội trú trong và ngoài bệnh viện; - Sau phẫu thuật nội trú tại bệnh viện.	
844	945	GALAGI 4	Galactanin	4mg (lượng đông đung Galactanin bromide)	Uống	Viên nén	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN City CPDP Agriexpharm - Nhà máy SX DP Agriexpharm	Việt Nam	Viên	2.000	3.000	6.120.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGRIEXPHARM	600	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố điều trị bệnh tại bệnh viện và điều trị ngoại trú trong bệnh viện.	x
845	945	Monobuck 4mg	Galactanin (dạng Galactanin Hydrobromide)	4mg/5ml	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 20 ống 5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần dược phẩm CPC Hà Nội	Việt Nam	Ống	5.000	15.750	78.750.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM CPC HÀ NỘI	1.500	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố điều trị bệnh tại bệnh viện và điều trị ngoại trú trong bệnh viện.	

100%

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiên liệu (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quy định (16)	Tên nhà thuốc (17)	Số lượng mua (18)	Bên liên, lý (19)	Cấp phát (20)
845	946	CILORNA	Cao ginkgo biloba (Dược liệu ginkgo biloba physsane)	đường	Viên nang mềm	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhiên 2	Mega Laboratories Public Company Limited	Thailand	Viên	5.000	3.810	29.250.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2024	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	1.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2024	X
847	946	Ceforce	Cao liều H Ginkgo biloba	đường	Viên nang bao phim	Hộp 6 vỉ x 20 viên	BDO	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Germany	Viên	5.100	4.198	21.441.384	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	1.532	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	X
848	946	Trehalose	Cao liều H Ginkgo biloba	120mg	Viên nang bao phim	Hộp 2 vỉ x 35 viên	BDO	Dr. Willmar Schwabe GmbH & Co. KG	Đức	Viên	5.000	10.799	53.995.000	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	1.500	QĐ số 758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	X
849	940	ACETANAN 40	Ginkgo biloba	40mg	Viên nang mềm	Hộp 03, 10 vỉ x 10 viên, 10 vỉ x 15 viên, 10 vỉ x 30, 60, 90 viên	Nhiên 4	Cơ nhân công ty cổ phần dược phẩm Ajanapharm - Binh Hoa	Viet Nam	Viên	5.000	294	1.391.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	1.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	X
850	946	Ginkgo 3000	Ginkgo biloba	60mg	Viên nang bao phim	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Nhiên 1	Contract Manufacturing & Packaging Services Pty Ltd	Australia	Viên	20.000	5.000	1.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	6.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	X
851	947	Metiprednol Injection 500 mg	Methylprednisolone	0,5mg/ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 ống x 1ml	Nippon Pharma Corporation Inc. Japan	Nhật	Ống	7.900	76.383	291.027.017	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	2.399	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	X

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhân thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị đánh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VND) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trung bình (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tổng cộng mua thêm (18)	Miễn miễn, lệ lệ miễn theo của Quỹ BHYT theo Thông tư 26/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoại trừ (20)
852	947	34LEBAAL 1500	Meclozamine	1500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Mitsubishi Pharmaceutical (P) Ltd.	India	Viên	20.000	1.000	60.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	6.000	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố Hà Nội (theo mức hưởng của bảng kê mức lệ miễn giảm ngoại trừ do bảo hiểm y tế)	X
853	947	Vincoban 500mg/1ml	Meclozamine	500mg/1ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 1 ống x 1ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phúc	Viet Nam	Ống	1.500	10.000	38.150.000	1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM VINH PHÚC	1.050	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố Hà Nội (theo mức hưởng của bảng kê mức lệ miễn giảm ngoại trừ do bảo hiểm y tế)	
854	948	BFS-Penoxylidin	Penoxylidin	1000g/2ml	Tiền	Dạng dịch tiêm	Hộp 10 vỉ x 5ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC Hà Nội	Viet Nam	Lọ	10.000	31.400	314.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM CPC HÀ NỘI	3.000	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố Hà Nội (theo mức hưởng của bảng kê mức lệ miễn giảm ngoại trừ do bảo hiểm y tế)	
855	949	Apratam	Pracetam	400mg	Lồng	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	TS C Arena Group S.A. (Arena Group S.A.)	Romania	Viên	20.000	1.550	31.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TRUNG DƯỢC PHARM TÂN BÚC	6.000		X
856	949	Dasolac 400	Pracetam	400mg	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 24 ống x 8ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Đông	Viet Nam	Ống	20.000	3.900	119.070.000	1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC TỘC	9.000		X
857	949	Pracetam 400	Pracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 6 vỉ x 15 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Liên Doanh Sedapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Viên	115.000	1.225	140.875.000	87/QĐ- TTMS ngày 14/11/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM THIẾT BỊ Y TẾ PHÚC TỘC			X
858	949	Neuropt 400	Pracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Viet Nam	Viên	37.500	350	33.625.000	97/QĐ- TTMS ngày 12/12/2024	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM DANAPHI	8.100		X
859	949	Pracetam 800	Pracetam	800mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên nang cứng	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược Medpharm	Viet Nam	Viên	27.222	1.200	32.666.400	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG			X
860	949	PRACETAM 1200	Pracetam	1200mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Công ty TNHH Liên Doanh Sedapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Viên	45.000	2.080	93.600.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC PHARM CONSA	12.500		X
861	950	Vicobol	Vicobol	5mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Biochem Sp. a.o.	Ba Lan	Viên	20.000	2.000	40.800.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	5.000	Quỹ bảo hiểm y tế thành phố Hà Nội (theo mức hưởng của bảng kê mức lệ miễn giảm ngoại trừ do bảo hiểm y tế)	
25. THUỐC TÁC DỤNG TRÊN ĐƯỜNG HÔ HẤP																			
25.1. Thuốc chữa hen và bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính																			
862	947	BALUROL	Bambuterol	10mg	Uống	Viên nén	Hộp 3 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	CN Công CPDP Agiospharm - Nhà máy SX DP Agiospharm	Viet Nam	Viên	400	260	111.600	1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIOSPHARM	120		

10/10

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiên liệu (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định đăng ký (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng tự chọn mua (18)	Độc hại, y tế hoặc khác (19)	Cấp phát ngoại trú (20)
863	993 Beclite	Budesonide	Một liều sử dụng 4,05ml chứa Budesonide 6mg	Xịt mũi	Hộp 120 xịt mũi	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Dược	Việt Nam	Lô	699	90.000	60.210.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	200		x
864	993 Pulmicort Respules	Budesonide	200mcg/2ml	Hít qua mũi	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2ml	Hộp 4 gói x 5 ống đơn liều 2,5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	Ông	2.230	13.834	22.094.820	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	696		
865	992 Zaxobol nebulas 2.5	Sabunatol (dạng dung dịch)	2,5mg/2,5ml	Hít qua mũi	Dạng dịch hít dùng	Hộp 10 ống x 2,5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	Ông	5.096	4.410	22.050.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	1.500		
866	992 Zaxobol nebulas 5.0	Sabunatol (dạng dung dịch)	5mg/2,5ml	Hít qua mũi	Dạng dịch hít dùng	Hộp 10 ống x 2,5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm CPCI Hà Nội	Việt Nam	Ông	5.096	8.480	42.000.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	1.500		
867	992 Vaseline Inhaler	Sabunatol (dạng dung dịch)	100mg/10ml	Xịt qua mũi	Hít qua mũi	Hộp 1 bình xịt 100ml	Nhóm 5	Glaxo Wellcome S.A.	Viet Nam	Ông	241	76.379	18.407.390	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	72		x
868	994 FORAIR 125	Sabunatol (dạng dung dịch)	25mg/125ml	Hít qua mũi	Hít qua mũi	Hộp 1 bình xịt 120ml	Nhóm 5	Zydus Laboratories Limited	Viet Nam	Ông	400	79.000	31.600.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	820		x
869	995 Ventolin Inal	Terbutaline sulfate	1mg/ml	Tiêm	Dạng dịch tiêm	Hộp 5 vial x 10ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Phác	Viet Nam	Ông	1.000	10.800	10.800.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	300		
870	997 Sparco Respimat	Triamcinolone	0,0025mg/shot	Dùng hít	Dạng dịch hít	Hộp 1 bình xịt 100ml	Nhóm 5	Boehringer Ingelheim Pharma GmbH & Co. KG	Viet Nam	Ông	100	880.100	1.510.100.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 06/6/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	57		
25.2. Thuốc chữa ho																		
871	998 Brexonal	Sambonol Hydrochloride	20mg/10ml	Uống	Siro uống	Hộp 10 ống 10ml	Nhóm 1	Laboratorios Vianor S.A	Viet Nam	Ông	2.000	8.830	17.660.000	QĐ số 311/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	600		x
872	999 Bionell	Bromhexine Hydrochloride	2mg/2,5ml	Uống	Dạng dịch uống	Hộp 10 ống x 2,5ml, Hộp 20 ống x 2,5ml, Hộp 30 ống x 2,5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Việt Nam	Viet Nam	Ông	5.000	3.230	16.150.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DƯỢC	1.500		x

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Bạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Xuất xứ (11)	Đơn vị đánh (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quê định trung bình (16)	Tên nhà thầu (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
873	977	Bixanue 100	Acetylcysteine	200mg	Uống	Thuốc viên	Hộp 20 gói x 10 viên	Nhóm 4	Công ty TNHH đại diện BV Pharm	Viet Nam	Gin	10.000	440	4.400.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ NGOC KHANH	3.000		x
874	977	Acetylcystein 200mg	Acetylcysteine	200mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 20 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Chai nhai công ty có phân đặc phân trong uống Vidipha Binh Duong	Viet Nam	Vien	10.000	179	1.795.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHAM TRUNG LƯƠNG VIEPMA	3.000		x
875	972	Neo-Codium	Codex carphavillorat + Salicylat + Cao mắm Ginkgo	35mg + 100mg + 20mg	Uống	Viên nang bao đường	Hộp 2 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Soplatex	Pháp	Vien	2.000	3.585	7.170.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHAM VIỆT HÀ	600		x
25.3. Thuốc khác																			
876	981	Adrenat	Mỗi liều xit 0,1ml chứa: Mometason furate 0,05% (khí) 50mg	0,05% (khí)	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ 120 liều	Nhóm 4	Công ty Cổ Phân Tập Đoàn Mong	Viet Nam	Lọ	500	119.000	59.500.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHAM MEGAP	150		x
877	981	Beusones	Mometason furate	30mg/liều xịt	Xịt mũi	Hỗn dịch xịt mũi	Hộp 1 lọ chứa 140 liều xịt	Nhóm 1	Farnex	France	Lọ	1.345	348.000	468.660.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	400		x
26. DUNG DỊCH ĐIỀU CHỈNH NƯỚC, ĐIỆN GIẢI, CÂN BẰNG ACID-BASE VÀ CÁC DUNG DỊCH TIÊM TRUYỀN KHÁC																			
26.1. Thuốc uống																			
878	981	Kaliun chloratum biomedica	Kali chlorid	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 1	Biomedica pharm	Czech Republic	Vien	15.000	1.785	26.775.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ HAI A ĐƯỢC PHAM TÂM TOAN PHAT	4.500		x
879	984	MEVTRAPAGIL	Magnesi aspartat + kali aspartat	140mg + 150mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 4	Công ty liên doanh Meyers- BPC	Viet Nam	Vien	17.000	1.008	17.136.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC PHAM ANTAIV	5.100		x
880	985	Oreol hương cam	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucnat thận	0,7g + 0,3g + 0,30g + 4g	Uống	Thuốc bột	Hộp 40 gói x 5,6g	Nhóm 4	Công ty cổ phần Hóa dược Việt Nam	Viet Nam	Gói	46.000	1.660	75.600.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THIẾT BỊ Y TẾ HAI A ĐƯỢC PHAM THUY DUNG	13.800	Quý mua viên y tế khác viên hạt clorid + kali clorid + natri citrat + glucnat thận; Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucnat thận + kali	x
26.2. Thuốc tiêm truyền																			
881	987	Amigaren 5%	Dung dịch acid amin 5%	5%, 200 ml	Tiêm mạch	Dung dịch tiêm truyền thông mạch	Thùng 20 ml x 200 ml	Nhóm 4	Công ty Cổ Phân Dược pharm Cucka Việt Nam	Viet Nam	Túi	1.000	53.000	53.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	300		
882	987	Kaliote	Dung dịch 2,25% acid amin dành cho suy thận	2,25%, 200 ml	Tiêm mạch	Dung dịch tiêm truyền thông mạch	Thùng 20 ml x 200 ml	Nhóm 4	Công ty Cổ Phân Dược pharm Cucka Việt Nam	Viet Nam	Túi	1.879	115.000	215.085.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHÂN ĐƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	560		

Handwritten signature

STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đơn vị tính (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhiên liệu thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước xứ (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trong nhà (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyển đầu (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng sử dụng mua thêm (18)	Biên bản, lệ lệ thanh toán của Quý BHYT theo Thông tư 20/2023/TT-BYT (19)	Cấp phát ngày 17/0 (20)
883	987 Anisecton	Dạng dịch acid amin 8%	\$5%, 200 ml	Tiền triệu	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 ml x 200 ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Pharma Dược Việt Nam	Việt Nam	Túi	1.000	104.000	104.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	300		
884	987 Anisecton 10%	Dạng dịch acid amin 10%	10%, 200 ml	Tiền triệu	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 ml x 200 ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Pharma Dược Việt Nam	Việt Nam	Túi	2.000	53.000	106.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	600		
885	987 Anisecton 10%	Acid amin*	10%, 500ml	Tiền triệu	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Thùng 20 ml x 200 ml	Nhóm 2	Công ty Cổ phần Pharma Dược Việt Nam	Việt Nam	Túi	800	179.000	143.200.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	240		
886	987 Morphin	(0,920g + 0,943g + 0,203g + 0,044g + 0,009g + 0,214g + 0,070g + 0,890g + 0,890g + 1,537g + 0,002g + 0,310g + 0,530g + 0,260g + 0,002g + 0,560g)/100ml, 1,58%		Tiền triệu	Dạng dịch tiêm tĩnh mạch	Túi 20ml	BOD	Pharmaceuticals Co., Ltd	Nhật	Túi	225	116.672	26.250.200	758/QĐ-SYT ngày 06/6/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	67		
887	990 Conatiged Fort Injection	Acid amin + glucose + lipid (*)	Glucose (tổng dạng Glucose-mannofruct) 25, 99g, L-Alanine 1,28g, L-Asparagine 0,994g, L-Arginine acid 0,272g, L-Glutamic acid 0,448g, Glycine 0,632g, L-Histidine	Tiền triệu	Nhà nước tiêm truyền tĩnh mạch ngày vi	Thùng 2 ml x 3 nghìn 192ml	Nhóm 2	JW Life Science Corporation	Hàn Quốc	Túi	300	1.240.000	620.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	120	Quý khách vui lòng kiểm tra kỹ thành phần của thuốc trước khi sử dụng để tránh xảy ra các tác dụng phụ không mong muốn.	
888	992 Glucose 5%	Glucose	5%, 100ml	Tiền triệu	Dạng dịch tiêm truyền	Thùng 10 ml x 100ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Pharma Dược Việt Nam	Việt Nam	Chai	13.000	7.000	91.000.000	317/QĐ-SYT ngày 06/10/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	4.500		
889	992 Dextrose	Glucose	5%, 500ml	Tiền triệu	Dạng dịch tiêm truyền	Chai 500ml	Nhóm 1	Vinmec S.A. Pharmaceutical Industry	Việt Nam	Chai	23.000	20.000	460.000.000	317/QĐ-SYT ngày 15/7/2023	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIỆT BỆ Y TẾ BÀ NÀNG	10.500		

STT (1)	STT theo TT 20 (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng đóng chế (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nguồn gốc (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quốc định trung tâm (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng mua thêm (18)	Biên bản, tự lệ thành tạo của Quý BHYT theo Thông tư 28/2012/TT-BYT (19)	Cấp phát ngập trừ (20)
890	992	Glucose 5%	Glucose	5% / 500ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Chai 500ml	Nhóm 4	Công ty TNHH sản xuất dược phần Namagiri Lâm Đồng	Việt Nam	Chai	24.480	6.680	161.436.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM CHAU A- THAI BINH DUONG	7.338		
891	992	GLUCOSE 10%	Glucose khan (dạng đông Glucose monohydrat)	25g/250ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Thùng 20 chai 250ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	2.480	9.173	22.815.200	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHAM GONSA	720		
892	992	Glucose 10%	Mỗi 500 ml dung dịch chứa Glucose (dạng đông Glucose monohydrat) 50 g		Tiền muyền	Thuốc tiêm muyền	Chai 50ml; đang 20 chai	Nhóm 4	Công ty Cổ phần JVC	Việt Nam	Chai	13.000	8.400	126.000.000	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TRACH NHIEM HUT HAS DUOC PHAM THIEN THANH	4.500		
893	992	GLUCOSE 20%	Dextrose	20g/100ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Thùng 20 chai 50ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	16	13.650	218.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHAM GONSA	4		
894	992	Glucose 30%	Glucose (dạng dung dịch Glucose monohydrat)	1,5g/5ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Hộp 10 vi x 5 đồng x 5ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phuc	Việt Nam	Ông	553	985	525.005	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHAM ĐƯỢC PHAM VINH PHUC	199		
895	992	GLUCOSE 30%	Glucose khan	30% / 250ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Thùng 30 chai 250ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	75	12.810	960.750	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHAM GONSA	22		
896	992	Kali clorid 10%	Kali clorid	1g/10ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Hộp 10 vi x 5 đồng x 10ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vinh Phuc	Việt Nam	Ông	89	1.400	142.400	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHAM ĐƯỢC PHAM VINH PHUC	36		
897	994	Manitol 20%	Manitol	Mỗi 250ml dung dịch chứa Manitol 50g	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Chai 500ml	Nhóm 4	Công ty Cổ phần Hia - Dược phần Mekong	Việt Nam	Chai	33	28.500	1.510.500	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHAM HOA- DUOC PHAM MEKONG	15		
898	997	Natri clorid 3%	Natri clorid	3% / 100ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Thùng 80 chai x 100ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Kỹ thuật Dược lĩnh Bình	Việt Nam	Chai	500	6.991	3.495.500	QĐ số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM VINH DUOC SAI GON	150		
899	997	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	0,9% / 5ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Hộp 50 ống x 5ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Ông	900	1.470	735.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM TRUNG VIET	150		
900	997	Sodium Chloride	Natri Chlorid	0,9% / 100ml	Tiền muyền	Dạng dịch tĩnh truyền	Chai 100ml	Nhóm 1	Yostar S.A Pharmat Solutions Industry	Hà Lan	Chai	10.000	13.000	450.000.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH ĐƯỢC PHAM CHAU A- THAI BINH DUONG	9.000		

[Signature]

STT	STT theo TT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Dạng dùng (6)	Dạng bài (7)	Quy cách (8)	Nhiệm thuộc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sử (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định (16)	Tên nhà sản xuất (17)	Số lượng (18)	Biên bản, ký hiệu (19)	Cấp phát ngoại (20)
	911	1003	Lactated Ringier's	Ringier lactat	Tiền dùng	Dạng dùng tiền dùng	Thùng 20 chai x 500ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần bị thuốc Dược Binh Dinh	Viet Nam	Chai	45.000	6.541	294.245.000	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH NHOT THANH VIEN DƯỢC SÀI GÒN	11.500		
	912	1002	Lactate ringier & Decease 5%	Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium chloride, Calcium chloride, lactic acid, Sodium lactate, lactic acid, Decease lactic acid, Decease lactic acid, Decease lactic acid	3g, 0.15g, 0.075g, 1.55g, 15g	Tiền dùng	Chai 500ml, chai nhỏ	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Hóa Dược phần Metaphar	Viet Nam	Chai	36.250	11.450	181.681.500	31/10/2025 S/T ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA - DƯỢC PHAM MEROPHAR	4.175		
26.3. Thuốc khác																			
	913	1003	Nước cất siêu	Nước cất siêu	Tiền	Dạng mũ phần	Hộp 50 ống 10ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược Việt y tế Hải Dương	Viet Nam	Ống	54	086	37.044	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG	16		
	914	1003	Nước cất siêu	Nước cất siêu	Tiền	Dạng mũ phần	Hộp 50 ống x 5ml	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược Việt y tế Hải Dương	Viet Nam	Ống	296.186	304	144.237.344	31/10/2025 S/T ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THANH NHOT BHYT TẾ BÌNH DƯƠNG	83.453		
27. KHOẢNG CHẤT VÀ VITAMIN																			
	915	1006	CALCIUM STELLA 500MG	Calcium carbonate + Citric acid phosphate	300mg + 200mg	Uống	Viên sắt bột	Hộp 1 hộp 20 viên	Nhiệm 2	Công ty TNHH Liên Anh Sedapharm - Chi nhánh 1	Viet Nam	Viên	2.990	3.308	10.465.000	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GIẢI PHAM GIẢI	897	x
	916	1007	Mess	Calcium carbonate + vitamin D3	1250mg + 400IU	Uống	Viên nhai	Hộp 2 hộp x 15 viên	Nhiệm 1	Imobeta Chem	Pháp	Viên	30.000	1.399	101.700.000	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH NHOT THANH VIEN DƯỢC SÀI GÒN	9.000	x
	917	1007	AGI-CALCI	Calcium carbonate + vitamin D3	1250mg + 200IU	Uống	Viên nhai	Hộp 2 hộp x 10 viên	Nhiệm 4	CN Công ty CP Agimexpharm - Nhà máy SX D3 Agimexpharm	Viet Nam	Viên	24.000	953	22.444.673	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY CP DƯỢC PHAM AGIMEXPHARM	2.208	x
	918	1008	CALCI	Calcium lactate perhydrate	300mg	Uống	Hộp 3 x 10 viên, Hộp 5 x 10 viên, Hộp 20 x 10 viên	Nhiệm 4	Công ty cổ phần Dược phần Pharm - chi nhánh nhà máy Luanpharm	Viet Nam	Viên	10.000	2.150	21.500.000	31/10/2025 S/T ngày 15/7/2025	CÔNG TY THANH NHOT THANH VIEN DƯỢC SÀI GÒN	3.000	x	

STT (1)	STT theo TT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhóm thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước có tính (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Sĩ Quyết định trạng thái (16)	Tên nhà sản phẩm (17)	Số lượng trợ cấp mua thêm (18)	Điều kiện, ý lệ hành tên của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát nguồn trả (20)
901	997	Natriclorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/100ml	Tiền truyền	Dạng dịch s tiêm truyền	Thùng 80 chai nhựa 100ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemans Kabi Việt Nam	Viet Nam	Chai	11.200	4.373	48.973.680	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM TRUNG VIET	3.360		
902	997	Sodium Chloride	Natri Chlorid	0,9%/250ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền dịch mạch	Chai 250ml	Nhóm 1	Yonier S.A Pharmaceutical Solutions Industry	Hy Lạp	Chai	20.000	17.000	340.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM CHAU A- THAI BINH DUONG	6.000		
903	997	Natri Chlorid 0,9%	Natri clorid	0,9% (két)	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Chai 250ml	Nhóm 4	Công ty TNHH sinh xuất được pharmaceutical Lâm Đồng	Viet Nam	Chai	25.000	5.000	1.500.000.000	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM CHAU A- THAI BINH DUONG	7.500		
904	997	Natriclorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/250ml chứa trong chai 500ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai nhựa 500ml chứa 250ml dung dịch	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemans Kabi Việt Nam	Viet Nam	Chai	5.000	7.910	39.550.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM TRUNG VIET	1.500		
905	997	Sodium chloride 0,9%	Sodium chloride	0,9%/500ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền tĩnh mạch	Tai 500ml	Nhóm 1	Công ty cổ phần dược phẩm Quaka Việt Nam	Viet Nam	Tai	25.000	19.500	487.500.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM CHAU A- THAI BINH DUONG	7.100		
906	997	Sodium Chloride Injection	Natri clorid	4,5g/500ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Chai nhựa 500ml	Nhóm 2	Sichuan Kohan Pharmaceutical Co., Ltd	China	Chai	10.000	12.499	124.990.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG HAI & ĐƯỢC PHAM TÂM TOAN PHAT	3.100		
907	997	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Mỗi 500 ml dạng dịch chứa Natri clorid 4500 mg	Tiền truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai 500ml; thùng 20 chai	Nhóm 4	Công ty Cổ phần PVC	Viet Nam	Chai	101.512	5.813	590.495.504	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐƯỢC PHAM THIEN THANH	30.453		
908	997	Natriclorid 0,9%	Natri clorid	0,9%/1000ml	Tiền truyền	Dạng dịch tiêm truyền	Thùng 12 chai nhựa 1000ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemans Kabi Việt Nam	Viet Nam	Chai	3.637	11.422	41.578.184	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY TNHH ĐƯỢC PHAM TRUNG VIET	1.091		
909	997	NATRI CLORID 10%	Natri clorid	25g/250ml	Tiền truyền dịch mạch	Dạng dịch tiêm truyền	Thùng 20 chai 250ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Freemans Kabi Việt Nam	Viet Nam	Chai	691	11.886	8.215.226	QB số 1074/QĐ- SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN GOMSA	207		
910	999	SMOHLipid 20%	Dầu dừa tinh khiết chế; methylend mạch trung bình; dầu dừa tinh khiết; dầu cá tinh chế	(15g + 15g + 12,5g + 7,5g)/250ml	Truyền dịch mạch trung tâm	Nhũ trong tĩnh truyền	Thùng 10 chai 250 ml	Nhóm 1	Freemans Kabi Austria GmbH	Áo	Chai	1.000	143.000	143.000.000	QB số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC LIÊU TRUNG 1/0802	100	Mỗi chai Biotin với hàm 100 IU phosphatidylcholine và 100 mg dầu dầu cá tinh khiết	

STT theo TT (1)	STT (2)	Tên thuốc (3)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (4)	Nồng độ, hàm lượng (5)	Đường dùng (6)	Dạng bào chế (7)	Quy cách (8)	Nhân thuốc (9)	Tên cơ sở sản xuất (10)	Nước sở (11)	Đơn vị tính (12)	Số lượng (13)	Đơn giá tính theo (VNĐ) (14)	Thành tiền (15)	Số Quyết định trưng bày (16)	Tên nhà sản (17)	Số lượng tự chọn mua thêm (18)	Điều kiện, tỷ lệ đánh toán của Quỹ BHYT theo Thông tư 20/2022/TT-BYT (19)	Cấp phát ngoài trả (20)
926	1026	Vitamin B6	Pyridoxine hydrochloride	250mg	L uống	Viên nén bao phim	Chai 200 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Hòa Thành	Việt Nam	Viên	5.000	218	1.050.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM KHÁNH HOA	1.500	*	*
927	1027	Obilube	Vitamin B6 + magnesium lactate	5mg + 470mg	L uống	Dược dịch uống	Hộp 4 vi x 5 ống 10ml	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Hòa Thành	Việt Nam	Chai	20.000	4.079	81.580.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM ME TA	6.000	*	*
928	1028	Vitamin C 500mg	Vitamin C	500mg	L uống	Viên nén bao phim	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhóm 4	Công ty cổ phần Dược phẩm Quảng Bình	Việt Nam	Viên	10.000	140	1.400.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM QUẢNG BÌNH	3.000	*	*
929	1029	Upa-C	Acid Ascorbic (Vitamin C)	1000mg	L uống	Viên nén sát bọt	Hộp 1 hộp x 10 viên	Nhóm 1	UPSA SAS	Pháp	Viên	10.000	3.333	33.330.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC THIẾT BỊ Y TẾ HÀ SÁNG	3.000	*	*
930	1030	Amursin-C 1000	Acid ascorbic (Vitamin C)	1g	L uống	Viên nén sát bọt	Hộp 1 hộp x 10 viên	Nhóm 2	Công ty CPDP Savi	Việt Nam	Viên	45.000	1.845	84.825.000	QĐ số 317/QĐ-SYT ngày 15/7/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVA	15.500	*	*
931	1031	Isacpavit 400 capsule	Vitamin E acetate (all-trans-alpha-tocopherol acetate)	400mg	L uống	Viên nang cứng	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhóm 2	Isacpavit Pharmaceuticals Limited - Zirobo Plant	Bangladesh	Viên	10.000	1.800	18.000.000	QĐ số 1074/QĐ-SYT ngày 06/10/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM MEZA	3.000	*	*
Tổng cộng: 331 khoản														143.961.800.122					

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thương tá Trần Quang Pháp

PHỤ LỤC II:
DANH MỤC THUỐC CÓ TRUYỀN
(Kèm theo Quyết định số 1122/QĐ-BV199-KĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025)

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần chủ thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (4)	Thông dùng (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (7)	Nhiệm thuộc (8)	Tên cơ sở sản xuất (9)	Nguồn xuất (10)	Đơn vị tính (11)	Số lượng (12)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (13)	Thành tiền (14)	Số QĐ trung tâm (15)	Tên nhà sản xuất (16)	Số lượng tự quản mua sắm (17)	Cấp phát ngoại trú (18)
1	Biogen Forte	Cao khô Axitô EP (Extraction Chinese soccus), Cao khô Rau đang dẻ 1:1 (Extraction herba Chai oppositifolii soccus) - Cao khô Sơn bỉn (Extraction Senecio Purshiana soccus)/(Hàm lượng acid chlorogenic $\geq$ 0,8%)	Cao khô Axitô EP (Extraction Cytisac soccus) 170mg, Cao khô Rau đang dẻ 8:1 (Extraction herba Chai oppositifolii soccus) 120mg, Cao khô Sơn bỉn (Extraction Senecio Purshiana soccus) (Hàm lượng acid chlorogenic $\geq$ 0,8%) 13,6mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 10 vi x 10 viên	Nhiệm 1	Công ty cổ phần nông ngại rau Trapezo	Việt Nam	Viên	35.000	1.500	53.550.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY THUỐC MAI & DƯỢC PHẦN TÂM TOÀN PHÁT	10.500	
2	Bai thạch Trường Phác	Bạch nhũ của, Đường quy, Kian tiền thảo, Xa hồ tặc, Y dĩ, Sinh địa.	0,8g; 0,8g; 1,2g; 0,8g; 0,4g; 0,8g.	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 2 vi, 3 vi, 6 vi x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty THUỐC DƯỢC TIỀN Hương Thái	Việt Nam	Viên	40.000	2.045	81.890.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY THUỐC DƯỢC PHẦN TÂM TOÀN PHÁT	12.000	
3	Kian tiền thảo	Kian tiền thảo.	Cao khô Kian tiền thảo 10:1 (lượng đường với 1,2g Kian tiền thảo) 120mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 1 vi x 100 viên	Nhiệm 1	Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương	Việt Nam	Viên	15.000	350	5.250.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN TÂM TOÀN PHÁT	4.500	x
4	Bai thạch Axitô	Kian tiền thảo, Nhân sâm, Hoàng cầm, Ngải, Bạch hồ tặc, Cẩu thực, Hải phác, Bạch mao căn, Mộc hương, Đại hoàng	Cao khô Kian tiền thảo, Đảng (lượng đường với 1g Kian tiền thảo) Cao khô Nhân sâm được liều 230mg lượng đường với Nhân sâm 250mg, Hoàng cầm 150mg, Ngải 250mg, Bạch hươg, 100mg, Cẩu thực 100mg, Hải phác 100mg, Bạch mao căn 500mg, Mộc hươg 500mg, 100mg, Đại hoàng 50mg	Uống	Viên nén bào phân	Hộp 3 vi x 10 viên	Nhiệm 3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN TÂM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA	Việt Nam	Viên	20.000	430	8.190.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN TÂM CÔNG NGHỆ CAO ABIPHA	6.000	x

(Chữ ký)



STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Năng độ, hàm lượng (4)	Đường dùng (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (7)	Nhóm thuốc (8)	Tên cơ sở sản xuất (9)	Xuất xứ (10)	Đơn vị tính (11)	Số lượng (12)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (13)	Thành tiền (14)	Số QĐ trung thầu (15)	Tên nhà thầu (16)	Số lượng bị chọn mua thêm (17)	Cấp phát ngoại trừ (18)
5	Phong tế thấp - HT	Cao tảo xạ được liên (đương đương với Độc hoạt 2g; Phòng phong 1,33g; Tề tảo 1,33g; Tán kị 1,33g; Tán kị 1,33g; Tang ký sinh 1,33g; Đỗ trọng 1,33g; Ngưu tất 1,33g; Cam thảo 1,33g; Quế 1,33g; Dương quy 1,33g; Xuyên khung 1,33g; Bạch khương 1,33g; Sinh địa 1,33g; Nhân sâm 1,33g; Phục linh 1,33g) x 1,7g	Mỗi 15ml cao lỏng chứa: Cao bột hợp được liên (trương đương với: Độc hoạt 2g; Phòng phong 1,33g; Tề tảo 1,33g; Tán kị 1,33g; Tang ký sinh 1,33g; Đỗ trọng 1,33g; Ngưu tất 1,33g; Cam thảo 1,33g; Quế 1,33g; Dương quy 1,33g; Xuyên khung 1,33g; Bạch khương 1,33g; Sinh địa 1,33g; Nhân sâm 1,33g; Phục linh 1,33g) x 1,7g	Uống	Cao lỏng	Hộp 20 gói x 15ml	Nhóm 3	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Gói	30.000	8.000	240.000.000	QĐ số KQ2500043/818_25062/71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ PHẠM TÂM TOÀN PHAT	0.000	x
6	Phong tế thấp Bá Gông	Môn viên nang cứng chứa: Mã tiền chế Sừng; Dương quy Sừng; Đỗ trọng Sừng; Ngưu tất 48mg; Quế chỉ 32mg; Thương truật 48mg; Độc hoạt 64mg; Thổ phục linh 80mg.	Sừng: 50mg; Sừng: 50mg; 48mg; 32mg; 64mg; 64mg; 40mg.	Uống	Viên nang cứng	Hộp 10 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Nhà máy sản xuất thuốc YHCT Bà Cưng - Công ty cổ phần dược phẩm Bagasco - Chi nhánh Hà Nam	Việt Nam	Viên nang cứng	30.000	1.400	42.000.000	QĐ số KQ2500043/818_25062/71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SAI GON	9.000	x
7	Phong thấp vương	Bột Mã tiền chế, Thương truật, Hoàng phu, Mộc hương, Địa liền, Quế chi	50mg; 20mg; 13mg; 8mg; 6mg; 3mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 5 vỉ x 12 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần dược phẩm Hà	Việt Nam	Viên	188.043	1.300	282.064.500	QĐ số KQ2500043/818_25062/71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ	56.412	x
8	Thấp khớp bào P/H	Cao đặc Tán gao (Tán gao), Cao đặc Đỗ trọng (Đỗ trọng); Cao đặc Ngưu tất (Ngưu tất); Cao đặc Độc hoạt (Độc hoạt); Bột Phòng phong; Bột Xuyên khung; Bột Tục đoạn; Bột Hoàng kỳ; Bột Bạch thược; Bột Đương quy; Bột Phục linh; Bột Cẩu tích; Bột Thiên niên kiện.	0,1g (1g); 0,1g (1g); 0,15g (1g); 0,12g (1g); 0,5g; 0,3g; 0,5g; 0,3g; 0,5g; 0,4g; 0,5g; 0,4g	Uống	Viên hoàn cứng	Hộp 10 gói x 5g	Nhóm 3	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Việt Nam	Gói	40.000	4.900	196.000.000	QĐ số KQ2500043/818_25062/71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	12.000	x

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (4)	Dạng đáng (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (7)	Nhiệm thuộc (8)	Tên cơ sở sản xuất (9)	Xuất xứ (10)	Ban vì sinh (11)	Số lượng (12)	Ban giá trình nhân (VND) (13)	Thành tiền (14)	Số QĐ trưng thầu (15)	Tên nhà thầu (16)	Số lượng tuy chọn mua thêm (17)	Cấp phát nguồn tài (18)
9	Quay ở đường tâm OPC	Bạch truật, Bạch linh, Hoàng kỳ, Táo sơn nhân, Bách thược, Sài hồ hương, Cam thảo, Đường quy, Viễn chí, Long nhãn, Trại lão.	64.0mg; 64.0mg; 14.0mg; 64.0mg; 32.0mg; 12.0mg; 16.0mg; 6.4mg; 6.4mg; 64.0mg; 16.0mg	Uống	Viên hoàn cứng	Hộp 48 gói x 10 viên	Nhiệm 3	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm được phân OPC tại tỉnh Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Viên	12.750	370	4.713.300	QĐ số KQ2300043 818_25062 PHAM DUOC PHAM OPC 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM TRUNG UƠNG	3.817	x
10	Phân bổ trung kế khi	Nhiên sản,Dương sâm, Hoàng kỳ, Đường quy, Bách thược, Hoàng ma, Sài hồ, Trần bì, Cam thảo, (Sinh lương), (Đại táo).	Mỗi 5g chứa:Bách thược 0,115g; Hoàng kỳ 0,51g; Cam thảo 0,115g; Sài hồ 0,115g; Thăng ma 0,115g; Dương sâm 0,64g; Trần bì 0,115g; Đường quy 0,115g; cam được lên 0,785g (Tổng đường Đại táo 0,51g. Công 0,06g.)	Uống	Viên hoàn cứng	Hộp 20 gói x 5g	Nhiệm 3	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung	Việt Nam	Gói	35.000	3.590	123.500.000	QĐ số KQ2300043 818_25052 TRUNG UONG 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM TRUNG UƠNG	10.500	x
11	Viên bạch trí	Đường sắn, Bạch trưât, Đường quy, Trần bì, Cam thảo hòa hợp được lên thành đường với (Đại táo, Hoàng kỳ, Dương sâm, Thăng ma, Sài hồ, Cam thảo).	60mg; 60mg; 60mg; 60mg; 480mg (360mg; 240mg; 360mg; 60mg; 60mg)	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương 3	Việt Nam	Viên	3.108	690	2.133.840	QĐ số KQ2300043 818_25052 PHAM TRUNG UONG 3 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC PHAM TRUNG UONG 3	690	x
12	Heart huyết dưỡng não	Đinh lăng, Bạch quả, (Đào rừng).	Cao đặc rễ đinh lăng (trong dược với 2000mg rễ đinh lăng) 200 mg; Cao khô lá bạch quả (trong dược với 10mg; được 6,45mg ginkgo flavonoid mỗi phân) 30 mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Công ty cổ phần dược vật y tế Hòa Dược	Việt Nam	Viên	40.000	1.000	40.000.000	QĐ số KQ2300043 818_25062 MEINHROS 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỐC MEDIBROS MEINH TRUNG	12.000	x
13	Cefazolin	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1 (Extractum Radix Polyactis spissant); Cao khô lá Bạch quả (Extractum Foli Ginkgo succin);(Hàn lỏng Flavonoid toàn phần ≥24%) 24%).	Cao đặc rễ Đinh lăng 5:1 (Extractum Radix Polysaccharos spissant) 500mg; Cao khô lá Bạch quả(Extractum Foli Ginkgo succin)(Hàn lỏng Flavonoid toàn phần ≥24%) 1000mg	Uống	Viên nang mềm	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm 2	Công ty cổ phần công nghệ cao Traipaco	Việt Nam	Viên	40.000	3.150	126.000.000	QĐ số KQ2300043 818_25062 PHAM TAM TOAN PHAT 29/06/2025	CÔNG TY TNHH THUONG MAI & DUONG PHAM TAM TOAN PHAT	12.000	x
14	Flucanil 500	Cao khô hỗn hợp các dược liệu (tượng ứng Theo tỷ lệ: Hạt tiêu 0-6%; Dây đau xương, Đỗ trọng, Củ hải tỳ, Củ tấu bồ, Nấm ô châu 5:50mg :5-	25mg;25mg; 25mg; 25mg;50mg;25mg;50mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhiệm 3	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	170.000	2.700	459.000.000	QĐ số KQ2300043 818_25062 GIANG SAI GON 29/06/2025	CÔNG TY TNHH DUỐC PHAM HOANG SAIGON	51.000	x

STT (1)	Tên thuốc (2)	Tên hoạt chất/Tên thành phần của thuốc (3)	Nồng độ, hàm lượng (4)	Dạng bào chế (5)	Dạng bào chế (6)	Quy cách (7)	Nhóm thuốc (8)	Tên cơ sở sản xuất (9)	Xuất xứ (10)	Đơn vị tính (11)	Số lượng (12)	Đơn giá trung mẫu (VNĐ) (13)	Thành tiền (14)	Số QĐ trung mẫu (15)	Tên nhà thầu (16)	Số lượng tự chọn mua thêm (17)	Cấp phát ngoại trừ (18)
15	Toblands 250 mg	Bột béc hóa đầu.	250mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 6 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty cổ phần dược Phẩm Trung ương 3	Việt Nam	viên	25.000	2.500	64.650.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIKROS MIỀN TRUNG	7.500	x
16	Bại bổ khí huyết	Đương quy; Xuyên khung; Thục địa; Bạch phục; Đảng sâm; Bạch trư; Bạch truật; Cam đầu.	Mỗi viên nang cứng chứa 375mg cao khô hỗn hợp tương đương với được liệt kê. Dương quy 400mg; Xuyên khung 500mg; Thục địa 400mg; Bạch phục 500mg; Đảng sâm 500mg; Bạch trư 500mg; Bạch truật 500mg. Cam đầu 250mg.	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ phần TM Dược VITYT Khai Hà	Việt Nam	Viên	20.000	750	14.600.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC SAI GON	6.000	x
17	Hoạt huyết Phác Hạng	Bột Dương quy; Cao đặc dược liệu (Thục địa; Ngưu tất; Xuyên khung; ích mẫu)	120mg; 240mg; 400mg; 600mg; 300mg; 300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 2 vỉ x 20 viên	Nhóm 3	Công ty TNHH Đông Dược Phúc Hưng	Việt Nam	Viên	30.000	800	24.000.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH ĐÔNG DƯỢC PHÚC HƯNG	9.000	x
18	Hansolgin tam thất	Cao đặc tam thất (tương đương 750mg Tam thất)	Cao đặc tam thất (tương đương 750mg Tam thất) 120mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Dược Quốc tế Tạng Lào	Việt Nam	Viên	20.000	2.900	58.000.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	6.000	x
19	Hansolgin tam thất	Cao đặc tam thất (tương đương 750mg Tam thất)	Cao đặc tam thất (tương đương 750mg Tam thất) 120mg	Uống	Viên nang cứng	Hộp 5 vỉ x 10 viên	Nhóm 3	Công ty Cổ phần Dược Quốc tế Tạng Lào	Việt Nam	Viên	20.000	2.900	58.000.000	QĐ số KQ2500043 818_25062 71448 ngày 29/06/2025	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI & DƯỢC PHẨM TÂM TOÀN PHÁT	6.000	x
Tổng cộng: 19 khoản													1.882.490.644				

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Thương tá Trần Quang pháp

PHỤ LỤC III:
DANH MỤC VỊ THUỐC CÓ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-BV 199-KĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025)

STT (1)	Tên vị thuốc có truyền (2)	Bộ phận đông y (3)	Tên khoa học (4)	Phương pháp chế biến (5)	Quy cách đông y (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (Tuần thọ) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GB/LH/ GPNK (10)	Cơ sở sản xuất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số Quyết định truyền (17)	Tên nhà sản xuất (18)	Số lượng tự chọn mua thêm (19)	Chi phí (20)
1	Bà kích chính quy	Rễ	Radix Morindae officinalis	Chếch mụn	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 1	24 tháng	N	VCT- 00001-20	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Kg	1.100.000	6	6.578.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN VIỆT NAM	1,794	
2	Vị thuốc có truyền Bà kích nhân sao vàng	Hạt	Semen Fagopyri orientalis	Sao vàng	Đong túi PE hạt 5kg, từ 1- 10kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-31854- 19	Công ty cổ phần dược phần Thành Phát	Công ty cổ phần dược phần Thành Phát	Kg	850.000	21	17.790.500	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN THÀNH PHÁT	6,270	
3	Bạch chỉ	Rễ	Radix Angelicae dahuricae	Thái phần	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- (0154-21	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thành Long	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thành Long	Kg	216.300	3	646.737	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC Y DƯỢC THÀNH LONG	0,897	
4	Bạch linh	Thế quả năm (phần năm đàn gỗ thông bên trong)	Pinus	Thái phần	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00154-21	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thành Long	Công ty cổ phần Đông Y Dược Thành Long	Kg	176.400	24	4.219.488	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC Y DƯỢC THÀNH LONG	7,176	
5	Bạch thược chi	Rễ	Radix Paeoniae lactiflora	Chếch mụn	Túi PE 2 lkg, 1-3 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-33311- 19	Công ty cổ phần dược liên Trung Xuân	Công ty cổ phần dược liên Trung Xuân	Kg	315.000	33	10.360.150	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN TRUNG XUÂN	9,867	
6	Bạch trạch bạch quy	Thân rễ	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Chếch mụn	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00001-20	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Kg	435.000	63	28.569.450	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN VIỆT NAM	18,837	
7	Cam thảo chính mặt	Rễ	Radix Glycyrrhizae	Chếch mặt	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00004-20	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liên Việt Nam	Kg	218.000	18	3.910.920	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊN VIỆT NAM	5,382	

STT (1)	Tên vị thuốc cổ truyền (2)	Bộ phận dùng (3)	Tên khoa học (4)	Phương pháp chế biến (5)	Quy cách đóng gói (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (Tuần/Tháng) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GD/LH/ GPNK (10)	Cơ sở sản xuất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số Quyết định trung bình (17)	Tên nhà thầu (18)	Số lượng tổng cộng mua thêm (19)	Ghi chú (20)
8	Cát cánh	Rễ	Radix Platycodonis grandiflorae	Thái phiến	Túi 1kg, 2kg, 5kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00199-22	Công ty Cổ phần Dược phần OPC tại Binh Duong - Nhà máy Dược phần OPC	Công ty Cổ phần Dược phần OPC	Kg	290.000	18	5.220.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN OPC	5.420	
9	Củ Kỳ Tử	Quả	Fructus Lycii	Sơ chế	Túi 1 - 5kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00180-22	Công ty cổ phần Dược phần Việt Nam	Công ty cổ phần Dược phần Việt Nam	Kg	215.250	21	4.505.183	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	6.279	
10	Củ tích	Thân rễ	Rhizoma Chionodoxae	Thái phiến	Đồng túi PE từ 1-5kg tùy kích	Nhóm 2	24 tháng	N	VCT- 00165-21	Công ty cổ phần Dược phần Sơn Lâm	Công ty cổ phần Dược phần Sơn Lâm	Kg	98.700	39	3.836.469	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC SƠN LÂM	11.661	
11	Củ mai hồ rêu	Thân rễ	Rhizoma Dryopteridis	Sơ chế	Túi 1kg, 2kg, 3kg, 10kg, 20kg	Nhóm 3	24 tháng	N	VCT- 00152-21	Công ty cổ phần Dược phần Thăng Long	Công ty cổ phần Dược phần Thăng Long	Kg	163.000	39	6.366.906	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU THĂNG LONG	11.661	
12	Bại tảo	Quả	Fructus Ziziphi jujubae	Sấy khô	Túi 100g, 500g, 1kg, 5kg, 10kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00262-22	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Ninh Hiệp	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Ninh Hiệp	Kg	108.000	66	7.104.240	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU NINH HIỆP	19.754	
13	Vị thuốc cổ truyền Đan Sâm	Rễ và thân rễ	Radix Salviae miltiorrhizae	Sơ chế	Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00350-23	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Ninh Xuân	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Ninh Xuân	Kg	315.950	9	2.816.132	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRƯỜNG XUÂN	2.691	
14	Vị thuốc cổ truyền Đang tâm chỉ gông	Rễ	Radix Codonopsis	Chặt gừng	Túi 0,5kg, 1kg, 2kg, 3kg, 4kg, 5kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00356-22	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Bắc Ninh	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Bắc Ninh	Kg	715.000	31	36.343.450	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN BẮC NINH	15.249	
15	Vị thuốc cổ truyền Đang tâm chỉ gông	Vỏ thân	Corax Eucommiae	Phiến	Túi PE 2 lớp, 1-5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00353-23	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Trường Xuân	Công ty cổ phần Dược phần Dược phần Trường Xuân	Kg	175.399	37	9.961.654	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRƯỜNG XUÂN	17.043	
16	Vị thuốc cổ truyền Độc hạc	Rễ	Radix Angelicae pubescentis	Phiến	Gói 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00135-21	Công ty CPTM được VTYT Khai Hải	Công ty CPTM được VTYT Khai Hải	Kg	174.000	31	8.844.420	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHAI HẢI	15.249	

STT (1)	Tên vị thuốc cổ truyền (2)	Bộ phận dùng (3)	Tên khoa học (4)	Phương pháp phân biệt (5)	Quy cách đóng gói (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (tối thiểu) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GDCL/ GPNK (10)	Cơ sở sản suất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số Quyết định trưng thầu (17)	Tên nhà thầu (18)	Số lượng mua thêm (19)	Giá trị (20)
17	Vị thuốc cổ truyền Đương quy cách ngựa	Rễ	Radix Angelicae sinensis	Chiết nước	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00037-22	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Kg	975.000	21	12.054.750	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN BẮC NINH	6.279	
18	Hương kỳ bạch mộc	Rễ	Radix Astragalii membranaceus	Chiết nước	Gói 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg; 20kg; 25kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00110-31	Công ty CPTM Dược VTYT Khai Hải	Công ty cổ phần Dược VTYT Khai Hải	Kg	258.000	36	9.287.040	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHAI HẢI	10.754	
19	Hồng hoa	Éo	Flos Carthami marchali	Sơ chế	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00183-22	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Kg	739.000	3	2.209.610	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	0.807	
20	Ngũ thần sơn	Rễ	Radix Scrophulariae	Thái phần	Gói 1kg; 2kg; 3kg; 5kg; 10kg; 20kg; 25kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00513-24	Công ty CPTM Dược VTYT Khai Hải	Công ty CPTM Dược VTYT Khai Hải	Kg	164.000	3	490.360	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ KHAI HẢI	0.807	
21	Ké đầu ngựa chẻ	Quai	Fructus Xanthii erucarii	Sơ chế	Đóng túi PE hàng tấn, từ 1- 10kg	Nhóm 2	18 tháng	N	VD-31182- 18	Công ty cổ phần Dược phần Thuận Phải	Công ty cổ phần Dược phần Thuận Phải	Kg	96.000	3	287.040	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN THANH PHẢI	0.807	
22	Ké huyết đằng	Thân	Caulis Spatholobi	Thái phần	Túi 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg	Nhóm 2	24 tháng	N	VCT- 00079-23	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Kg	141.000	3	421.500	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN BẮC NINH	0.807	
23	Vị thuốc cổ truyền Khum ngân hươu	Hươu	Pilos Laurencei	Sơ chế	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00292-22	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Kg	545.000	9	4.888.650	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	2.691	
24	Khum thực sao vàng	Hươu	Serran Euryale	Sơ chế	Đóng túi PE hàng tấn, từ 1- 10kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-31885- 19	Công ty cổ phần Dược phần Thuận Phải	Công ty cổ phần Dược phần Thuận Phải	Kg	332.000	3	992.680	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN THANH PHẢI	0.897	
25	Nhương nhai	Ké và thân rễ	Placoma et Radix Notopterygii	Thái phần	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00038-20	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Công ty cổ phần Dược Hải Việt Nam	Kg	1.290.500	50	69.525.000	QĐ số 44/QĐ- SVT ngày 09/8/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	15.080	

STT (1)	Tên vị thuốc cổ truyền (2)	Bộ phận dùng (3)	Tên khoa học (4)	Phương pháp chế biến (5)	Quy cách đóng gói (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (Tuần thọ) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GPKH/GPNC (10)	Cơ sở sản xuất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số Quyết định trung tâm (17)	Tên nhà sản xuất (18)	Số lượng tổng cộng mua thêm (19)	Ghi chú (20)
26	Liên kiều	Quả	Fraxus Forsythiae	Sơ chế	Gói 1kg, 2kg, 3kg, 5kg, 10kg, 20kg, 25kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00507-24	Công ty CPTM Dược VTYT Khai Hà	Công ty CPTM Dược VTYT Khai Hà	Kg	518.000	25	12.950.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC MAI DƯỢC VẬT TUYỆT KHAI Hà	7.500	
27	Nặng bình từ	Quả	Fraxus Viciae	Phức chế	Đóng túi PE hàn kín, từ 1- 10kg	Nhóm 2	24 tháng	N	VD-31892- 19	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	603.000	3	1.802.970	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	0.897	
28	Mộc qua	Quả	Fraxus Chelonoides speciosa	Phức chế	Đóng túi PE hàn kín, từ 1- 10kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VD-33543- 19	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	110.000	24	2.631.200	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	7.176	
29	Nội gia bì chân chim	Vỏ thân và vỏ cánh	Cortex Schellerae hepaphyllae	Thái phiến	Đóng túi PE hàn kín, từ 1- 10kg	Nhóm 2	24 tháng	N	VCT- 00224-22	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	94.500	3	282.555	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC SƠN LÂM	0.897	
30	Nội vi từ	Quả	Fraxus Schisandrae	Chế phẩm	Đóng túi PE hàn kín, từ 1- 10kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-31895- 19	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	543.000	6	3.247.140	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUẬN PHÁT	1.794	
31	Nội tử từ	Rễ	Radix Achyrocline sclerostachya	Thái phiến	Túi 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 20kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00147-21	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	239.400	66	15.747.732	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC DƯỢC THƯỜNG LỘC	19.754	
32	Phôi cổ chài (Đỗ cốt chài)	Quả	Fraxus Pycnantha corymbosa	Phức chế	Túi 1 - 5kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00042-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	132.300	3	395.577	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	0.897	
33	Phòng phong	Rễ	Radix Saposhnikovia divaricata	Phức chế	Túi PE 2 lớp, 1,5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00529-24	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	720.300	100	72.030.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUỐC LIÊU VIỆT NAM XUÂN	30.000	
34	Vị thuốc cổ truyền Phục Thận	Quả thân nân	Portia	Sơ chế	Túi PE 1 Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00131-23	Công ty TNH Dược phẩm FITOPHARM A	Công ty TNH Dược phẩm FITOPHARM A	Kg	424.000	15	6.360.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY THNH DƯỢC PHẨM FITOPHARM	4.500	
35	Vị thuốc cổ truyền Quế nhục	Vỏ	Cortex Cinnamomi	Sơ chế	Túi 1 - 5kg	Nhóm 1	24 tháng	N	VCT- 00055-20	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	333.000	35	11.655.000	QĐ số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THUỐC LIÊU VIỆT NAM	10.300	

STT (1)	Tên vị thuốc cổ truyền (2)	Bộ phận dùng (3)	Tên khoa học (4)	Phương giúp chẩn bệnh (5)	Quy cách dùng gói (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (Tối thiểu) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GDKL/ GVN (10)	Cơ sở sản xuất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số quỹ điện trung tâm (17)	Tên nhà sản xuất (18)	Số lượng mẫu thử (19)	Ghi chú (20)
36	Vị thuốc cổ truyền Su sâm	Rễ	Radix Cichorii	Phân	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00239-22	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	431.500	6	2.690.920	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	1.794	
37	Vị thuốc cổ truyền Sinh địa	Rễ củ	Radix Rehmanniae glutinosae	Sơ chế	Túi PE 2 lopp, 1-5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT- 00410-23	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Xuyên	Công ty cổ phần Dược liệu Trung Xuyên	Kg	186.900	15	2.803.500	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRƯỜNG XUYÊN	4.500	
38	Vị thuốc cổ truyền sơn thù hương	Quả	Fraxinus Corei officinalis	Chang truyền	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 1	24 tháng	B	VCT- 00025-20	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	399.000	24	9.561.080	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	7.176	
39	Tân gưu	Rễ	Radix Gentianae macrophyllae	Sơ chế	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 1	24 tháng	B	VCT- 90276-22	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	369.000	80	29.520.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	24.000	
40	Tục đoạn	Rễ	Radix Dipsacis	Thái phân	Túi 0.5kg, Túi 1kg, Túi 2kg, Túi 3kg, Túi 4kg, Túi 5kg	Nhóm 2	24 tháng	N	VCT- 60387-23	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Công ty cổ phần Dược phần Bắc Ninh	Kg	225.000	190	42.750.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN BẮC NINH	57.000	
41	Thảo mộc đông	Rễ	Radix Ascorae cochinchinensis	Lưu chọn	Đông tử PE, 1-5kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00238-22	Công ty Cổ phần Dược Sơn Lâm	Công ty Cổ phần Dược Liệu Quốc Tế	Kg	472.710	15	7.090.650	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU QUỐC TẾ	4.500	
42	Thảo mộc kiện	Thân rễ	Rhizoma Hemodorum occidentale	Sơ chế	Túi PE 2 lopp, 1-5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	N	VD-33336- 19	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Xuyên	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Xuyên	Kg	178.500	30	8.925.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRƯỜNG XUYÊN	15.000	
43	Thục địa	Rễ	Radix Rehmanniae glutinosae purpurascens	Chế nước, nước, gừng, sa nhân	Túi 1kg, 3kg, 5kg, 10kg, 20kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00151-21	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Long	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Long	Kg	260.100	170	44.166.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRƯỜNG LONG	51.000	
44	Thương truật sao qua	Thân rễ	Rhizoma Atractylodes	Sơ chế	Đông tử PE hạt nhân, từ 1- 10kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-31808- 19	Công ty cổ phần Dược phần Thanh Phải	Công ty cổ phần Dược phần Thanh Phải	Kg	600.000	60	36.000.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẦN THANH PHẢI	18.000	
45	Tai mẫu thảo mộc,	Thân rễ	Rhizoma Anemone	Chế nước	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00208-22	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	363.000	6	1.566.780	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	1.794	
46	Lý linh tiên	Rễ và thân rễ	Radix et Rhizoma Clematidis	Sơ chế	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT- 00192-22	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	541.500	90	19.005.000	QB số 449/QĐ- SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VIỆT NAM	22.000	

STT (1)	Tên vị thuốc cổ truyền (2)	Bộ phận dùng (3)	Tên khoa học (4)	Phương pháp chế biến (5)	Quy cách đóng gói (6)	Phân nhóm (7)	Hạn dùng (Tuần/tháng) (8)	Nguồn gốc (9)	Số GSK/LU/GPVK (10)	Cơ sở sản xuất (11)	Cơ sở cung cấp (12)	Đơn vị tính (13)	Đơn giá trung bình (VNĐ) (14)	Số lượng (15)	Thành tiền (16)	Số Quyết định trung bình (17)	Tên nhà sản (18)	Số lượng tuyệt đối mua thêm (19)	Giá trị (20)
47	Vỏ rễ cây rau răm	Rễ	Radix Polygalae	Sao củn	Túi 1 - 5Kg	Nhóm 2	24 tháng	B	VCT-0003-20	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam	Kg	1.280.000	80	102.400.000	QĐ số 449/QĐ-SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU VIỆT NAM	24.000	
48	Ngũ cốc không	Tinh bột	Rhizoma Ligustici wallichii	Thái phân	Túi 1-5 Kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VCT-00373-23	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Xuân	Công ty cổ phần Dược liệu Trường Xuân	Kg	197.400	42	8.203.164	QĐ số 449/QĐ-SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIÊU TRƯỜNG XUÂN	12.558	
49	Y dĩ chế	Hạt	Semen Coris	Chế	Đóng túi PE hàn kín, từ 1-10kg	Nhóm 2	18 tháng	B	VD-33206-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Công ty cổ phần Dược phẩm Thành Phát	Kg	110.000	3	328.900	QĐ số 449/QĐ-SYT ngày 09/9/2025	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THÀNH PHÁT	0.897	
Tổng cộng: 49 khoản																729.447.796			

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Thượng tá Trần Quang Pháp